

I THÁNG 8 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

TỪ TRÌ *những bất biến trong chính sách đối ngoại của Nga* * PHẠM VIỆT CHÂU *trăm Việt trên vùng định-mệnh : Cao-Miên với thể trung lập chông chênh* * TRẦN VĂN KHÊ *vài cái hay cái dở trong nhạc Việt* * CUNG GIỮ NGUYÊN *toán số với cần khôn* * LÊ HƯƠNG *tín ngưỡng trong đời sống của người Việt gốc Miên : Bùa ngải* * TỪ KỂ TƯỜNG *thấp sáng mùa hè* * NGUYỄN KIM PHƯƠNG *tìm tài liệu* * BÁCH KHOA *tác phẩm và cuộc đời : nói chuyện với Võ Phiến* * TƯỜNG LINH *sương và ốc biển* * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *sự thật phũ phàng — di chúc nguyệt cầu — sao cho tròn ước* * ĐOÀN THÊM *Apollo 11 : một vài ảnh hưởng đặc biệt* * TRẦN LƯƠNG NGỌC *Apollo 11 : chuyến bay lịch sử*

302





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

THỜI-ĐẠI

Số 302 ngày 1 - 8 - 1969

TỪ TRÍ <i>những bất biến trong chính sách đối ngoại của Nga.</i>	5
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định-mệnh : Cao-Miên với thể trung lập chông-chênh.</i>	11
TRẦN VĂN KHÊ <i>vài cái hay cái dở trong nhạc Việt (Lối ca Huế và đàn tài-tử).</i>	19
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với càn khôn.</i>	29
LÊ HƯƠNG <i>tín ngưỡng trong đời sống của người Việt gốc Miên : Bùa Ngải.</i>	37
TỪ KẾ TƯỜNG <i>thấp sáng mùa hè (truyện ngắn)</i>	45
NGUYỄN KIM PHƯƠNG <i>tìm tài liệu (truyện ngắn)</i>	56
BÁCH KHOA <i>tác phẩm và cuộc đời : nói chuyện với Võ-Phiến.</i>	59
TƯỜNG LINH <i>sương và ốc biển (thơ)</i>	73
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>sự thật phũ phàng — di chúc nguyệt cầu — sao cho tròn ước. (thơ nhị thập-bát-tứ)</i>	74
ĐOÀN THÊM <i>Apollo 11 : một vài ảnh-hưởng đặc-biệt.</i>	75
TRẦN LƯƠNG NGỌC <i>Apollo 11 : chuyến bay lịch sử</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách - Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Biện chứng pháp là gì?** của Trần Thái Đình do Hưóng - Mới xuất bản và gửi tặng. Sách phổ thông Triết học, biên soạn công phu và dễ hiểu, dày 214 trang gồm 4 chương: Biện - chứng - pháp duy niệm của Platon, duy linh của Hégel, duy vật của Các - Mác và Biện - chứng - pháp ngày nay; Giá 140đ.

— **Kỹ-thuật tuyên-truyền chính-trị**, nguyên tác « La propagande politique » của J.M. Domenach, bản dịch và chú giải của Thế-Uyên, do Thái-Độ xuất bản trong Tá sách Bình thư Quân chính, và dịch giả gửi tặng. Sách dày 220 trang gồm 9 chương: từ « Hai nguồn gốc của tuyên truyền » đến « Tuyên truyền kiểu Lê - nin », « kiểu Hitler », « các qui luật và kỹ thuật » và « Di luận, Dân chủ và tuyên truyền ». Bản đặc biệt. Giá 170đ.

— **Thơ Nguyễn văn Đệ, Mặc-Msi-Nhân, Phương-Ho-Sử** do tác giả gửi tặng. Tuyển tập thơ, in trên khổ hạn chế, một mặt, khổ 20x26, dày 28 trang gồm 17 bài thơ chọn lọc của 3 nhà thơ trẻ.

— **Cao - nguyên** (Việt Nam quê hương yêu dấu) tập hình ảnh quê hương đất nước thứ nhì của 2 nhiếp ảnh gia Cao Đàm, Cao Linh, do Gấm-hoa xuất bản và các tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang, khổ 25x29, gồm 88 bức hình tuyệt mỹ về người, cảnh, và nếp sinh hoạt của người dân xứ Thượng cùng 17 hình nhỏ về sắc tộc Cao nguyên

của 2 nhiếp-ảnh-gia danh tiếng. Phần phụ-lục có trình bày sơ lược về phong tục tập quán của một số sắc-tộc miền sơn cước.

— **Con Voi** nguyên tác của Slawomir Mrozek, bản dịch của Diễm Châu do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang gồm 23 truyện ngắn, đoạn văn châm biếm của nhà văn Ba-lan, đã đoạt Giải thưởng lớn của Tạp chí văn hóa Ba - lan và giải thưởng « Hải hươc đen » của Pháp năm 1964. Bản đặc biệt.

— **Trên đỉnh sa mù** tập truyện của Mang Viên Long, do Nhi Hồng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 178 trang gồm 8 truyện ngắn. Giá 120đ.

— **Hòa-bình ơi hãy đến** tuyển tập thơ nhạc của Luân-Hoán, Lê vinh Thọ và Phạm Thế Mỹ, do Phạm Thế Mỹ gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm thơ của Luân Hoán, của Lê vinh Thọ, và nhạc của Phạm Thế Mỹ, mỗi người 14 bài, trình bày rất đẹp, phụ bản của Đình Cường và Nghiêu Đễ. Bản đặc biệt.

Tuyên truyện nhật-bản, của các tác giả: R. Akutugawa, J. Hisao, S. Ishihara, bản dịch của Nhã Điền, do Hồng Linh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, gồm 4 truyện giá 100đ.

Chiến tranh và tuổi trẻ phương Tây nguyên tác « Les jeunes du monde devant la guerre » của J. Lartéguy, bản dịch của Phạm Quốc Bảo, do Hồng-Linh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 215 trang, bìa của Đình Cường. Giá 140đ.

— **Chạm trán với đời** của Hoàng-xuân-Việt do Hoa-dăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang thuộc loại sách « Học làm người », gồm 10 chương, mỗi chương một vấn đề. Giá 100đ.

Những bất-biến

trong chính-sách đối-ngoại của Nga

Mỗi quốc-gia có một chính sách đối ngoại riêng phù hợp với đời sống quốc-gia và đáp ứng với đòi hỏi của dân tộc. Chính sách đối ngoại do đó là sản phẩm của đời sống một quốc gia, một công cụ để thực hiện những mục-tiêu quốc-gia.

Muốn tìm hiểu chính-sách đối ngoại của một quốc-gia người ta không thể làm gì khác hơn là đi tìm trong lịch-sử quốc-gia này những dữ kiện bất-biến luôn luôn hướng dẫn nền ngoại-giao của một nước.

Tại Nga cũng vậy, người ta thấy suốt trong lịch sử Nga dù dưới thời-đại Nga-hoàng hay dưới thời-đại cộng-sản các hoạt động của Nga đều theo những hướng đi nhất định. Các mục-tiêu đối-ngoại của Nga từ thế-kỷ thứ 16 tới nay dường như không thay đổi. Các sự thay đổi có chăng chỉ là những sự thay đổi về phương thức hành động về hình-thức của vấn đề trong khi nội dung vẫn được giữ nguyên vẹn.

Thật vậy, từ Vương quốc Moscovie nhỏ hẹp qua đế-quốc Nga-la tư rộng lớn tới Liên-bang Cộng-hòa xã-hội sô-viét hùng mạnh dân tộc Nga vẫn có những nhu cầu, những hoài vọng, những khuynh hướng cố định.

Chính sách đối ngoại của Nga do đó

luôn luôn tuân theo những định-luật bất biến. Những định-luật này là sản phẩm của nhu cầu quốc gia Nga, là phản-ảnh của những điều-kiện thiên-nhiên, xã-hội-kinh-tế, nhân-văn của Nga.

Nga là một quốc-gia ở giữa hai lục-địa Âu-châu và Á-châu. Các quốc gia khác đều nhìn Nga bằng con mắt nghi kỵ. Người Âu-châu coi Nga thuộc Đông-phương trong khi người Á-châu coi Nga thuộc Tây phương. Vì vậy suốt trong lịch sử, Nga đã ở trong một tư-thế hết sức tế nhị. Để duy trì nền độc lập quốc-gia, để mở rộng lãnh-thổ, để nắm một vai trò lãnh đạo trên thế-giới Nga đã có một chính sách đối ngoại hết sức hoạt động...

Trước hết, Nga cố gắng tạo những điều-kiện an-ninh cao lân thổ bằng cách đi tìm những biên giới thiên nhiên kiên cố và những hệ-tống liên-minh với các quốc-gia lân- cận.

Để phá vỡ mọi mưu toan xâm lăng của ngoại-bang Nga còn phải tạo ra một thế quân-bình giữa các lực lượng đối nghịch trên thế-giới để các lực-lượng này mãi kiểm-chế lẫn nhau mà quên nhòm ngó tới Nga.

Khi an ninh được bảo đảm, Nga cố

gắng mở rộng lãnh thổ bằng một chính-sách thuộc-địa độc-đáo.

Sau hết Nga luôn luôn bảo vệ một hệ thống tư tưởng một ý-thức-hệ. Việc bảo vệ tư tưởng hệ này đã khiến cho Nga nhiều lần phải can thiệp vào đời sống quốc tế.

Bảo toàn an-ninh lãnh-thổ

Ngay từ khi lập quốc, Nga đã luôn luôn là nạn nhân của những cuộc ngoại xâm. Về phía Đông, quân Mông-cổ đe dọa, về phía Nam, rợ Hung-rô (Tartares) đã nhiều lần đánh chiếm, lãnh-thổ Nga, về phía Tây, Ba-lan đã từng chiếm các vùng như Galicie và Volhynie.

Vào thời đại gần hơn, quân Pháp dưới quyền lãnh đạo của Nã-phá-luân cũng đã tấn công Nga và tiến tới Mạc-tư-khoa năm 1812 và vào năm 1941 quân đội Đức quốc-xã của Hitler cũng đã vào sâu tới tận Stalingrad.

Trước những sự đe dọa hay những cuộc xâm lăng của ngoại bang, các nhà lãnh đạo Nga, dù họ là Nga-hoàng hay họ là Chủ-tịch nhà nước Cộng sản, đều tìm mọi cách để ngăn chặn mọi vi phạm nền độc lập quốc gia.

Ngày từ thế kỷ thứ 16, khi Nga mới chỉ là một vương-quốc Moscovie nhỏ hẹp, vua Ivan IV (1533-1584) đã bắt đầu mở rộng lãnh thổ quốc gia. Ivan đánh chiếm lại tất cả các vùng có dân Nga cư ngụ.

Chiếm lại những đất đai chưa đủ. Muốn xây dựng quốc gia Nga trên những căn-bản vững chắc Ivan còn cố gắng mở đường ra biển. Vì vậy mà Nga đã tấn công Ba-lan và Thụy-điền để chiếm vùng duyên-hải của biển Baltique.

Tìm đường ra biển là một bất biến

của nền ngoại giao Nga cho tới nay còn có giá trị. Thật vậy, sau Ivan, các hoàng đế Nga kế nghiệp ông, đã tiếp tục đánh phá các quốc gia ở phía Bắc và phía Nam để giữ vững các đường lưu thông với biển Baltique và biển Hắc-hải. Hoàng đế Pierre I đã đánh Thụy-điền và Thổ-nhĩ-kỳ để nắm các vùng duyên hải của hai biển này. Và Nga phải đợi tới Nữ hoàng Catherine II (1762 - 1796) mới làm chủ được các bờ biển miền Nam-Dưới triều-đại Catherine II Nga còn đoạt được quyền sử dụng các eo biển Bosphores và Dardanelles của Thổ-nhĩ-kỳ.

Từ đó các vị hoàng-đế Nga đều cố gắng củng cố những quyền lợi của Nga tại các vùng này. Các nhà lãnh đạo Cộng-sản hiện thời lúc nào cũng tìm cách duy trì ảnh hưởng của Nga tại Thổ - nhĩ - kỳ và các quốc - gia Bắc-Âu khiến các quốc gia này luôn luôn e ngại cho nền độc-lập quốc-gia của mình. Và đây là một trong những lý do mà Thổ-nhĩ-kỳ, Đan-Mạch và Na-uy phải gia nhập Minh-trước Bắc Đại-tây-dương năm 1949.

Khi mở đường ra biển, Nga cố gắng tìm những biên giới thiên nhiên hiểm trở để ngăn chặn ngoại xâm. Nếu nhìn vào biên giới miền Nam ta thấy lãnh thổ Nga ngừng lại ở những rặng núi lớn ở Trung-Đông và Á-châu. Miền Đông và Bắc lãnh thổ Nga có biển Thái-bình-dương và Bắc-băng-dương bao quanh. Chỉ có về phía Đông là Nga thiếu biên-giới thiên-nhiên. Vì vậy để bổ túc hệ-thống an-ninh, Nga luôn luôn hoạt động để, hoặc chiếm các nước Trung-Âu, hoặc lập những quốc-gia trái độn, hoặc thiết lập những hệ-thống liên-minh phòng-thủ ở vùng này.

Ba-lan đã nhiều lần bị Nga sát nhập.

Nữ-hoàng Catherine đã chia cắt nước này cùng với Áo và Phổ. Nếu thôn tính không được thì Nga lại đặt những chính-thể thân-hữu với Nga. Vào thế kỷ thứ 18, Catherine cho nhân tình cũ là Stalinas Poniatowski sang làm vua Ba-lan và hiện nay chính-quyền cộng sản ở Varsovie cũng là một chư-hầu đặc lực của Nga. Đối với các quốc-gia Trung-Âu khác Nga cũng có một chính-sách tương-tự để ngăn chặn mọi mưu toan của các quốc-gia Tây-Âu.

Tạo thế quân-bình giữa các lực lượng

Thiết lập các hàng rào cản xâm lăng chưa đủ, Nga muốn được yên thân cần phải phá vỡ mọi mưu toan thôn tính của ngoại bang ngay từ trong trứng. vậy Vì Nga đã áp dụng một chính sách ngoại giao vô cùng mềm dẻo. Tùy trường hợp, Nga tìm cách liên kết với một nước này hay một nước khác. Nữ hoàng Catherine đã định nghĩa chính sách đối ngoại của Nga như là một «cô gái đóm dáng và khôn khéo». Thật vậy, năm 1700 Nga hoàng Pierre I liên kết với Ba-Lan để đánh Thụy-Điền. Và năm 1772 Catherine lại thanh toán Ba-Lan bằng cách chia cắt lãnh thổ nước này. Vào thế kỷ thứ 19, Nga liên kết với Anh-Áo-Phổ để đánh Pháp nhưng khi Pháp thua Nga lại cố gắng tái tạo Pháp để chặn Anh, Áo và Phổ. Năm 1939 Staline, trước đe dọa của Đức, đã thương thuyết cùng một lúc với Anh Pháp và Đức. Sau cùng Molotov ký với Ngoại-trưởng Đức Ribbentrop một hiệp-ước quyết định không tấn công nhau. Hiệp ước này khiến Nga đứng ngoài vòng chiến thêm được 2 năm để sửa soạn.

Hiện thời cũng vậy, tuy về phương diện ý-thức-hệ Mỹ là thù địch của Nga

và Trung Cộng là đồng-minh, nhưng Nga đã nhiều lần hợp tác với Mỹ để ngăn chặn Trung Cộng.

Với một chính-sách mềm dẻo như vậy Nga luôn luôn tạo một thế quân-bình tại Âu-châu, tại Á-châu, trên mặt biển hay trên toàn thế-thế-giới. Nga muốn các quốc-gia có cùng một lực-lượng sẽ kiềm-chế lẫn nhau. Lúc đó Nga sẽ đóng vai trò trọng-tài. Nga cố gắng duy trì thế quân-bình giữa các lực-lượng. Vì vậy mà năm 1814 khi Liên-minh Anh, Nga, Áo, Phổ chiến thắng Nã-phá-luân, điều Nga mong muốn nhất là làm sao ngăn chặn được sức mạnh của hải-quân Anh bằng cách kiểm soát các quốc-gia ven biển Địa-trung-hải. Đường lối này đã bắt nguồn cho nhiều cuộc tranh chấp ngoại-giao giữa Nga và Anh trong suốt thế-kỷ thứ 19.

Vào đầu thế-kỷ thứ 20, trước sự bành trướng mạnh mẽ của Đức, Nga hoàng Nicolas II đã không ngần ngại liên-minh với một nước Pháp Cộng-hòa. Và cũng để bảo vệ thế quân bình ở Âu-châu bị Đức-Áo đe dọa mà Nga đã tham gia đệ-nhất Thế-chiến.

Sau khi đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt, Nga đã cố gắng vận-động để các quốc-gia Âu-châu bác bỏ kế-hoạch Marshall vì Nga sợ rằng nhận viện-trợ trong khuôn khổ kế-hoạch này sẽ có hậu quả là đưa Âu-châu vào vòng ảnh-hưởng của Mỹ. Trong những năm gần đây, Tướng De Gaulle đã vô tình làm đồng-minh của Nga bằng cách đả phá ảnh-hưởng Mỹ ở Âu-châu. Tuy mục-tiêu của Tướng De Gaulle là nhằm lấy lại chủ quyền cho Âu-châu nhưng dù sao chính-sách này cũng có hậu-quả là giới-hạn lực-lượng của Mỹ nên De Gaulle đã được Nga hết sức o-bế.

Sau hết với sự bành-trướng của nước Trung-Cộng "anh em", Nga đang tìm cách lập ra một liên-minh Á-châu để kiểm-chế Trung-cộng, và chính vì sợ Trung-cộng làm vỡ thế quân-bình thế-giới mà Nga đã đề cho Mỹ rảnh tay hành động ở Việt Nam.

Hệ-thống an ninh và thế quân-bình thế giới mà Nga tạo lập đã cho phép Nga có một chính sách thực-dân và đế-quốc hết sức mạnh mẽ.

Duy trì chính sách thực dân và đế quốc

Nếu lúc đầu tham vọng của Hoàng-đế Ivan IV chỉ là thu thập cho Vương-quốc Moscovie những đất đai có dân Nga cư ngụ thì với các người kế-nghiệp ông, mục-tiêu này đã chuyển hướng. Ngay từ khi Ivan IV còn sống-dân Nga đã tiến nhanh về phía Sibérie để khai thác những khoáng-sản phi-nhiêu. Với Nữ hoàng Catherine II chính sách bành trướng lãnh thổ của Nga hoàn toàn có tính cách thực-dân.

Vì miền Đông đất rộng dân thưa nên cuộc «Đông tiến» của Nga đã được thực hiện mau chóng. Năm 1618 Nga đã tiến tới Iénisséisk và 1632 tới Iakoutsk Thống-đốc xứ Tobolsk được lệnh giao thiệp với Triều đình Trung-Hoa. Dân quê Nga muốn thoát khỏi ách các lãnh chúa, muốn làm chủ đất ruộng của mình đều kéo nhau di cư về phía Đông.

Bắt đầu từ năm 1825 dưới triều đại Nicolas I cuộc Đông tiến trở nên mau lẹ hơn bao giờ hết. Ngoài nông dân đi tìm đất cày, Nga-hoàng còn đưa các tội phạm sang Sibérie để khàn đất. Năm 1858 Nga tiến tới sông Hắc-long-giang. Năm 1860 tiến tới bờ biển Thái-bình-dương

Nga thiết lập thành phố Vladivostok (có nghĩa là chế ngự Đông phương) và xâm nhập đảo Sakhaline.

Từ năm 1945 tới nay Nga luôn luôn lớn tiếng ủng hộ phong-trào giải-phóng thuộc-địa trên thế-giới để đả phá các quốc-gia thực-dân Anh Pháp. Nhưng thật ra Nga là một quốc-gia thực dân nhất thế-giới. Chỉ khác các nước Anh Pháp là thuộc-địa của Nga ở gần kề với chính quốc và các dân thuộc địa đều bị các chính-sách Nga-hóa của các vua Nga đồng hóa.

Cuộc Đông tiến của Nga đã đưa Nga tới những sự đụng chạm với các quốc gia Á-Châu và với các quốc gia thực dân Âu-Châu có quyền lợi ở Á Châu.

Chính sách đế quốc của Nga đã gặp sức đối kháng của Ba-Tur, của Anh và của Trung-Hoa. Trầm trọng nhất là vào đầu thế-kỷ thứ 20, khi Nga muốn chiếm lãnh thổ Cao ly. Tại đây Nga đã đụng độ với một lực lượng mới là Nhật, đồng minh của Anh. Chiến tranh Nga-Nhật bùng nổ và Nga đã bị thảm bại.

Năm 1917 khi Nga phải ngưng chiến với Đức, Nhật đã lợi dụng sự ấu-tri của chánh quyền Sô-viét để chiếm những thuộc-địa của Nga ở Trung-hoa.

Với chánh-quyền Cộng sản chính-sách đế-quốc của Nga vẫn được giữ nguyên vẹn tuy mang một hình thức mới. Sau khi chiến thắng trong cuộc đệ-nhị Thế chiến, Nga đã chiếm đóng các quốc-gia lân cận và thay vì là sát nhập các đất đai này vào Nga như dưới thời đại Nga-hoàng Nga đã thành lập những chính-thể Cộng sản chư hầu. Các quốc gia này không những là trái độn bảo vệ an ninh cho Nga mà còn là những thuộc-địa trá

inh có nhiệm vụ thỏa mãn những nhu cầu kinh-tế của Nga. Nếu các quốc-gia này tỏ ý chỉ độc-lập, Nga sẽ không ngần ngại đàn áp. Vụ Nga đàn áp Hung-gia-lợi năm 1956 và Tiệp-khắc năm 1968 thể hiện thái độ cố hữu của Nga.

Trong trường-hợp Nga không can thiệp võ trang được tại các nước cộng-sản như Nam-tư, Trung-cộng, Lỗ-ma-ni, thì Nga tìm cách nắm quyền lãnh đạo bằng các hoạt động ngoại giao vì Nga tự coi có nhiệm vụ bảo vệ tư-tướng Mác-xít trên thế giới. Và do đó bảo-vệ tư-tướng cũng là một định luật bất biến của nền ngoại giao Nga từ trước tới nay.

Bảo vệ tư-tướng-hệ

Suốt trong lịch sử, Nga luôn luôn hoạt động ở bên ngoài để bảo vệ một tư-tướng hệ hay một ý-thức-hệ. Áp dụng chính sách này Nga có khi thành thực muốn duy trì một tư tướng lãnh đạo nhưng cũng có khi lợi dụng công cuộc bảo vệ tư-tướng-hệ để thôn tính các lãnh-thổ lân bang. Hệ-thống tư-tướng được Nga bảo vệ đã thay đổi nhiều trong lịch-sử, nhưng nhiệm vụ bảo vệ tư-tướng-hệ mà Nga tự gán cho mình vẫn là một bất-biến.

Lúc đầu người ta thấy các Nga-hoàng nhân danh Thiên-Chúa-giáo đem quân đi chinh phạt các quốc-gia ngoại-đạo. Năm 1686 Nga hoàng Pierre I đã gia nhập Liên-minh Thiên-Chúa giáo (Sainte Ligue) đem quân đánh Thổ-nhĩ-kỳ. Tuy thật sự thật muốn bảo vệ Thiên Chúa giáo nhưng đồng thời Pierre I cũng muốn chiếm Azov của Thổ.

Năm 1854 Nga-hoàng Nicolas I đòi quyền bảo-hộ đối với tất cả các người Thổ-nhĩ-kỳ theo Thiên Chúa-giáo và sự đòi hỏi này đã khiến quân đội Anh Pháp phải đem quân tấn công vùng Crimée.

Vào năm 1789 tư-tướng-hệ mà Nga bảo vệ là sự chính-thống của quân-chủ. Thật vậy khi cuộc Cách-mạng Pháp bùng nổ và lan rộng khắp Âu-châu để lật đổ các ngai vàng thì các Nga-hoàng như Catherine II, Paul I và Alexandre I đã cố gắng giúp, đỡ các vua chúa Âu-châu để duy trì sự chính thống của nền quân chủ (légitimité monarchique) trước tư-tướng cách-mạng. Quân Nga đã cùng với quân Áo, Phổ Anh... tấn công Pháp, dập tắt mầm cách-mạng và tái lập Pháp-hoàng Louis XVIII lên ngôi vua.

Trong suốt thế-kỷ thứ 19 Nga đã tích cực hoạt động để bảo-vệ chính-thuyết quân-chủ. Alexandre I đã lập ra Liên-minh Thánh (Sainte Alliance) để bảo-vệ tư-tướng này, và năm 1848 Nicolas I đã đem quân sang giúp Áo đàn áp các lực lượng cách-mạng.

Đến năm 1917 với sự thành công của chủ-thuyết Mác-xít Nga lại có nhiệm-vụ bảo-vệ tư-tướng của Các-mác. Đảng Cộng-sản Nga không những có nhiệm-vụ bảo-vệ mà còn có nhiệm-vụ truyền-bá chủ-nghĩa Cộng-sản khắp thế-giới nữa. Tuy có những trường-hợp Nga lợi-dụng chủ nghĩa Cộng sản để xâm-lăng các quốc-gia khác, nhưng ta vẫn thấy rằng bảo-vệ tư-tướng-hệ vẫn là một nhiệm-vụ cố-hữu của chính-sách đối ngoại của Nga.

Sau khi đã tìm ra những đường hướng chính trong chính-sách đối-ngoại của Nga, người ta thấy rằng tại quốc-gia này các chính-thể, các định-chế vẫn có thể thay đổi nhưng chính-sách đối-ngoại của Nga, thái-độ của người dân Nga vẫn giữ được tính cách liên-tục. Dù Nga theo chủ-nghĩa tư-bản hay chủ-

nghĩa cộng-sản, các nhu cầu quốc gia vẫn có những đòi hỏi riêng và chỉ được thoả mãn bằng những biện pháp đặc biệt của Nga mà thôi. Vì vậy mà các hoạt động ngoại-giao của Nga luôn luôn có tính cách quốc-gia và nhiều khi đi ngược với đường lối Cộng-sản.

TƯ TRÍ

Các bạn yêu thơ nên có.

DÒNG LỬA THIÊNG

tập thơ thứ hai của

HOÀI MAI

đề thương thức những ý tình hồn nhiên, trong sáng về Trẻ em, Gia đình, Quê hương, Chiến tranh, Đẹp và thơ.

GIA 100đ

Cơ-sở VĂN giới thiệu :

MỘT CÁCH BUỒN PHIÊN

tập truyện đầu tay của

LÊ VĂN THIÊN

Bìa ba màu của Ngọc Dũng.
132 trang.

GIA 70đ

Tìm đọc sách của nhà xuất bản

SÁNG TẠO

SỢ LỬA *tập truyện cổ tích* Doãn Quốc Sỹ
 NGƯỜI KHÁCH LẠ *tập truyện kể* Trần Văn Tuyên
 BẢO THỜI ĐẠI *kịch dài* Trần Lê Nguyễn
 TUỔI NGỌC MÂY MÙ *tập truyện ngắn* Châu Mỹ Quế
 LỊCH SỬ VĂN HỌC ANH QUỐC ĐỖ Khánh Hoan

ĐÓN ĐỌC :

HỒ THÙY DƯƠNG *tập truyện cổ tích* Doãn Quốc Sỹ
 Tuyển tập CA ĐAO NHI ĐỒNG (V. N. và quốc tế) Doãn Quốc Sỹ

suu tập

TRAM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

CAO-MIÊN

với thể trung-lập chông chênh

Truyện cổ Cao - Miên phỏng theo tích Ấn-độ kể rằng : Xưa, thế gian tràn ngập quỷ ma, Trời muốn tẩy sạch mặt đất, bèn sáng tạo ra nàng Apsara Tilottama kiều-diễm và cho nàng xuống trần. Apsara Tilottama đã dùng sắc đẹp của mình dụ cho các Ma vương đánh lộn và chúng Ma vương tự tiêu diệt nhau mãi cho đến không còn mống nào. Nhờ đó mà thế gian này tồn tại.

Và, với người Miên, họ cũng cho rằng chính sách tuyệt diệu hơn cả là ở giữa mặc cho các cường lực bên ngoài tự diệt lẫn nhau. Họ tự phụ ngăm với cái khôn ngoan của Apsara Tilottama mà họ cho rằng đã nắm chắc được, nhưng bề ngoài, biện bạch một cách khiêm tốn hơn, Sihanouk nói với mọi người : « Khi hai con voi đang xung đột thì con kiến chỉ biết đứng ngoài mà ngó chứ còn làm gì hơn được ! »

Trên thực tế, Sihanouk đã không chỉ đứng ngó với tư thế một con kiến. Người ta đã thấy con kiến Cao-Miên nhiều lần ngã về phía voi này để làm áp lực với voi kia và ngược lại. Hành động ấy đang đẩy 6 triệu dân Miên vào cái thế chông chênh nguy hiểm, cái thế của kẻ leo dây, tâm không vững, chủ đích không rõ, mà dây thì dài vô tận !

Từ áp-lực của lân-bang đến cuộc đô-hộ của Pháp

Từ khi Đế-quốc Angkor suy sụp (1), Cao-Miên ngày càng mất dần đất đai trước sự hình thành và bành trướng của Ayuthia (Siêm) và Lan Xang (Lào). Lui về Phnom Penh, người Miên đã bỏ quên Angkor Thom-Angkor Wat không

những trên thực tại : mặc cho rừng cây che phủ cổ đô, mà còn cả trên tinh-thần: đánh mất hẳn cái khả-năng tạo-tác của thời-dại huy-hoàng xưa.

(1) Xin coi Bách-Khoa T.Đ. số 293, bài Diễn-trình hình thành các tổ-hợp Đông-Nam-Á, mục « Các tổ-hợp tiếp nối từ lục địa tới hải-đảo » trang 31.

Kể từ cuối thế-kỷ 17, sau khi sáp nhập hoàn toàn Chiêm-thành vào đất Việt, chúa Nguyễn liền tính đến vùng Đông-nai Cửu-long, làm cho Cao-Miên bắt đầu phải chịu thêm một áp lực nặng nề từ phương Bắc, không kém gì áp lực từ phương Tây do người Thái tạo nên. Năm 1688, nhân xuống giặc giặc Hoàng-Tiến (1) giúp vua Chettha IV (Nặc Ông Thu), quân Việt đã chiếm luôn đất Prey Kôr (Sài gòn)-Kâmpéap Srêkatrey (Biên-Hòa). Năm 1698, vùng đất này được chúa Nguyễn-Phúc-Chu phân thành Dinh, Huyện và đặt quan cai trị. Rồi, với kế tầm thực cho di dân định cư trước, di quân bình định sau, chỉ trong vòng năm, sáu chục năm người Việt đã lấy trọn vùng Nam-Việt ngày nay một cách êm thấm.

Bị kẹt giữa hai gọng kìm Việt và Siêm, phần đất Cao-Miên còn lại cũng luôn luôn nằm trong tình trạng lệ thuộc một trong hai nước. Cũng đã nhiều lần người Miên dùng thủ đoạn Apsara Tilotama với Việt và Siêm làm cho đôi bên đụng chạm binh đao, nhưng tới năm 1846, Huế và Bangkok cùng thỏa thuận tấn phong cho Ang Duong (người lập ra Vương-triều ngày nay) làm vua Cao-miên, thì nước này bị chia hẳn thành hai vùng ảnh-hưởng: Tây, Bắc với Siêm, Đông, Nam với Việt.

Năm 1859, Ang Duong mất, con trưởng là Norodom lên nối ngôi. Khi ấy Pháp đang tấn công Nam-Việt, và dù chưa nuốt hẳn được đất này, Pháp cũng đã bắt đầu đề mắt tới vùng Biên-Hồ màu mỡ.

Norodom mới lên ngôi được hơn một năm thì trong triều có nội phản, ông phải lưu vong sang Bangkok. Do thư giới-thiệu của một Giám-mục người

Pháp ở Miên tên là Miche, Norodom đã được Siêm giúp tàu đưa về Đê-dô. Từ đó Norodom bị giằng co giữa hai thế lực Pháp và Siêm. Tuy nhiên, người Pháp nhờ bám sát cạnh Norodom nên có lợi thế hơn. Qua nhiều lần thôi thúc và đe dọa của Đại-diện Pháp từ Sài-gòn tới, tháng 4-1864 Norodom đành ký vào bản hiệp ước bán nước chấp nhận nền bảo-hộ của Pháp.

Chiếm được Miên, Pháp liền cấp tốc sức tiến việc điều đình với Siêm, vì cho đến khi ấy Siêm vẫn coi Miên là nước chư-hầu. Sau nhiều cuộc thương thuyết, năm 1867 Pháp quyết định nhượng đứt cho Siêm hai tỉnh miền Tây-Bắc (Battambang và Siem Reap) để đổi lấy sự công nhận quyền thống trị của Pháp trên đất Miên.

Lúc đầu người Pháp còn bận rộn ở Việt-Nam nên không quan tâm nhiều đến cơ chế cai trị ở Miên. Về sau, khi đã rảnh tay hơn, Pháp liền đòi Miên để cho Pháp có toàn quyền cải tổ nền hành-chánh từ gốc tới ngọn, trừ những hình thức lễ nghi chung quanh ngai vàng. Sự đòi hỏi này đã gây bất mãn không nhỏ cho Hoàng-gia, nhưng trước họng đại bác trên tàu chiến mà thống-soái Sài-gòn Charles Thomson đem hờm sẵn ngay trước Hoàng cung, Norodom đã phải nhượng-bộ và ký tên hiệp-ước (6-1884).

(1) Nguyên có đám quân Nhà Minh vì không chịu hàng phục nhà Thanh bèn rút xuống vùng Cửu-Long (khi ấy là đất bảo hộ của Việt-Nam) xin Chúa Nguyễn cho trú ngụ (1679). Sau đám người này dấy loạn đánh nhau với triều đình Cao-Miên tính chuyện hùng cứ một phương. Chúa Nguyễn được tin bèn cho quân đi giúp. Tướng Minh là Hoàng-Tiến bị giết, đám giặc này tan.

Khi hiệp-ước được thi-hành thì viên Khâm - sứ Pháp cạnh triều - đình nghiêm nhiên trở nên nhâu vật số một trong nước. Dưới quyền ông ta có các Công-sứ Pháp ở các tỉnh trực tiếp trong coi việc cai-trị trong tỉnh. Nhà vua chỉ còn ở ngôi với tính cách tượng trưng cho truyền thống quốc-gia và tôn-giáo.

Sau 1887, Miên trở thành một tiểu-bang của Liên-bang Đông-dương thuộc Pháp. Toàn thể Liên-bang được đặt dưới sự điều-khiển của một Viên Toàn-quyền do chính-phủ Pháp bổ nhậm. Về cung cách cai trị, Pháp đã thành lập một guồng máy then chốt là người Pháp, phụ thuộc trực tiếp là công-chức và chuyên viên Việt được đem từ Việt-Nam sang, còn người Miên chỉ đóng vai trò rất khiêm tốn, phần nhiều là những chức vụ hạ tầng cạnh dân chúng. Tuy nhiên người Pháp vẫn khéo léo duy trì cái vỏ uy-quyền của quốc-vương bằng cách dân bày sự tôn kính bề ngoài để thần dân vẫn có cảm tưởng là nhà vua thực sự cầm quyền : Ban hành luật-pháp theo truyền thống ; Điều khiển công việc hành chánh ; Chỉ đạo tối cao mọi Phật-sự ; Và trách nhiệm trước sự sống còn của Khmer-tộc. Nhờ vậy, thần dân vẫn tiếp tục trung thành với quốc-vương, tức trung thành với người Pháp.

Đề chắc hẳn hơn, người Pháp không những đã kiểm soát chặt chẽ mọi hành vi của quốc-vương mà đồng thời còn can-thiệp trực-tiếp vào việc phong vương nữa. Theo cổ lệ, tân vương được phong là do di-chiếu của nhà Vua mới băng, nếu không có di-chiếu thì phải được Hoàng-tộc lựa chọn. Nhưng khi Norodom mất vào năm 1904, Khâm-

sứ Pháp đã can-thiệp phế bỏ việc lập Thái-tử để dành ngôi cho em vua là Sisowath chỉ vì Sisowath đã tỏ ra trung-thành với chính-phủ bảo-hộ bằng cách giúp Pháp giúp nhiều cuộc khởi loạn.

Sisowath được con là Monivong kế vị năm 1927. Năm 1941 Monivong chết, Pháp thấy thái-tử Monireth có ý mưu đồ đảo-lập sau thất trận của Pháp ở Âu-Châu và thắng-thế của Nhật ở Á-châu, nên đã loại ông ta mà chọn Norodom Sihanouk (cháu ngoại Monivong, nhưng lại thuộc dòng nội Norodom) lên kế vị. Sihanouk lúc ấy được coi là còn quá trẻ (đang học Trung-học ở Sài-gòn) và dễ bảo, nhưng sau này đã chứng tỏ cho Pháp thấy là Pháp đã lầm lẫn trong sự nhận định về ông ta.

Tính đến cuối Thế-chiến 2, Pháp đã kiểm soát chặt chẽ được đất Miên chừng 60 năm. Trong thời bị-trị Miên vẫn giữ được cá-tính quốc-gia riêng biệt nhưng về kinh-tế thì hoàn toàn lệ thuộc vào các quyền lợi của người Pháp ở Nam-Việt, còn về sự mở mang dân trí thì cũng chịu chung số phận với Lào, nghĩa là bị Pháp bỏ mặc. Ngoại trừ con cháu Hoàng-gia và những nhà khá giả được gửi đi Sài-gòn hay Hà-nội ăn học, thanh niên trong xứ chỉ biết đến những ngôi trường cỏ lổ của Giáo-hội Phật-giáo lập ra ở các làng mạc từ bao nhiêu đời trước. Mãi đến năm 1935 mới có một trường học được mở và năm 1939 là năm mà ngành giáo-dục Cao-Miên đánh dấu một bước tiến quan-trọng trong sự cấp bằng tú-tài bản-xứ cho bốn học sinh tốt nghiệp đầu tiên.

Về hoạt động chính-trị, không giống nhiều quốc-gia cùng cảnh ngộ khác ở Đông-Nam-Á, Cao-Miên không có một

phong-trào dành độc-lập nào đáng kể trước Thế-chiến 2. Cuối Thế-chiến, một nhân vật cách-mạng đã hoạt-động đơn độc g'ý mồm bắt rề tư-tướng tự-lập tự-cường vào quần-chúng, đó là Sơn-Ngọc-Thành. Năm 1937, Thành xuất bản tờ báo Miên-ngữ đầu tiên Nagara-vatta với luận-điều bài Pháp. Năm 1941, ông ta tổ chức cuộc biểu-tình của tăng-giới Phật-giáo chống nhà cầm quyền Pháp. Bị Pháp ruồng bắt, ông phải trốn sang Thái-Lan và sau đó sang Nhật.

Tranh thủ Độc-lập

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông-Dương. Cao-Miên cũng như Việt-Nam và Lào được Nhật cho công-bố độc-lập ; một nền độc-lập không hề được chuẩn-bị trước làm cho chính những người công bố cũng không khỏi ngỡ ngàng. Chính-phủ độc lập được thành-lập, quốc-vương Sihanouk kiêm vai trò Thủ-tướng, còn Sơn-Ngọc-Thành, lúc ấy đã được Nhật đem về, giữ chức vụ Ngoại trưởng. Trong sự chuyển quyền cai-trị từ tay Pháp sang tay Nhật, giới lãnh-đạo Miên đã phân-hóa thành hai phe rõ rệt. Phe thân Pháp chiếm đa số trong chính-phủ, dù làm việc với Nhật nhưng vẫn ngầm trông đợi sự trở lại của người Pháp vì mang sẵn tinh-thần công-chức ý vào chủ Pháp cũ. Phe này được quốc-vương ủng-hộ. Còn một phe thân Nhật bài Pháp do Sơn-Ngọc-Thành cầm đầu. Tuy không có nhiều vây cánh trong chính-phủ nhưng lại có quần chúng nhờ Phong-trào Khmer Issarak (Khmer Tự-do) và nhất là Tổ-chức Thanh-niên Áo xanh do chính người Pháp lập nên trước đây (Phong-trào thanh-niên Vichy).

Ngay ngày Nhật đầu hàng Đồng-minh,

phe Thành liền đảo-chính và bắt giữ tất cả các Tổng-trưởng thân Pháp để nắm chủ-động. Sihanouk rút khỏi chức vị Thủ-tướng, Thành lên thế chân và lập chính-phủ mới.

Giữa lúc ấy, Pháp đã đem được quân vào Sài-gòn (9-1945) nhờ sự giúp đỡ của Tướng Anh Gracey trong mưu đồ hỗ-tương tái chiếm thuộc-địa của bọn thực-dân đang núp dưới nhãn hiệu quân Đồng-minh. Trước tình-thế thật là đen tối không lối thoát, Sihanouk ngỏ ý với Hoàng-tộc xin thoái-vị để nhường ngôi cho Hoàng-thân Monireth, người đáng lẽ đã kế-vị Monivong năm 1941. Ý-kiến này đã bị Hoàng-thân Norodom Montana phản-đối và chính Sơn-Ngọc-Thành cũng khuyên Sihanouk nên bình tĩnh tại vị.

Ngày 16-10-1945, người Pháp núp cạnh quân Anh, Ân đã bắt giữ Thành tại Phnom Penh và buộc tội ông ta có hoạt-động đe dọa nền an-ninh của lực-lượng Đồng-minh và phương hại đến quyền lợi của Cao-Miên. Tuy bắt giữ Thành, nhưng Pháp cũng tự cảm thấy là rất khó xử, vì khi ấy Thành thật sự có uy tín lớn lao trong quần chúng. Sau cùng, Pháp đành áp-dụng biện-pháp mềm dẻo là đem Thành sang Pháp cho yên chuyện.

Chiếm xong Sài-gòn, Đô-đốc Thierry D'Argenlieu liền được cử làm Cao-ủy Pháp ở Đông-Dương. Vừa nhận chức, ông ta liền yêu cầu Cao-Miên gửi ngay đại-diện tới để thảo luận về những mối liên-hệ Pháp-Miên mới. Về phía Cao-Miên, tình thế đã đổi khác rõ ràng bất lợi cho Pháp : Người Miên đã nếm mùi độc lập, dù là thứ độc lập nửa vời, nhưng cũng đủ cảm thấy một bứtng khởi không nhỏ trong lòng họ. Đặc biệt lúc ấy

Hoàng thân Sisowath Youtévong mới ở Pháp về nước và đã kịp thời nắm vai trò lãnh đạo cuộc vận động độc-lập. Đáp lại yêu cầu tái lập mối liên hệ của D' Argenlieu, Sihanouk đã đồng ý cử đại-diện nhưng nhấn mạnh đến điều tiên-quyết là cuộc đàm phán sẽ không vi phạm đến chủ-quyền Cao-Miên và phái đoàn Cao Miên phải được đối xử như một phái đoàn của một quốc gia độc lập. Pháp đồng ý trên nguyên tắc và một Ủy-hội Nghiên cứu Pháp-Miên (Commission d' Études Franco-Khmères) được thành lập, cùng làm việc để dung hòa quyền lợi đôi bên. Ngày 7-1-1946 tạm ước Pháp Miên đã được ký kết. Tạm ước công nhận Cao Miên là một quốc gia tự-trị trong Khối Liên-Hiệp-Pháp.

Nhưng giấy tờ là một truyện, trên thực tế Pháp đã thi hành tạm-ước một cách linh động đến nỗi tình trạng liên-hệ Pháp Miên đã trở lại gần giống như trước 1945. Quân-đội Hoàng-gia Miên tuy được thành lập, nhưng thực chất chỉ là một thứ lính phụ thuộc của quân Liên-Hiệp Pháp và Bộ Tư-Lệnh Pháp vẫn nắm trọn quyền duy trì trật tự trong xứ.

Từ khi Sơn-Ngọc-Thành bị bắt, những phần tử theo thành bỏ ra bùng hay trốn sang Thái Lan rất nhiều. Họ quy tụ lại với nhau làm sống lại Phong-trào Khmer Issarak dưới sự hỗ trợ của người Thái. Nhưng khi Thái bị buộc phải trả lại hai tỉnh Battambang và Siem Reap (1946) (1) thì một số nhân vật lãnh đạo phải lưu vong sang Bangkok, một số quay về Phnom-Penh nói là quy chánh chính-phủ nhưng thực sự là để đấu tranh chính-trị trong vòng được coi là hợp pháp (Nhóm này cộng tác với những phần tử trẻ cấp-tiến của Hoàng thân Sisowath Youtévong lập ra đảng Dân-chủ) còn một số

khác tiếp tục lần lút kháng chiến trong rừng núi (như Dap Chluon với tổ chức Giải-phóng Quốc-gia Khmer-Hội — Comité Khmer De Libération Nationale).

Trong hai cuộc bầu cử Hội đồng Tư vấn tháng 9-1946 và Quốc-hội tháng 12-1947, Đảng Dân-chủ đều đại thắng. Sự kiện này đã góp phần không nhỏ vào diễn tiến dẫn đến hiệp-ước 8-11-1949, trong đó Pháp hé mở cho Miên chút quyền đối nội.

Tại Phnom Penh, nhiều chính phủ, do Thủ-tướng được quốc-vương chỉ-định thành lập lần lượt thay nhau do vì sự gây khó khăn của Lập-pháp (2). Trong khi ấy, các phe võ-trang chống đối cũng ngày càng bành-trướng, mạnh

(1) Như đã trình bày ở phần trên, hai tình này là đất mà Pháp đã buộc vua Norodom nhượng cho Thái năm 1867. Sang đầu thế-kỷ 20, Pháp đã tìm cách lấy lại (qua các cuộc thương-nghị 1902, 1904 và 1907), nhưng đến năm 1941 nhờ sự can thiệp của Nhật. Pháp lại phải tái nhượng cho Thái. Thoát khỏi tay Pháp, dân chúng trong vùng đã tự cho là được giải-phóng và nhờ sự khuyến khích của chính-phủ Thái họ đã tổ chức Phong-trào Khmer Issarak với mộng-ước giải-phóng lãnh-thò Khmer còn lại trong tay người Pháp. Phong-trào do Sơn-Ngọc-Thành lãnh-đạo và đã thu hút được nhiều phần-tử cách-mạng từ các tỉnh khác trong đất Miên đến hợp tác.

(2) Phe Dân-chủ luôn luôn chủ trương bãi Pháp và chống Sihanouk nên đã được sự ủng-hộ khá mạnh của dân chúng. Trong cuộc bầu Hội-đồng Tư-vấn 1946, Dân-chủ chiếm 50 ghế, Tự-do của Hoàng-thân Norodom Norindeth (thân quốc-vương) chiếm 16 ghế và các phần tử độc lập 3 ghế. Trong cuộc bầu-cử Quốc-hội 1947, Dân-chủ chiếm 55 còn Tự-do chiếm 20. Từ khi Youtévong mất vì bệnh lạc năm 1947, đảng Dân-chủ hoàn toàn nắm trong tay nhóm quân Sơn-Ngọc-Thành.

nhất vẫn là các nhóm Khmer Issarak cũ. Về phía Cộng-sản, sau khi Trung-ương-cục miền Nam được chuyển từ miền Đông Nam-Việt sang tỉnh Preyveng, các cán bộ địa phương cũng được lệnh ráo riết tổ chức các Ủy-ban Hành-kháng trong vùng ảnh-hưởng từ cấp Miền xuống đến Srok, Khum, Phum (1).

Trước tình-thế bế-tắc, Sihanouk đã giải-tán Quốc-hội (9-1949) với ý nghĩ như vậy chính-phủ sẽ mạnh hơn và góp phần đắc lực hơn với Pháp trong việc thanh-toán các phe kháng-chiến võ-trang. Không ngờ hai năm không Quốc-hội trôi qua, tình-trạng quốc-gia đã sa lầy lại càng sa lầy thêm. Cuối cùng Sihanouk đành phải cho bầu cử lại. Và, trong cuộc bầu-cử tháng 9-1951, phe Dân-chủ lại chiếm được 54 trong số 78 ghế. Ngay sau khi có kết quả bầu cử, chính-phủ Huy Kanthoul đã lấy lòng Đảng Dân-chủ bằng cách yêu cầu Pháp cho Sơn-Ngọc-Thành về nước.

Dù đã hứa với Pháp là sẽ không hoạt động chính trị nữa, nhưng khi về nước Thành liền xuất bản tờ báo tranh đấu Khmer Krok (Khmer Vùng dậy) và trong một cuộc viếng thăm tỉnh Takeo, Thành đã tuyên bố thẳng thừng là *chỉ có sự ra đi của người Pháp* nền độc-lập của Cao Miên mới hoàn toàn được bảo đảm và sự ổn-cố sinh hoạt chính trị quốc gia mới thực sự vững bền.

Tờ báo bị đóng cửa, nhưng Thành đã có tiếng nói khác, đó là một đài phát thanh bí mật đặt trong rừng Siem Reap, Chọn ngày kỷ-niệm Nhật đảo chính Pháp 9-3, Thành đã công bố trên đài phát-thanh chương-trình mà ông gọi là thúc đẩy cuộc đấu tranh cho tự-do của Cao - Miên. Thành được giới trẻ ủng-hộ khá mạnh-mẽ. Lực-lượng

Khmer Issarak của Thành lúc ấy mới quy-tụ lại được chừng ba ngàn quân, nay đã được củng-cố và tăng cường nhờ sự cộng-tác của Keo Tak lãnh-tụ nhóm kháng chiến ở tỉnh Battambang.

Điều mong mỏi Sơn-Ngọc-Thành buông xuôi hoạt-động chính-trị đã trở nên ảo vọng, Sihanouk lại giải-tán Quốc-hội lúc ấy đang do đảng Dân-chủ thao túng, nhưng tình-hình vẫn không vì thế mà khả quan hơn. Sau Sihanouk nhận thấy cần phải tách hẳn khỏi Pháp may ra mới tranh thủ được sự ủng-hộ của quần chúng, và, từ ý-niệm ấy ông ta đã quyết định đi một nước cờ thật cao làm đảo lộn hẳn tình thế.

Tháng 3-1953 Sihanouk rời Miên bay sang Âu-Châu và Mỹ. Ở đâu ông cũng lên tiếng đả kích Pháp âm mưu tái thuộc-địa-hóa Cao Miên. Tới tháng 6,

(1) Năm 1949, những phần-tử Cộng-sản ở Cao-miên đã tổ chức Ủy-ban vận-động thành lập Đảng Nhân-dân Cách-mạng Cao-miên nhằm quy-tụ các nhóm kháng-chiến thiên tả. Về mặt chính-trị, mưu đồ này đã gặp quá nhiều trở ngại, nên Cộng-sản rút-ti n xoy hẳn nỗ lực sang việc thành lập các đơn vị quân đội đặt trực tiếp dưới sự chỉ-huy của Bộ-tư-lệnh Liên-khu Kháng-chiến Nam-bộ (Việt - nam). Quân-khu đầu tiên thành hình tại Kampot và Kampong Siou được gọi là Quân-khu Tây-Nam. Ban Cán-sự đầu tiên của tổ chức Cộng-sản cũng được thành lập năm 1950 do Nguyễn-Thanh-Sơn làm bí-thư. Tổ-chức quân-đội được mệnh danh là Quân-đội Giải-phóng Nhân-dân Khmer phần lớn là người Việt. Khi đã có một lực lượng võ trang nho nhỏ làm hậu thuẫn, các phần-tử Cộng-sản mới tiến tới việc thành lập đảng Nhân-dân Cách-mạng Cao-miên rồi tới Ủy-ban Giải-phóng Quốc-gia (hình-thức Chính-phủ Cách-mạng) do Siou-Heng, Ủy-viên Trung-ương-cục Miền Nam, điều-khiển Mãi tới 1952, chính-phủ Kháng-chiến Khmer mới được thành-lập do lãnh-tụ Cộng-sản Sơn-Ngọc-Minh cầm đầu.

ông tới Bangkok và tuyên-bố chỉ trở về khi Cao-Miên được hoàn-toàn độc lập. Tuy nhiên, Sihanouk đã không ở lại Bangkok. Ông ta về tỉnh biên-giới Băttambang và sau đó tới Siem Reap, một tiểu-khu do Quân-đội Khmer kiểm soát, nhưng vẫn không chịu về Phnom Penh. Thủ tướng Penn Nouth, Tướng Nhiék Tioulong và Tổng-trưởng Quốc-phòng Sirik Matak đã tiếp tay với ông trong những kế-hoạch bí-mật nhằm đối phó với Pháp trước mọi tình-thế, trong đó có cả việc sử-dụng quân-lực để kháng-cự khi cần.

Quân Pháp khi ấy đã quá mệt mỏi trước một viễn-ảnh không sáng sủa gì đối với Pháp trong cuộc chiến-tranh Đông-dương nên đã tỏ ra không muốn gây thêm chuyện với Sihanouk. Ngày 4-7-1953 Pháp tự công bố sẵn sàng hoàn tất việc trao trả độc-lập cho ba quốc-gia Đông-Dương. Đã có kinh-nghiệm trước lời hứa và việc làm của Pháp, đề chắc ăn hơn. Cao-Miên đã nắm ngay cơ hội đòi hỏi được tức khắc có chủ-quyền về quốc-phòng, về tư-pháp và tiền-tệ. Pháp nhượng bộ. Thế là kể từ ngày 1-9-1953, toàn thể lãnh-thổ Cao-Miên được chính-thức đặt dưới quyền kiểm soát của chính-phủ Hoàng-gia. Ít ngày sau, một Bộ Tổng-tham-mưu Quân-đội Cao-Miên được tách ra khỏi Bộ Tư-lệnh Quân-lực Pháp. Trong một thỏa-ước riêng biệt ký vào tháng 10-1953, quân Pháp chỉ còn ở lại miền Đông

sông Cửu-long để hành-quân phối hợp cùng ba tiểu-đoàn Khmer. Quyền chỉ-huy Cảnh-sát và quyền Tư-pháp cũng đều được giao lại cho người Miên.

Khi về Phnom Penh, nghiễm nhiên Sihanouk đã trở nên vị anh-hùng vĩ-đại của dân-tộc trước mắt quần chúng, Chỉ trong một thời-gian ngắn ngủi, Sihanouk đã vượt trời lên, hạ hết uy-tín của các lãnh-tụ đối lập, kể cả Quốc-gia lẫn Cộng-sản. Ngay đến Sơn-Ngọc-Thành, trong một buổi phát thanh, cũng đã phải tuyên-bố : « Tôi đã lầm lẫn khi nghĩ rằng quốc-vương của chúng ta chỉ là công cụ của người Pháp. Thực ra ngài chính là một nhà đại-ái-quốc ».

Khi Hiệp-định Đình-chiến Genève được ký kết (20-7-1954), đại-diện Cao-Miên là Thiếu-tướng Nhiék Tioulong đã ký riêng một thỏa-ước đính kèm Hiệp-định với Pháp và Cộng-sản Việt, theo đó mọi quân đội ngoại quốc đều phải rút ra khỏi lãnh-thổ Miên. Khi Hiệp-định được thi-hành, du-kích-quân người Miên đã bị giải-giới trở về đời sống dân-sự, còn các đơn-vị Cộng-sản Việt đã rút ra khỏi Miên ngày 18-10-1954.

Tại sao phe Cộng-sản Miên lại bị hy-sinh một cách cay đắng như vậy, trong khi lực-lượng Pathet Lào lại được duy-trì ? Nếu chỉ bằng vào những văn-kiện chính-thức thì là do sự điều đình trực tiếp giữa các phe liên-hệ. Nhưng thực ra, đó chỉ là lá bài thả con săn sắt bắt

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

KH. 785/BTT/OCNP/16.4.40

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

con cá rô của Trung-Cộng. Lúc đầu cả Vyacheslav Molotov (Nga) và Chu-Ân-Lai (Trung-Cộng) tại Genève đều triệt để ủng-hộ Cộng-sản Việt trong việc đòi hỏi một chỗ ngồi xứng đáng cho Cộng-sản Miên trong hòa-hội cũng như trong cộng-đồng quốc-gia Miên sau này. Nhưng về sau, Chu-Ân-Lai đã bàn mành với Anthony Eden (Anh) là ông ta có thể thuyết phục Cộng-sản Việt bỏ hẳn đất Miên nếu Anh hứa chắc không để Mỹ nhào vào thể chân Pháp tại đó, và

như vậy có nghĩa là phe Tây-phương phải để mặc đất này cho Trung-Cộng gây ảnh-hưởng. Eden đã hứa nhận điều-kiện của Trung-Cộng nên cuộc bàn cãi về Miên đã được tiến hành mau chóng (1).

(còn tiếp 1 kỳ)

PHAM VIỆT CHÂU

(1) Cuộc mặc cả riêng ấy mới chỉ được Eden tiết lộ sau này trong « Memoirs of Anthony Eden : » Full Circle, do Houghton Miffl xuất-bản năm 1960.

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Rượu bổ
QUINQUINA

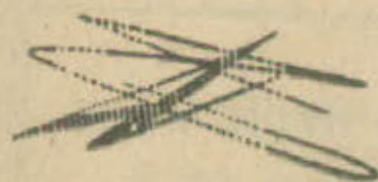
Quina '9'

CŌ ACIDE GLUTAMIQUE



*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Vài cái hay cái dở

TRONG NHẠC VIỆT

(Lối ca Huế và đờn tài tử)

Cái hay, cái dở thường rất tương-đối : cái người này cho là hay, người khác có thể cho là dở. Chúng tôi lại nhớ đến bài nhạc-sĩ Pháp Hector Berlioz (Ach-to-Bec-Li-ô-zơ) viết về nhạc Trung-hoa mà ông cho là giống tiếng "chó ngáp mèo mưa" (1), cũng như một ông hoàng ở Lahore (La-ho) sành nhạc Ấn-độ mà không thể thưởng-thức nhạc Âu ; đối với ông nhạc Âu cái là "tiếng sói tru giữa sa-mạc." (2)

Chúng tôi lượm lặt những lời khen, chê của vài văn-nhân, nhạc-sĩ sau khi họ nghe nhạc Việt và thử lấy công-tâm tìm khuyết điểm trong nhạc Việt để bỏ cứu và ưu điểm để phát triển. Đây cũng là ý riêng của chúng tôi và các bạn độc-giả cũng có thể không đồng ý với chúng tôi.

Cổ-nhạc Việt ngang qua tai người thính giả Đông-Tây

Chúng tôi dùng danh từ cổ-nhạc để nói chung chớ thường thì người ngoại quốc, cả người Việt, hay xem xét nhạc Việt ngang qua các loại « phòng nhạc » như hát-ả-đào, ca Huế và đờn tài-tử vào giữa thế kỷ thứ 17, giáo sĩ de Marini Romain (đơ-Ma-ri-ni-Rô-manh) sang viếng nước Việt, khi viết về phong tục người Việt có đoạn nói về âm nhạc Việt mà theo ông thì... « chẳng điều hòa và điều đặn » như nhạc Âu-Châu (3) Những người chỉ viếng qua nước Việt nghe nhạc Việt một đôi lần thì không ai thưởng thức được lối nhạc mà theo họ, nghe rất buồn ngủ (4). Bác sĩ J.C. Baurac (Bô-rắc) cho rằng nhạc Việt rất « lạc hậu » (4) ông viết : « Họ

(người Việt) rất tự hào khi nói đến tám âm của giàn nhạc bát âm, mà thật ra người ta không biết họ nói tám âm là có nghĩa gì vì chẳng có lối đờn nào nghe nhằm tai hơn. » (5) Ông E. Langlet (Lăng-gơ-lê) đã biết gì về văn hóa Việt mà cũng dám viết : « Người ta không thể nói rằng nước Việt có một nền văn học... mà âm nhạc còn nghèo

(1) HECTOR BERLIOZ « *Les soirées de l'orchestre* (Những đêm hòa nhạc) Trang 278, 279-284

(2) H. POPLEY *The Music of India* (Nhạc Ấn-độ) Trang 128.

(3) P. DE MARINI ROMAIN *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao* Paris Clouzier 1666. Trang 182

(4) J.C. BAURAC *Quelques notices sur l'Indochine*. Saigon 1899. Trang 17.

(5) Quyền trên Trang 15

hơn văn chương nữa — Người Việt Nam hát rất kém: họ không đếm xỉa gì đến nhịp nhàng cung bậc. Lẽ tất nhiên là âm nhạc và bài hát của họ người Âu không thích được, mà nghe "rất khó chịu..." ? (1) chẳng thà như ông Gustave Dumoutier (Guy-xơ-ta-vơ-Đuy-mu-chê) nghiên cứu cổ nhạc Việt một cách khách quan, không khen mà cũng chẳng chê (2)

Từ năm 1898 đến năm 1904, phủ Toàn quyền Đông dương đã giao-phó cho một nhạc-học-giả tên là Gaston Knosp (Ga-xơ-tông-Cờ-nô-xơ-pơ), công tác nghiên cứu nhạc Việt, Miên, Lào, Miến điện. Ông thích nhạc Miên hơn nhạc Việt, cho rằng nhạc Việt chỉ «bắt chước nhạc Trung-hoa một cách dờ-dang và thô sơ» (3)

Ông cố tìm cái hay trong lối nhạc mà « tuy không bằng nhạc Miên, nhưng không phải là không đặc biệt ». (4) Cái đặc biệt đó phải chăng là tánh cách thực thà « không có tiết điệu và khúc điệu phiền-phức và cho đến những bài tình ca cũng thường là vui (!) vì người dân Việt không biết lối «mi-nơ» (theo ông tức là lối nhạc buồn) ! » (5) Không thể nói hết những cái sai lầm của ông về nhạc Việt. Chỉ biết rằng sau khi nghiên cứu tường tận, viết bài về nhạc Việt đề đăng vào nhiều tập Âm nhạc Bách-Khoa trên thế giới, ông kết luận rằng âm nhạc Việt «không thể tiến được... Nó bị đông lại, và như bị cầm tù trong một truyền thống cổ hủ» (6) Đến những người am hiểu nhạc Việt như ông E. Le Bris (Lơ-bơ-ri), cựu giáo sư Pháp-văn trường quốc-học ở Huế, đã từng học nhạc Việt với ông Võ Trủy, đã nghiên cứu nhạc Việt mà

cũng cho rằng nhạc Việt chỉ « làm vui tai » (7) thôi.

Đến nay, nhiều nhà phê bình nhạc sau khi nghe chúng tôi trình bày nhạc Việt viết bài khen, cho rằng nhạc Việt « vô cùng duyên dáng » (8), nhưng thật ra thì làm sao người Âu-châu hiểu thấu đến thích được nhạc Việt ?

Người Việt thì đa số cho rằng nhạc ta nghèo nàn nhưng không nói hẳn ra. Có một số ít người thích thì lại cho rằng nhạc Việt «thơm dịu như hương hoa, thống thiết như tiếng ai khóc ai than, lờ đờ như đôi mắt thiếu phụ trong những chiều hè, hay vui như tiếng chim hát trong mùa xuân...»

(1) E. LANGLET *Le peuple annamite* Paris 1913 Trang 117 ..120,

(2) G. DUMOUTIER *Les chants et les traditions populaires des Annamites*. Paris. E. Lèoux 1890 Trang V...XXXIV.

(3) G. KNOSP, — *Rapport sur une mission officielle d'études musicales en Indochine*. Internationales Archiv für Ethnographie quyen XX. Trang 123

(4) G. KNOSP *Histoire de la musique dans l'Indochine* Encyclopédie de la musique. Quyen V Trang 3102 3129

(5) G. KNOSP *Les chants d'amour dans la musique orientale* Bulletin français de la Société internationale de musique IV année. Số 7. 15-7-1908. Trang 782

(6) G. KNOSP *Histoire de la musique dans l'Indochine*. Trang 3102 « *La musique indochinoise* Mercure Musical et Bulletin de la Société internationale de musique IIIe année Số 9 159-1907 trang 941.

(7) E. LE BRIS *Musique annamite* Bulletin des amis du Vieux Huế Octobre Décembre 1922 Trang 261.

(8) ANDRÉE MALLEZET. *Charme étrange de la musique Vietnamienne* (Duyên dáng lạ lùng của nhạc Việt) *Revue du Tanka international* 7è année N°28 Juillet 1960 trang 24

« Nhạc Việt như thấm vào xác vào hồn người nghe, chạy luồn vào huyết quản. » (1) Có người như Hoàng Yến cho rằng «đồ nhạc thâm thúy và học đến suốt đời chưa hết, cần gì phải sáng tác những điệu mới, (2) cổ điệu và tân điệu khác với nhau như trời với đất (3). Ông Ngô Văn Nghi trong buổi nói chuyện về âm nhạc cổ Việt - nam cho hội Khuyến-học đã cho rằng điệu Bắc « vui vui, lẹ lẹ và mạnh mẽ » (4) Theo ông Ngô quân thì điệu Nam có « giọng buồn buồn man-mác của cô gái Huế chốn Thần-Kinh (5). Trong quyển « Bản đờn tranh nhịp 8 », nhạc sư Chín Kỳ và Bác sĩ Nguyễn-văn-Bửu cho rằng : « âm nhạc Việt-Nam nào phải tầm thường, song vì âm điệu rất cao siêu, huyền ảo, thâm trầm, du dương cảm-xúc đến tận tâm hồn, nên nếu không có khiếu âm-nhạc hay cốt nhạc-sĩ thì khó hiểu nổi hết các điều sâu-sắc » (6) Trong bài nghiên-cứu về nhạc cải-lương Nam-Bộ, anh Mạnh-Thường đã khen câu nhạc... « trong các bản Phú-Lục, Lưu-Thủy, Xuân-Tinh cho đến các bản Nam-Ai, Nam-Xuân, Đảo - Ngũ - Cung, câu nhạc rất vuông về nhịp. Mỗi câu xây dựng trên bốn phách. Ở đây chứng tỏ sự phong phú về khúc điệu vì cũng trên một khuôn khổ về thời-gian, về nhịp mà sự phát-triển nét nhạc mỗi bản giữ một cách » (7). Bạn L.H.P. cho rằng... « Âm-nhạc Việt-Nam rất phong - phú và có truyền thống rất lâu đời... » ... « Khi những sáng tạo của nhân dân được đúc-kết đề-cao, thành một hệ-thống có tổ-chức qui củ, thì đó là chứng minh của một nền văn-hóa khá cao, nền văn-hóa của một dân-tộc văn-minh. Như vậy dân tộc Việt-Nam ta có một nền nhạc cổ đã

đến một mức tổ-chức khá cao, thì đó là một điều tự hào của chúng ta. » (8)

Đối với giáo sư Nguyễn-hữu-Ba, « giọng ca Huế là lướt những âm-phụ xa vời, gọi cho lòng ta những niềm vui êm sáng những nỗi buồn mệnh-mạng và một mối tình yêu nước thương noni vô cùng tha-thiết », còn lối nhạc tài-tử thì... « tấu lên cái tâm điệu mơ buồn của những con người miền Nam đứng trước những khu rừng âm-u ngút ngàn, những cánh đồng mệnh-mạng hiu quạnh hay những buổi mưa rừng nắng quái, trong đó có một cái gì não ruột, nghe như tiếng oán than của giọng suối lưu-lạc nhớ gốc nhớ nguồn. » (9)

Người không thích thì cho rằng cổ nhạc Việt quá thô sơ, nghèo nàn, thiếu bề sâu, không khoa học, nghe mãi nhàm tai.

Người thích thì cho rằng cổ nhạc Việt tế nhị, thâm trầm, huyền ảo, càng nghe càng thấm thía đến « khi vò chĩa khúc, khi chau đôi mày ». Chúng ta

(1) PHẠM QUỲNH *Sur la rivière des Parfums. Revue Nam-Phong Janvier 1930. Supplément. Trang 4.*

(2) HOÀNG YẾN *La musique à Huế đờn nguyệt et đờn tranh B.A.V.H. Juillet Septembre 1919 trang 236.*

(3) Quyền trên Trang 234.

(4) NGÔ VĂN NGHI *Âm nhạc cổ Việt-Nam Trang 21.*

(5) NGÔ VĂN NGHI *Âm nhạc cổ Việt-Nam Trang 23.*

(6) NGUYỄN VĂN KỶ và NGUYỄN VĂN BỬU *Bản đờn tranh nhịp 8 Trang 1.*

(7) MẠNH THƯỜNG *Nhạc cải-lương Nam Bộ. Tập san âm nhạc Số 1 năm 1957. Trang 25*

(8) L.H.P. *Nhạc cổ Việt-Nam Tập-san âm nhạc Số 6 năm 1956 Trang 31.*

(9) NGUYỄN-HỮU-BA *giới thiệu sơ-lược về Âm nhạc Việt-Nam Trang 7.*

thử lấy công tâm mà xét coi lối ca Huế và đàn tài tử có thật dở hay quá hay như các văn nhân nhạc sĩ Tây Đông đã viết và thử tìm trong mọi mặt coi lối ca Huế và đàn tài tử có nhược điểm và ưu điểm gì.

Nhược điểm của lối ca Huế và đàn tài tử

1) Bài bản đã ít lại hay lập điệu

Đào-duy-Anh trong quyển « Việt-Nam văn-hóa Sử-cương » đã trách người Việt... « không dám đặt ra xoang điệu mới ». (1) Chúng ta phải nhìn nhận rằng ta rất nghèo về bài bản. Số bản cũng có hơn trăm nhưng hoặc là những bài thật ngắn không đáng kể hay ít người biết đến. Trong đàn Huế mà biết được 10 bài ngự, Lưu Thủy, Cờ-bàn, Phú-Lục và mấy bài Nam như Ai giang nam, Hạ giang nam, Nam bằng, Nam ai, Tứ đại cảnh, đàn tài tử mà biết được 6 Bắc, 3 Nam thêm vào sơ vài bài Oán hay Ai oán như Tứ đại oán, Văn thiên tường, Giang Nam là đủ rồi. Có người chỉ biết một bài Vọng-cổ và ít câu rao cũng có thể đi đàn chơi ở các tiệc tùng. Trong cổ nhạc Nhật, riêng về đàn Koto (tranh) họ có ít ra gần 300 bài cổ-diễn và rất nhiều bài do nhạc sĩ phái cổ-truyền mới đặt sau này. Đó là không kể những bài viết theo hình thức nhạc mới, nhạc Âu cho đàn Koto.

Số bài bản của ta đã ít lại giống nhau, bài này giống bài khác và trong một bài có nhiều đoạn giống nhau. Lật quyển « Bản đàn tranh nhịp 8 » ra, chúng ta thấy rằng câu thứ 4, thứ 6 thứ 28 của bản Lưu-thủy-trường giống nhau và giống luôn cả câu 12, 20 bài Phú Lục, câu 36 của bản Bình bán

chân, câu thứ 4^m và thứ 10 bài Xuân Tình. Lớp 2 và lớp 3 bản Phú Lục trừ vài câu đầu giống hết nhau. Trong bài Văn-thiên-tường nội lớp đầu trong câu đã có 10 lần lặp lại câu nhồi « xê xê xang xự liu xê xự xang », câu đó, trong bài Tứ đại oán dưới hình thức « xừ xừ liu công xê xừ công liu » (vì đàn dây oán) câu nhồi đó có mặt 8 lần. Thành ra người nghe có cảm giác nghe lại mãi những câu đã nghe rồi. Biết 6 câu Vọng-cổ tức là biết gần hết 20 câu Vọng-cổ. Trong đàn Huế đoạn chót bài Tây Mai từ câu « song đà vương vấn mối duyên » đến sau giống hết bài Kim-tiền từ câu « xin thề trên có trời xanh » đến cuối.

Bài bản trong lối ca Huế và đàn tài tử vì thế mà khó hấp dẫn người nghe. Phần nhiều chúng ta nghe lời ca, còn phần đàn chỉ là phần phụ họa. Nghe đàn hòa thì sau vài ba bản, người nghe đã bắt đầu ngán. Người đàn thì có tìm thấy thú vị trong chỗ nhớ nhịp, nhớ câu, nhớ lớp, nghe được chữ nhấn lạ, câu chuyển hay, chớ người thính giả không có đủ can đảm mà ngồi nghe hòa cả 6 bài Bắc. Về hơi Xuân nhẹ nhàng thì chỉ có một bài Nam Xuân.

Về bài bản, chúng tôi thấy cần phải sáng tác thêm những bản nhạc mới theo truyền-thống, cung điệu xưa. Về điểm này chúng ta phải học rất nhiều của người Nhật và người Trung Hoa. Trước khi sáng tác, người nhạc-sĩ cổ truyền phải *thấu đáo* cổ nhạc và trong khi sáng tác, cố nung cao mức nghệ-thuật chớ đừng đặt bài mới theo loại các bài nhỏ trong cái lương mà người ta thường hay ca với lời đặt ra để chế điệu : « thân

(1) ĐÀO DUY ANH Việt nam văn hóa sử cương

anh như chiếc xe hơi, thân em như chiếc xe lôi, xì nổ đúng". Theo chúng tôi thì bài "Kim-Oanh trích liễu" của Tuỳ ký Quồn hay bài "Yến tước tranh ngôn" của cậu chúng tôi, ông Nguyễn-tri-Khương, là đúng theo "lễ lối" xưa nhưng có hình thức, khúc điệu mới.

2 / Cách chép nhạc không khoa-học

Chúng ta học cách chép nhạc của người Trung-Hoa nhưng học không thấu-đáo. Những cách chép nhạc rõ ràng như cách ghi bản đàn cổ cầm chúng ta không biết. Thành ra những bản xưa còn lại thường bị tam sao thất bản. Nhìn một bản mà không có thầy chỉ ngón thì không thể nào đơn đúng được. Nhiều người đã nghĩ dùng ký-âm-pháp Âu-châu thêm vào những dấu riêng để chép nhạc Việt. Như thế rất có ích cho việc khảo-cứu và việc dạy nhạc. Nhưng có hại là một khi bài bản được ghi lại một cách quá tỉ mỉ thì phần tùy hứng mất đi. Nhạc Nhật-bản đã trải qua tình trạng đó. Ngay xưa nhạc Koto dạy truyền khẩu nên cùng một bài mà cách diễn tấu tùy từng thầy mà hơi khác nhau. Và như thế mỗi lần mình đàn lại bản cũ, mình có thể dùng một hai nét tô điểm mới, để cho bản nhạc có một bộ mặt mới. Cái thú vị của người nghe cũng trong chỗ đó. Cùng một bài Lưu-Thủy mà khi đàn mau, khi đàn chậm, khi đổi ngón, khi chen nhịp ngoại, thành ra người nghe nhớ bản mà không thấy chán. Ngày nay, người Nhật có cách chép nhạc do họ đặt ra, cũng dùng chữ Hán, để chỉ số dây và những dấu để chỉ cách bắt dây cách nhấn. Có người dùng cả cách ký âm Âu-châu. Nhưng cũng vì họ chép kỹ lưỡng, tỉ mỉ quá mà cách diễn tấu tùy hứng ngày nay kém hơn xưa. Cách ký âm nhạc

Việt cần phải được nghiên cứu lại. Chúng tôi đồng ý dùng ký-âm-pháp Âu châu để chép những bản đàn dùng trong giàn nhạc, trong lớp học hay trong viện nghiên cứu, để khỏi bị cảnh tam sao thất bản. Nhưng cạnh bên một bản đàn chép theo phương pháp đó, nên có một phương pháp khác của chúng ta đặt ra, như cách chép bản đàn tranh của Bác sĩ Nguyễn-văn-Bửu, cách chép bản đàn nguyệt của bạn Nguyễn-hữu-Ba, để chúng ta có thể ghi được cả cách nhấn, cách rung, và khi nhìn vào chữ cố chữ xứ chữ xê chúng ta không bị hình thức của chữ nhạc chi phối cách nhấn. Việc đó cần phải được nhiều người chuyên môn thảo luận nhưng có điều là cách chép nhạc ngày xưa của chúng ta cần phải được cải tiến.

3) Phần lý thuyết rất yếu.

Từ sự qui định cung điệu, nhịp nhàng đến cách hòa đờn không có gì rõ rệt. Khi người thầy không có một ý niệm rành rọt về các nhạc tộc pháp, các cung các điệu, thì không thể đào tạo được những học trò thông hiểu lý thuyết lẫn thực hành. Vì thế người nhạc công nhạc sĩ của ta có thể đàn rất hay nhưng không thể làm công việc cải biên, hay sáng tác những bài mới. So với người nhạc sĩ Nhật, chúng ta rất kém về mọi mặt: kỹ thuật biểu diễn, trình độ văn hóa, và nhất là về lý-thuyết nhạc.

Muốn cho nhạc Việt được tiến bộ, học hỏi lý thuyết là một điều rất cần. Có học về lý thuyết, chúng ta mới thấy rõ nhạc chúng ta thuộc về loại nào, đặc điểm của nó là gì. Chúng ta sẽ thấy không phải vì âm giai có 5 cung mà nhạc Việt nghèo cũng như không phải thêm vào đó để có đủ 7 cung, 12 cung mà nhạc Việt giàu.

Chúng ta sẽ thấy rằng căn bản nhạc Việt là đơn-điệu. Nhưng khi hòa nhiều cây, nhờ âm-sắc khác và cách đàn tùy từng cây mà cách tấu nhạc linh-động. Đem hòa-âm Âu châu áp dụng trong khi phối khí cho một ban cổ nhạc Việt là làm mất cả dân tộc tính nhạc Việt. Học rõ lý thuyết chúng ta sẽ thấy phần tiết-tấu của nhạc Việt nhất là cách dùng trống phách để phụ họa làm tăng thêm hào hứng cho người đàn lẫn người nghe.

Bài bản ít, bị lập điệu và bị « tam sao thất bản », ít người am hiểu lý thuyết để cải biên hay sáng tác, nhạc khí lại rất thô sơ.

4/ Nhạc-khí thô sơ

Ông Ngô Văn Nghi đã nêu lên tánh cách « thô sơ, cầu thả, kém khoa-học » của nghề làm đàn trong nước Việt (1). Chúng tôi cũng nhìn nhận rằng nhạc-khí Việt rồi chung ngày nay không bằng ngày xưa và so với nhạc khí Trung hoa, Nhật bản, Ấn độ thì kém nhiều về âm-thanh. Vãn biết rằng nếu nhạc-khí thô sơ thì giá rẻ và như thế, người không dư dả cũng có thể mua được. Nhưng anh thợ-mộc khéo mà gặp gỗ tạp, bào, cưa lạt thì không thể đóng bàn ghế đẹp. Người nhạc-công dù có ngón đàn điêu-luyện đến đâu mà gặp đàn không âm, dây chùng phím lạc thì, chẳng tài nào trời khúc tuyệt vời. Trong phạm vi bài này chúng tôi không thể thảo-luận sâu vào vấn-đề có nên cải-tiến nhạc khí hay chẳng, nếu có nên thì cải-tiến cách nào. Chúng tôi chỉ đưa ra vài nhận xét và trong một dịp khác sẽ trở lại vấn-đề này.

Trừ ra một vài ngoại lệ như cây cổ cầm Trung hoa từ xưa đến giờ vẫn giữ

y hình dáng cũ, hầu hết đàn trên thế-giới đều thay đổi theo thời gian. Chính cây cổ cầm lúc vua Phục-Hi chế ra, cũng chỉ có 5 dây. Sau dưới đời vua Văn vua Võ, thêm 2 dây thành 7 dây. Đàn Koto Nhật có 13 dây, từ 30 năm nay có thêm loại đàn 17 dây (thập thất huyền). Đàn cổ tranh Trung-hoa trước dùng dây tơ, sau mới dùng dây cước (dây đồng) rồi đến dây sắt. Đàn vĩ-cầm (violon), dương cầm (piano) bên Âu châu đã bao lần thay đổi, mới đi đến ngày nay. Vì thế mà cải tiến nhạc-khí là một việc nên làm. Nhưng cần nhất là không nên bắt chước hình dáng đàn ngoại quốc hoặc không giữ âm-sắc (timbre) của đàn Việt.

Thí dụ như đàn tỳ-bà thay vì mắc 4 dây tơ, ta dùng dây sắt, thì thay vào tiếng thồ ta có tiếng kim như thế thì khi tỳ-bà hòa với đàn tranh không còn tiếng đục tiếng trong xen lẫn thường mất cả cái đẹp trong cách hòa cổ nhạc. Nhạc-khí Việt tuy thô-sơ nhưng nhiều đặc sắc. Mà đặc sắc nhất là cây đàn độc huyền (đàn bầu). Chúng tôi đã so sánh cây đàn độc huyền với cây đàn gopi-yantra (gô-pi-ăng tơ-ra) Ấn-độ và I higenkin (nhứt huyền cầm) của Nhật và thấy rằng hình dáng đàn mộc mạc mà cách đàn lại khoa-học, tinh vi, tiếng đàn ni-non uyển chuyển.

Nhược điểm về nhạc khí, theo chúng tôi có thể bổ cứu bằng cách đóng đàn kỹ, tìm thứ gỗ thật khô thật nhẹ cho đàn kêu hơn, cần ốc hay sơn mài cho hình dáng đẹp hơn; nghiên cứu cách cải tiến nhạc khí mà không làm mất dân tộc tính. Đồng thời phổ biến trong dân chúng những nhạc-khí đặc biệt Việt-Nam như cây đàn độc huyền,

(1) NGÔ VĂN NGHI Âm nhạc cổ Việt-Nam Trang 30.

và đàn đáy, hay những cây đàn giàu về âm điệu như tỳ bà và đàn tranh (1)

Nhưng cạnh bên những chỗ yếu của nhạc Việt, chúng ta cũng có vài ưu điểm cần được phát triển.

Ưu điểm của lối ca Huế và đàn tài tử

1) Rao hay dạo.

Đó là ưu điểm chung cho các lối nhạc Đông phương. Người Trung-hoa ngày xưa đàn thường có một đoạn mở đầu gọi là « dẫn tử ». Ngày nay chỉ còn một ít bài có phần « dẫn tử ». Người Nhật ngày nay không có rao. So dây xong là vào bản ngay. Người Ấn-độ có một cách đàn gọi là « Alapa » (A-lap) rất giống lối rao hay dạo của ta. Nhạc công tùy hứng đàn để trình bày « raga » cũng như chúng ta rao để cho người nghe biết chúng tay sắp đến Bắc hay đàn Nam. Cái rao của chúng ta chẳng những tạo một bầu không khí phù hợp với bản đàn, vui tươi cho bản Bắc, nghiêm trang cho bản Nhạc, êm ái cho bản Xuân, buồn dịu cho bản A, mà còn là một dịp cho nhạc công thử cây đàn như người kỵ mã thử ngựa, và lúc đó người nhạc công có thể phô tài của mình hay tùy hứng sáng tác những khúc mới lạ.

Nghe rao, nghe dạo thú vị hơn nghe đờn bài nếu gặp người đờn hay và biết đề hồn của họ vào chữ đờn trong lúc ấy. Người nghe nhạc Ấn cũng thích thưởng-thức khúc tùy hứng trong lúc nhạc-công diễn phần *Alapa*. Người ngoại-quốc bất luận Âu, Á, đều thích nghe rao đờn Việt. Người nhạc-công không bị nhạc khúc hay tiết-điệu chi phối, nhưng phải biết rao hơi nào ra hơi nấy, và tùy theo lúc, theo điệu, theo người nghe mà đờn, mỗi lần rao

là mỗi lần dựa theo câu rao cũ mà sáng tác câu mới. Như thế thì câu rao, câu dạo mới có tánh chất đặc biệt của nó, và lối ca Huế hay đờn tài-tử sẽ luôn luôn có một bộ mặt mới mà giữ căn bản cũ. Người nghe chờ đợi một câu rao lạ, hay, cũng như bên này họ chờ một tác-phẩm mới. Và lẽ tất nhiên nếu ta cố tìm học những bí quyết của cách trình bày phần *Alapa* trong cổ nhạc Ấn, cách « qua cầu » tức là tìm một nhạc-khúc nối liền hai « gouché » (gu-sê) trong cổ nhạc Ba-Tư để áp dụng trong cổ-nhạc Việt làm cho cách rao, cách dạo của ta thêm phong-phú thì dầu chúng ta chưa có người sáng-tác bài bản mới theo truyền thống cổ ít ra ta cũng đem thêm cái hào-hứng cho người đờn, người nghe.

Ngoài cái rao, chúng ta còn cái nhấn.

2/ Nhấn

Nhấn là một cách tô-điểm chữ đàn nét nhạc rất đặc-biệt Á-đông. Người Ấn khi đàn « vina » hay đàn « Sitar » đều dùng nhiều chữ « nhấn ». Người Trung-hoa khi đàn cò-cầm, cò tranh, người Nhật khi đàn Koto (tranh) hay đàn Shamisen (tam huyền) đều có nhấn. Chúng ta khi dùng các nhạc-khí để đờn Huế hay đờn tài-tử đều lấy cái nhấn làm trọng. Người đờn hay không phải chỉ thuộc nhiều bản, giữ chắc nhịp mà phải có « ngón nhấn » đặc-biệt.

Có dịp nghe nhiều nhạc-công các nước Á-châu đờn chúng tôi thấy rằng phần bay bướm, lanh lẹ chúng ta kém họ chớ về cách nhấn chúng ta có thể được sắp ngang hàng với họ. Lúc chúng tôi đàn tranh cho các giáo sư đàn Koto nghe, họ đều công nhận rằng cách nhấn

(1) ĐÀO DUY ANH Việt Nam văn hóa sử cương.

trong đàn Việt rất tế nhị. Họ cũng có nhấn nửa bực, (*hito-oshi*) nhấn một bực (*futaë oshi*) nhấn một bực rưỡi (*mic oshi*), nhấn vượt (*A'o-oshi*), đàn chụp dây như đàn chữ *tích* (*Keshite*) nhấn nhãy (*Tsuki-iro*) nhấn rung (*Yuri-iro*) như chúng ta. Nhưng vì họ dùng dây tơ đánh sấp nên chữ ngân họ không dài, họ không thể nhấn mờ, nhấn lật ngón, vì dây họ căng thẳng họ không thể nhấn sâu đến 2, 3 bực đờn chữ *hò* mà nhấn tới xê, họ đờn chữ *hò* chỉ nhấn đến xư là cùng. Chúng ta hơn họ ở chỗ ấy. Nhưng cũng nhờ họ dùng dây tơ đánh sấp mà họ có thể đàn lên rồi kéo dây cho giơ thấp xuống (*hiki-iro*) hoặc dùng ngón cái tay trái mà nhấn (*Kake-oshi*) dùng tay trái không móng mà khảy (*Hidari hiki*) và có nhiều « thủ pháp » của họ mà ta có thể áp dụng vào cách đờn cách nhấn của ta. Nói gì đến cách đàn đồ hồ, rung cung của đàn cò (*nbị*) cách chầy, hưởng, vả, mờ, bấm, bịt, day, chóp, búg, phi, rải trong đàn tỳ-bà là những đặc-điểm của lối đàn Huế và đờn tài-tử mà chúng ta cần phát triển.

Còn một ưu đềm khác mà, theo chúng tôi, nếu không khéo khai thác hay áp dụng nó sẽ thành nhược điểm : đó là cách hòa đờn.

3.) Cách hòa đờn.

Thường thì chúng ta hay bị chê là hòa đờn không trật tự không khoa-học. Bao nhiêu cây đàn chỉ tấu cùng một bản. Nhưng thật ra cách hòa đờn của ta là một cái hay riêng. Người Việt cũng như hầu hết người Á-châu không chú trọng về bề sâu mà chỉ đề ý bề mặt. Nhưng chúng ta cũng như người Trung - hoa, coi âm sắc (*timbre*) là trọng, trong lúc hòa nhạc. Trong đoạn đầu, chúng tôi có nhắc lại câu của ông

J. C. Baurac (Bồ-rắc) nói không hiểu « tám âm » của giàn nhạc bát âm của ta là cái gì. Tám âm là do ngày xưa người Trung-hoa chia các nhạc khí ra 8 loại tùy theo nguyên liệu chánh dùng để phát âm. Vì thế mà trong một bản nhạc phải có *tiếng tơ* của đàn cò cầm, đàn sắt, *tiếng trúc* của ống sáo, ống địch, *tiếng kim* của bác chung, biên chung, *tiếng đá* của đặc khánh, biên khánh, *tiếng bầu* của ống sênh hay bài tiêu, *tiếng da* của trống, *tiếng gỗ* của chúc, ngữ hay nhịp phách, *tiếng đất* của ống huân làm bằng đất sét hầm. Nhưng chỉ có trong triều đình mới có đủ các nhạc khí ấy nên lần lần ta gọi là bát âm mà chỉ có 8 nhạc khí hoặc ít hơn. Trong lối đàn Huế có ban ngũ tuyệt gồm 5 cây đàn dây : tranh, tỳ bà, nguyệt, tam, nhị. Cách đàn mỗi cây một khác nên tuy cùng đàn một bản mà cạnh bên cái nhấn chín chắn của đàn nguyệt, có cách «vê» (*vo*) hay đàn chuyển của đàn tam, có nhịp chỏi, nhịp ngoại của đàn tỳ bà, chữ vượt của đàn nhị, chữ rải của đàn tranh, nên nghe không chán tai. Khi hòa với đờn nhị, đờn cò, chúng ta có tiếng trầm của đờn gáo (đàn hồ), tiếng the the của đàn gáo tre, mỗi cây lên dây một khác : dây thuận dây nghịch, dây chẵn, dây nguyệt điệu, nếu thêm vào có tiếng phách hay tiếng trống nhịp thì làm sao chán tai được. Tiếc là nhạc sĩ, nhạc công trong lối đàn Huế, đàn tài-tử, không theo hẳn lẽ lối, không phát triển cái hay, chỉ nghĩ cách kéo nhấn câu nhạc cho dài thêm mà làm cho người nghe có cảm giác như bị nghe mãi một câu một đoạn, mà câu chuyện đầu lý thú đến đâu nghe mãi cũng nhàm tai. Thành ra cách hòa đàn của ta, đúng theo truyền thống đã thú-vị

nếu ta sắp đặt lại một chút, cho tùy lúc có cây to, cây nhỏ, cây đàn cây nghé thì một buổi hòa nhạc ở sẽ không kém hào hứng bằng một buổi hòa nhạc Âu Mỹ.

oOo

Không thể nói rằng nhạc Việt nghe lâu phát ngấy, nhạc Việt không có giá trị nghệ thuật và chế thậm tệ như một số người ngoại quốc hẹp hòi, cũng không thể cho rằng nhạc Việt quá cao siêu như một số người trong nghề trong điệu.

Nó vẫn có cái hay cái dở, ưu điểm và nhược điểm. Chỉ nhìn vào cái dở mà quên cái hay của nó thì sẽ đi xa và bỏ nó chết lẩn. Chỉ thấy cái hay mà quên cái dở thì sẽ làm nó đứng lại, không tiến, và do đó mà nó sẽ như cây

héo lẩn, sông cạn lẩn rồi cũng đi đến chỗ bế tắc.

Tìm nhược điểm để bổ cứu, tìm ưu điểm để phát triển là công việc đáng làm của nhạc sư, nhạc sĩ ngày nay. Dầu sao truyền thống của lối ca Huế và đờn tài tử, cũng như truyền-thống hát ả-đào, hiệp với các loại dân ca là nền tảng của nhạc Việt. Người nhạc-sĩ dầu cho học nhạc mới cũ, đông tây cũng cần có căn bản cổ nhạc mới giữ được dân-tộc-tính mới có thể góp phần vào công việc xây dựng Việt nhạc và mới được những chân nhạc-sĩ thế-giới yêu chuộng kính vì.

TRẦN VĂN KHÊ

(1961)

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12

1m70
1m50

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?



Nhức đầu

• Không

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Toán số với càn khôn

Đã lâu lắm rồi toán-học được xem là môn-học đế-vương, một môn học tuyệt diệu và huy hoàng nhất. Đó là nhận-định chủ-quan của những nhà chuyên môn chỉ biết phạm-vi học hỏi của mình. Nhưng đó cũng là một sự đánh giá đúng đắn. Toán-học thuần túy là một sáng tạo phong phú và cao cả nhất của trí-tuệ con người để cố tìm hiểu cho kỳ được huyền-bí của vũ-trụ và thiên-nhiên. Vì tánh cách rất trừu-tượng và xa lạ (tạm thời xa lạ) với những băng-khuông thực-tiền của con người, toán đã mặc nhiên biến thành một môn dành riêng cho một thiểu-số biệt tài. Tiếc rằng xưa kia, thiểu-số tìm ra được kho tàng, đã đóng cửa lại và bao phủ công trình tìm kiếm của mình sau màn huyền bí. Họ làm thế vì rất nhiều lẽ. Hoặc họ là những người mưu danh vụ lợi, cố tình nuôi dưỡng vẻ cao siêu, để sinh ra huyền-thoại, mà huyền-thoại là phương-tiện thuận lợi tô-điểm cả điều có giá và điều không giá. Hoặc nên chấp nhận sự nhận định thành thật của họ về sự khó khăn chuyển thông chân-lý cho đại chúng khi đại-chúng không có những phương-tiện tinh-thần, khả-năng và thời gian để lĩnh-hội. Một nhà vua nghe nói đến toán-số truyền cho một học-giả bày cho ông ta biết với. Tâu Thánh Thượng, toán số là môn học đế-vương, nhưng không có con đường dành riêng cho Vua chúa để đi đến đó nhanh chóng được.

Một Einstein sau này chẳng có gì tự phụ khi cho rằng trên thế-giới chừng mươi người có thể hiểu những phương-trình của mình. Quả thật muốn hiểu Einstein, phải là hạng người mà tư-duy đã trải qua những con đường thám hiểm gian lao tương-tự như cuộc phiêu-du về tư-tưởng của Einstein. Dừng lại nơi cảnh tự - mãn an-thích của mình, chúng ta có thể trách những bậc tài hoa về thái độ riêng rẽ chỉ vì họ theo thiên chức phải đi xa chúng ta. Nhưng còn có thể hiểu sự e ngại của những hiền triết xưa kia trong việc công-truyền và tâm-truyền, cố tránh khuynh-hướng của phạm phu tục tử thường hạ thấp chân lý xuống trình-độ dốt nát và ngu xuẩn, đúng như lời khuyên của Goethe nhắc lại: « Chỉ nên truyền cái học thượng thặng cho những bậc hiền đức mà thôi. » Trong khoa toán-số, sự e ngại đã không đủ để ngăn cản sự chuyển hướng về công dụng. Thay vì tính toán, người ta bói toán, thay vì xử dụng số lượng như một ngữ có hiệu năng nâng đỡ luận lý, khám phá luật thiên nhiên, hiểu biết máy càn khôn, người ta cho những số có ý nghĩa thần-lianh, có khả-năng ma-thuật. Số kiếp con người cũng như yếu tính của vũ-trụ đều tính toán được. Tưởng là quay lưng cho siêu hình, toán trở thành một siêu-hình-học khác, không phải hoàn-toàn phi lý và vô-giá, nhưng đã để cửa cho mê-tín và dị-

đoan lọt vào, làm cho khoa-học đang đượ xây dựng và phải được xây dựng mãi mãi, trở thành một thứ khoa-học tiêu-thụ, một khoa học chất đầy độc tính. Những người phương Đông đã để mất cơ hội phát huy một sở-biết phong phú và uyên-thâm đạt được từ lâu, để bây giờ chằm đuốc đã tắt (nếu đủ khiêm tốn và minh mẫn làm việc ấy) nơi những ngọn đuốc rực rỡ sáng soi những phương khác.

Bây giờ, dù ta muốn hay không, dù hiểu hay không hiểu, toán số đã chi phối hay càng ngày càng chi phối mọi hoạt-động có tổ-chức của xã-hội. Toán học trở nên môn học chính, môn học quan trọng của xã-hội cơ-giới, xã hội tân tiến, một văn-hóa mới, dựa trên khoa-học, mà khoa-học dựa trên toán-học, đặt lại mọi vấn-đề, đưa cho trí-tuệ con người những sự đố thách và kích thích mới lạ. Tiến bộ của người hay sự tồn tại của người không phải nơi sự trốn tránh vấn đề, mà nơi việc cố tìm những giải-đáp, dù không được toàn thiện, toàn mỹ, nhưng cũng là những lối thoát cảnh bí của thân phận.

Tại hoạ đốn chờ người nếu người lập lại những lỗi lầm cũ, khi tự đặt cho mình những song-luận đi từ cực-đoan đến cực-đoan, khi vớ được một thành phần đúng đắn, xem đó là toàn-thề, khi tuyệt-đối-hóa hay toàn-diện-hóa những sự thật phiến-diện hay tạm-thời mà giá-trị nổi bật trong một số dữ-kiện và tương-quan nhất-định. Sự lựa chọn sai lầm đối với một người, đã là nghiêm trọng, vì ta chỉ có một đời, mà sự lựa chọn của một thiểu số người tự xem hay được trao nhiệm-vụ định-hướng cho đời sống của xã-hội hay nhân loại, lại càng cực kỳ nghiêm trọng hơn nữa. Vô phúc thay cho xã-hội nào mà tại đó

quyền định đoạt lại giao cho kẻ dốt nát hay ngu muội.

Sự hấp tấp của những người quá nhiệt tình với văn-hóa khoa-học đi đến những kết-luận dứt khoát quá sớm về nghệ-thuật, văn-hương hay tôn-giáo không quan-hê bằng sự lãnh đạm hay mù quáng của những người bảo-vệ thành-trì cổ-điển của văn-hóa cũ kỹ, trước những biến-đổi nhanh-chóng của xã-hội, trước những vấn-đề cấp bách và thiết thực đe dọa tánh-mạng và phẩm-giá con người. Vì nếu văn-hóa khoa-học phát-triển mạnh-mẽ hơn nữa, con nhà khoa-học sẽ thấy phương-tiện mới mẻ để khám phá vũ-trụ, dù tinh-vi đến đâu, cũng chỉ là một lối trừu-tượng có giới hạn, không biểu-thị tất cả cuộc sống, không phải là thực-thề. Khoa-học có thể phê phán, chỉnh-lý một cách đúng đắn và hữu ích những phương-tiện khác của tư-duy, nhưng muốn nhìn đời một cách an-tâm, muốn nhìn đời trong toàn-thề, người không chỉ nhờ khoa-học, mà còn cần đến đạo-đức, nghệ-thuật, triết-lý, còn trồng cây nơi một huyền-nhiệm thiêng-liêng nào để bù đắp chỗ trống, hay vực-thẳm mà khoa-học, trong viễn-ảnh lạc-quan nhất, cũng không thể nào vượt qua được. Nhưng nhận-định vực-thẳm vô-biên ấy và dừng lại đấy để cho sự suy-gẫm hay trí tưởng-tượng vượt lên mấy vạn tầng mây, cao hơn cả những quỹ-đạo của các phi-hành-gia trong không gian, chỉ là một lối tự-diệt, chẳng hiểu có ích lợi gì cho chính mình không, chớ chắc chắn không hữu-ích chút nào cho một sinh-vật, chỉ là một lối khoác sự ích kỷ hay hèn yếu của mình với một danh-từ tốt đẹp nào đó mà tự mình lựa chọn và phong tặng. Nếu sự thoát-tục và siêu-

phạm của ta chưa đến cỗi chết thật sự, thì cơn ảo-mộng cũng chỉ là từng lúc, và ta phải tỉnh dậy trở về với máy bừa mỗi ngày, trở về với đất, trở về với những vấn-đề của sự sống, những vấn-đề dù sao cũng là của thực-thể, tâm muốn quên đi mà xác lại vấp mãi. Mà nếu chính ta đủ sức, đủ phương tiện xách riu lên rừng hoang-vu không còn ai quấy phá, tự làm một chòi bên một hồ Walden nào, — tuy như vậy chưa chắc đã hiểu Thoreau — và sống đời phóng khoáng hợp với chân-lý mình, cứ việc làm, trong xã-hội tự-do, chắc không có lệnh nào ngăn cản, và sẽ có người khâm phục. Nhưng chỉ mong một điều là đừng dựa vào điều ta có thể làm được, dựa vào quan niệm về đời ta có thể bắt chước được, để bắt buộc mọi người đều lựa chọn như ta, đừng đòi hỏi nơi kẻ khác sự lựa chọn khi họ không có tự do lựa chọn, khi chính họ, sinh-trưởng trong rừng, bên cạnh những hồ, bạn với cỏ cây chim thú, nghe bao nhiêu tiếng nhạc êm đềm của sông núi, thường thức được chiêm ngắm thanh-cao cỗi thiên-nhiên, họ phải tìm những nơi khác để sinh sống. trong thời gian và không gian này, sau khi đã có những cuộc cách mạng nông nghiệp, cách mạng kỹ nghệ, họ có quyền được hưởng những tiến-bộ chung. Nếu có sự giải-thoát con người, nếu sự giải thoát ấy cần thiết, sự giải-thoát sẽ là kết-quả của tranh đấu giữa con người với môi-trường sinh-hoạt, không phải nơi sự trốn tránh thực-tại và hiện-tại.

Xét đến những trào-lưu-tư-tưởng mấy mươi năm gần đây, lưu ý đến những cải cách hay đòi hỏi cải cách chương trình giáo dục ở những nước Âu Tây, chúng ta có thể thấy những

đường hướng chung của thời đại : chú trọng đến khoa học kỹ thuật, đến đời sống thực-tiễn, trông rơm đến đại chúng, nơi rộng hay liên-kết những môi-trường sinh-hoạt.

Trong những trào-lưu-tư-tưởng đang thịnh hành hiện nay ở Âu Tây, nhất là ở Pháp, có thuyết cơ-cấu. Tuy thuyết này, hay đúng ra những thuyết này, vì chữ cơ-cấu bao trùm nhiều đường-hướng và phạm-vi tìm kiếm khác nhau, đã thay thế thuyết hiện-sinh đã lừng danh sau thế-chiến thứ hai, và cũng có tầm quan-trọng không kém gì thuyết phân-tâm thời Freud, những thuyết cơ-cấu cũng chỉ là một triệu-chứng của sự biến-đổi nhận-thức và không phải là thuyết cuối cùng của trí óc con người.

Các thuyết cơ-cấu đã do ba nguồn gốc mà dựng nên. Ba phạm-vi tư-tưởng hiện đại đều dùng danh-từ cơ-cấu để chỉ một đối-tượng căn-bản nhận-thức, khác hẳn với những kiểu-mẫu đã chấp nhận trước kia về sự hiểu-biết. Những quan-niệm về đối-tượng ngôn-ngữ do Baudouin de Courthenay và Ferdinand de Saussure khởi đầu cho thuyết cơ-cấu của những nhà ngữ-học. Ý chính là ngôn-ngữ được xem như một hệ-thống làm thành đối-tượng minh-bạch, những nguyên-tố của ngôn-ngữ chỉ được định rõ nhờ những hệ-thức đối nghịch với tất cả những thành-phần khác, mỗi thành-phần xét riêng không có màu sắc gì, và chỉ có giá-trị hay nghĩa lý tùy theo vị-trí trong hệ-thống. Nguồn gốc khác của các thuyết cơ-cấu là triết-sử. Ý cơ-cấu trong phạm-vi này là xem mỗi công-trình như một hệ-thống tương-đối đóng kín và riêng biệt, người phân-tách một triết-phàm chỉ xét theo quan-điểm ấy. Nguồn gốc thứ ba là từ một nơi xa lạ

nhưng phong phú, trước kia bị lãng quên, nhưng ngày nay đóng vai tưởng quan-trọng trong văn-hóa, đó là toán-học. Cách đây chừng bốn mươi năm, Nicolas Bourbaki biệt-hiệu chung của một nhóm toán gia Pháp, đã dựng lên một pho bách-khoa quan-trọng về toán-học. Bourbaki cho đối-tượng thật-sự của toán là cơ-cấu, không phải thành phần. Mỗi ngành của toán-học tìm hiểu một cơ-cấu, hay một hệ-thống cơ-cấu. Chính quan-niệm mới về toán-học hiện nay đã giúp cho người một cái nhìn mới về vũ trụ và một phương-tiện tính-vi để hiểu biết một cách khoa-học hơn Thuyết về toàn-bộ (Théorie des ensembles) của Bourbaki thúc đẩy một sự cải-cách về chương-trình toán. Người phải sửa soạn đề vào một thời-đại mới, hiểu biết thực-dụng hay hiểu-biết trừu-tượng để thoả mãn háo-kỳ cao quý của người đòi hỏi sự chuyên-hướng.

Toán mới

Thuyết toàn-bộ trước kia là bước cuối của toán-học, nay trở thành bước đầu. Bourbaki đã có công tổng hợp những công trình riêng rẽ có trước. Cuối thế kỷ 19, Georg Cantor bày ra thuyết ấy và Maurice Fréchet nói rộng; trước đó Evariste Galois đã mở đường với thuyết về nhóm.

Đã mười mấy năm rồi, những trẻ 11, 12 tuổi ở Âu Mỹ đã theo chương-trình toán mới, đã quen với những ý-niệm về bộ, nhóm, với những dấu-hiệu, ký-hiệu khác hẳn với sách vở cũ. Đến nỗi, người ta phải làm thêm những sách phổ thông (như loại: *The New Math made simple*) để giúp phụ huynh theo cho kịp trình độ học hành của con em.

Những chuyện khôi hài cổ-diễn thường cười nhạo bậc cha mẹ vì thương con làm giùm toán cho trẻ, và lắm khi cho giải đáp sai. Đó là chuyện xưa. Đến nay, sự theo dõi lối học và từ ngữ toán mới có thể làm cho nhiều cha mẹ thấy mình lạc lõng trong một xã hội không còn phải của mình nữa (1)

Trước kia, trẻ học làm phép tính một cách máy móc. Ngày nay làm toán giỏi chẳng cần thiết gì mấy. Một người thông minh và chăm chỉ nhất cũng không thể làm những bài tính phức tạp nhanh bằng những máy tính điện-tử rất thô sơ. Mà máy điện-tử, mỗi ngày mỗi thêm tinh-vi, có thể cho giải-đáp trong nháy mắt thứ bài tính mà trọn đời một người cũng chưa làm xong. Học sinh của thời đại mới được sửa soạn đề đương đầu với những đòi hỏi của một xã-hội cơ-giới và khoa-học, cần biết lý lẽ của phép tính, cần biết lý-luận hơn là biết xử dụng, vì chính mình phải đặt "chương trình", kế hoạch cho máy, phải đủ sức để giải đáp những vấn đề phức tạp sẽ đặt ra sau này cho con người mà ngày nay chưa thể tiên liệu được. Toán không chỉ là nghiên cứu về số và hình. Toán nghiên cứu trước hết những tương-quan hay hệ-thức, những tác-động. Tương quan giữa những gì? tác-động đối với gì? Đối với những vật, những thể, những nguyên-tố. Nguyên-tố có thể là vật trong một đám dụng-cụ hay là những thể trừu-tượng như số,

(1) Bên ta) vừa nghe nói sắp sửa cho học sinh Trung học một chương trình toán mới (có người gọi là toán tân-kỳ hay tân-đại số). Điều đáng mừng. Nhưng thực-hiện được, phải cần có kế-hoạch, tiền-bạc, thì giờ và thông-minh nữa.

đường vạch, điểm, phương-trình, hàm số, biến-dịch hay mệnh-đề luận-lý. Nói tóm lại, những bộ gồm đủ loại nguyên tố hay thành-phần. Nhưng muốn cho những bộ trở nên đối-tượng nghiên-cứu, cần phải định rõ. Đó là mục phiêu của Thuyết toàn-bộ.

Học sinh nhỏ khởi sự biết thế nào là một bộ (set, ensemble) hay thành phần hoặc nguyên-tố.

$$A = \{ \text{Giáp, Ất, Bính} \}$$

A là bộ mà thành-phần hay nguyên-tố là Giáp, Ất, và Bính. Thường chữ hoa dùng để chỉ toàn-bộ, chữ thường để viết nguyên tố, vì những ý niệm khác phải được ký-hiệu một cách khác. Những dấu $\{ \}$ chỉ một bộ. Những danh về thành-phần một bộ được phân-biệt với dấu phẩy (hay phết) và nằm giữa những dấu ngoặc. Lối viết một bộ có thể thay đổi, mà ý nghĩa không thay đổi.

$$M = \{ \text{Xuân, Hạ Thu, Đông} \}$$

$$M = \{ \text{Mùa trong năm} \}$$

Thí dụ trên liệt kê nguyên-tố của bộ M. Thí dụ dưới đặt những chữ miêu-tả giữa dấu ngoặc, và được đọc: M là bộ những mùa trong năm. Dùng bộ M trên đó, ta có thể nói:

Thu là một nguyên-tố của M

Đông là một nguyên-tố của M.

Câu là một nguyên-tố của được thay thế bằng chữ Hy-lạp epsilon. Dấu gạch nghiêng / (thường dùng để phủ-nhận nghĩa của một ký-hiệu) nếu đặt trên dấu epsilon thì ký hiệu ấy có nghĩa « không phải là một nguyên-tố ».

Nói đến những bộ về vật cụ-thể, thì

có vẻ tự-nhiên. Nhưng trong toán, người ta cũng nói đến một cách tự-nhiên về những bộ mà không có thành phần hay nguyên-tố, gọi là hư-bộ, bộ trống không. Hư bộ dùng một chữ Na — uy giống như chữ O có dấu gạch nghiêng để lên làm ký-hiệu. Cũng có thể chỉ một hư-bộ bằng cách viết hai dấu ngoặc $\{ \}$ chẳng có gì trong đó. Có thể quan-niệm được hư-bộ khi nghĩ đến bộ gồm những người có 200 tuổi, hay bộ gồm những tháng có 50 ngày, vân vân.

• ký hiệu: ϵ (epsilon)
 ϵ (là một nguyên-tố của)
 \notin (không phải là nguyên-tố của)

Thí dụ: Thu \in M (Thu là một nguyên-tố của M)
 Giáp \notin M (Giáp không phải là nguyên-tố của M)

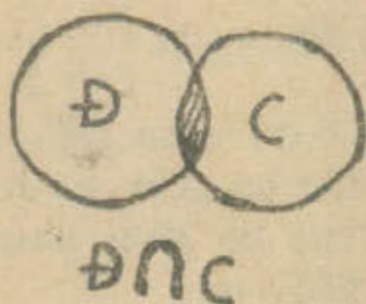
• ký hiệu: \emptyset (chữ Na-uy)
 dùng để chỉ hư-bộ

Đã có bộ, còn có phân-bộ. Một gế ngồi là nguyên-tố của phân-bộ gế gồm những gế, nhưng phân-bộ này thuộc bộ đồ đạc trong phòng. Ký-hiệu dùng cho phân-bộ là \subset . Trong một nam hòn bi, có một số bi đỏ. Ta sẽ viết $D \subset B$.

Kết hợp bộ A với bộ B, viết $A \cup B$, làm thành một bộ tất cả những vật thành phần bộ A và bộ B. Một lối hình dung khác là dùng giản-đồ:



Ngoài tác-động kết-hợp, còn tác-động gọi là tương-giao, với dấu hiệu \cap . Ví dụ, ta có những hòn bi vừa đỏ và bằng chai. Tương-quan được diễn ra: $\text{Đ} \cap \text{C}$ hay với giản-đồ mà trong đó phần có gạch chỉ tương-giao.



Thuyết toán-bộ đưa đến một đại-số về luận-lý ba tác-động: *KHÔNG*, *VÀ*, *HAY*. Toán mới không những dạy cho trẻ những nguyên-tắc chung của số-học, đại-số, hình-học, đề sau này lợi thời giờ học hỏi rộng thêm, còn sửa soạn cho trẻ có đủ khả-năng trí-tuệ để đối phó với những vấn-đề trừu-tượng của tân luận-lý hay cụ-thể như tìm giải-đáp khoa-học giải-quyết một chiến-tranh hay lập một quỹ-đạo trong không-gian.

Những chương-trình truyền bá toán mới có thể khác nhau đôi phần trong chi tiết, nhưng đều hướng về một mục-dích là dùng một toán-ngữ thật đúng đắn, và tránh những dễ sai lầm của toán cò-điền. (Như 3 trừ đi 5, không thể trừ được. Tôi mượn... Chẳng cần mượn gì cả khi trẻ biết được số âm). Bấy lâu, những nhà giáo-dục coi thường sức hiểu biết của trẻ đối với những điều trừu-tượng. Với những kinh-nghiệm gần

dây, người ta nhận thấy trẻ — chính vì trẻ — linh-hội được nhanh chóng giải-thích về toán hơn là những người lớn. Điều đó cũng dễ hiểu, vì lớn chừng nào có những tập-quán suy-nghi và phản-ứng nhiều chừng ấy, và không dễ gì lay chuyển cả một di-vãng thói quen để thấy ngay một điều thật dưới hình-thức khác.

Quen với lối đếm thập-phân, từ 1 đến 10, ta đọc dễ dàng: 3đ — 13đ — 49đ — 125đ (ba đồng, mười ba đồng, bốn mươi chín đồng, một trăm hai mươi lăm đồng). Nhưng những số ấy cũng có thể viết: 11đ (ba đồng) — 1101đ (mười ba) — 11001đ (bốn mươi chín) — 111101đ (một trăm hai mươi lăm đồng) Người khó tính sẽ cho đó là trò rắc rối, lập-dị, nhưng lối tính ấy đã trở lại một phép đếm thật giản-dị, chỉ có *Có* với *Không* (nhắc đến vạch đứt và vạch liền hay âm và dương của phương Đông). Người thật tế sẽ cho đó là một lối chẳng ích lợi gì, hay không tiện lợi cho sổ sách, vì người quên hay không biết, lối ấy là nguyên-tắc cơ-bản của những máy điện-tử đã đưa lại những kết-quả rất cụ-hề, như làm những bài tính mà người không thể làm, hay vạch ra trước, từng phần, từng ly, từng khắc thời-gian, con đường của một phi-thuyền lên cung trăng.

Nếu có một ích lợi tinh-thần cho con người, thì toán mới cũng như luận-lý mới, khiến cho người phải luôn luôn thức tỉnh, phải xét đoán một cách thông minh, không dựa vào những bài học

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

thuộc lòng, những câu giải-đáp tú, những an-thích trí-tuệ, là bao nhiêu điều ngẫu nhiên-tiến-bộ của trí óc, và gián-tiếp, của một xã-hội. Được giác ngộ, được giải mê, với những phương-tiện nhận-thức mới mẻ, không phải là điều hữu ích thiết thực hay sao? Toán mới hay luận-lý mới không làm khó chịu trẻ con, trí óc không phải non nớt, mà đang còn uyển-chuyển, chỉ làm cho người lớn khó chịu. Cảnh bực dọc có thể làm cho nhớ đến cảnh bực dọc khi học *Thiền* vậy. Khi môn-đệ hỏi thiền-sư: *Thiền là gì?* Câu trả lời thông thường của thầy là: ba cân dầu, hay một tên ngọc, hay một gậy trên đầu môn-đệ. Một môn-đệ hỏi thầy: Bản-chất của thầy trước khi cha mẹ sinh thầy là gì? Thầy biểu lấy hai tay vỗ một tiếng và hỏi lại: Cái tiếng vỗ riêng của một bàn tay ở đâu?

Khi giáo-sư toán đưa cho học-sinh xem một vật để thấy hình tam-giác cong của Riemann, hay để cho học-sinh

cắt một vòng Mobius (vòng giấy có tréo, cắt ra thành hai vòng dính nhau), giáo-sư cũng chỉ làm một thứ việc phá tan những nhận định hay tri-giác sai lầm, để cho nhận-thức, về vũ-trụ, về đời, hay về cái gì trong đó, được đúng đắn và đầy đủ hơn. Những trẻ đời nay, không đợi lên đến đại-học, đã học cơ-cấu của toán-học, học cái *tại sao* hơn là *thế nào*, xuyên qua các môn hình-học mặt phẳng, hình học vi-phân, số-học theo phép đếm một-hai, sắc-xuất, vec-tơ, đại-số theo Boole, với phương-pháp ngược hẳn với lối học chương, phương-pháp dẫn trẻ đến sự tự tìm kiếm, một lối đặt câu hỏi như Socrate để nặn ra những giải-đáp trong thế-giới lượng-số, vừa để cho trẻ thử thách mọi phản-ứng trước những thách-đố có phần ngộ nghĩnh, hấp dẫn, làm cho trẻ biết được nhanh hơn và kỹ hơn.

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYỄN

Kỳ tới: Toán và luận lý

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

*TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.*

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

● LE-HƯƠNG

BÙA NGẢI

Người Việt gốc Miên rất tin tưởng Bùa, Ngải. Họ cho rằng Bùa, Ngải trị được những sự phá rối của Tà Thần Ác thần, của Ma, quỷ và những vị Pháp-sư có ác tâm hại người bằng số tiền thuê, sự phá rối của loại Ma lai, loại người Thm-up chuyên trừ, ếm, thư đồ vật vào bụng. Càng tin ở Thần linh họ càng tin uy lực của Bùa Ngải mà ngay từ thuở bé, họ đã nghĩ đến vấn đề dùng Bùa, Ngải trong đời sống của mình.

Ngoài sự tự vệ, tránh đỡ kẻ vô hình hoặc người xấu bụng hại mình, người ta còn nhờ Bùa Ngải giúp cho nhiều việc mà sức người không làm được.

Người làm ăn thua lỗ, thất vọng, muốn vay tiền làm vốn, học sinh hạng đội sỏ đi thi vấn đáp, đều nhờ bùa, ngải để đạt nguyện vọng. Đi làm ăn xa hay định khước trương một công nghiệp gì, người ta nhờ bùa đeo trong mình để thân được nhiều lợi. Gia đạo không yên, sinh hoạt bần chật, người ta cho rằng ma, quỷ ẩn trong nhà hoặc oan hồn yếu tử theo khuấy rối, phải nhờ bùa trấn áp. Người không toại chí trên đường tình ái, bị ý trung nhân phụ rẫy thì nhờ bùa ngải làm cho họ thương. Có người dùng bùa để cứu người bị

nạn, ví dụ : con gái bị bỏ bùa trốn nhà theo trai, đàn bà bị bùa bỏ chồng, đàn ông bị bùa mê vợ bé. Có người dùng bùa để trục thân nhân đi xa lâu về, hay không biết tin tức. Có người dùng bùa để ếm đối trong nhà trừ tà ma, rước hạnh phúc. Có người dùng bùa để vô Tồ trong mình khi bị đánh không biết đau, chém không đứt, ta thường gọi là gồng. Trong thời chiến tranh đại đa số binh sĩ Việt gốc Miên nhờ bùa tránh súng đạn.

Kẻ có tà tâm dùng bùa đoạt vợ người, dụ dỗ gái tơ, gái góa, dành tình nhân kẻ khác. Có người dùng bùa hại người đau ốm, điên cuồng hay bỏ mạng âm thầm mà pháp luật không biết đến như lối « thư » đồ vật vào bụng. Có người dùng bùa hại người không ở trong nhà được, suốt ngày bứt rứt bực bội, rầy la quát mắng thân nhân, coi gia đình như địa ngục, luôn luôn muốn đi ra khỏi nhà tuy không biết đi đâu và làm gì ? Có người dùng bùa để luyện thai nhi để non hoặc chết trong bụng mẹ, gọi là Thiên-linh-cái để cờ bạc gian lận hoặc trộm cướp.

Người ta nhờ bùa để trị kẻ dùng bùa hại mình y như lối so tài bằng phép

tiên, hai địch thì nhờ hai vị pháp-sư giúp mình đạt mục-đích. Nhưng sự thành bại do tài của pháp-sư bên này hoặc bên kia và nhất là do ở việc làm có hợp với lẽ Trời hay không ?

Những vị Pháp-sư

Người có thần lực huyền bí để cho bùa là những vị pháp-sư dày công tu luyện, người Việt gốc Miên gọi là KROU. Những vị này sống lẫn lộn với đồng bào, hoặc lấy nghề cho bùa, gỡ bùa, bỏ bùa làm kế sanh nhai, hoặc dùng làm nghề phụ. Có vị ở trên núi sống theo hàng đạo sĩ, ít khi tiếp xúc với đời, chỉ thỉnh thoảng giúp một vài người gọi là có duyên với nhau. Có vị lợi dụng địa thế hiểm trở thu nhận một số đệ-tử truyền nghề. Xưa kia, trong giới người Việt gốc Miên có rất nhiều KROU chuyên môn hành nghề ăn tiền công. Người nào muốn hại ai có thể thuê pháp-sư cho bùa để bỏ. Kết quả thường khi được như ý muốn nên các ông sống rất dễ dàng, có vị làm giàu lớn tậu ruộng, cất nhà như bậc phú gia. Nhưng vì cậy tài làm bậy cho mình hưởng lợi, hoặc ăn tiền công giúp kẻ khác hại người nên các ông bị quả báo phải đau ốm nhiều năm, bị bùa hành điên cuồng, bị tàng tật suốt đời nên đám con cháu không dám nối chí ông cha tiếp tục nghiệp nhà nữa. Hiện thời (1968) dòng dõi các pháp-sư dưới thời Pháp thuộc có người giải nghệ, có người làm nghề khác mà còn giữ nghề của cha để giúp đời chứ không dám tác oai tác phúc nữa. Ngay các bậc đạo sĩ ở núi cũng ít khi nghĩ đến việc hại người dù có ai chịu một số tiền lớn. Ngoài ra còn một hạng pháp-sư đặc biệt nữa là quý vị sư sãi ở chùa. Hễ nói đến bùa, ngải thì người Việt gốc

Miêu nghĩ ngay đến ông Sãi Cả chùa A, ông Sư chùa B nổi tiếng thế nào. Thì giờ rảnh rỗi ở cửa Thiền giúp quý vị học và luyện bùa có kết quả rất tốt.

Người Việt học bùa của người Tàu do ông Lỗ-Ban đặt ra nên gọi là Bùa Lỗ Ban. Người Việt gốc Miên, Cao Miên, Thái, Miên, Nam-Dương, Mã-Lai học bùa của đạo Bà-la-môn. Đó là điều oái oăm nhất của quý vị Sư Sãi tu theo Phật mà lại thích luyện bùa của Bà-la-môn giáo. Nhiều vị đạo đức cao thâm, chịu khổ cực năm này qua năm khác để học thành tài hầu giúp đỡ đồng bào. Nhờ quý vị là người xuất gia, không màng danh lợi, nên quý vị cho toàn những loại bùa cứu người, giúp người qua cơn khốn khổ, giữ gìn tánh mạng, trừ tà, ếm quỷ, tuyệt nhiên trong giới người Việt gốc Miên không có vị Sãi nào ăn tiền mượn dùng bùa hại người. Ở Cao-Miên trong giới bùa ngải có nhiều vị pháp-sư là người ngoài đời, trong giới Việt-kiều, và ngay ở Việt-Nam cũng có nhiều thầy bùa làm bậy, hoặc để hưởng lợi, hoặc vì một số tiền. Khi có người bị bỏ bùa, nạn nhưn thường tìm nhờ quý vị Sư Sãi cứu giúp. Nhờ uy lực của quý-vị, nhất là nhờ tấm lòng trong sạch, ngay thẳng mà kẻ tà ma không thể hại người dễ dàng.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng, có người giữ bùa của các vị Sư Sãi và nhân đó, cậy thế làm càn. Những người làm như thế là phạm vào lời cấm kỵ của Sư, tức khắc gặp phản-ứng và Sư biết ngay, thân hành đến thu bùa lại. Sự kiện này là một luật lệ nghiêm khắc trong giới bùa ngải mà không ai dám ngoan cố không tuân theo.

Các loại bùa

Áp dụng theo nguồn gốc Bà-la-môn các vị sư sãi và pháp-sư Việt gốc Miên cho bùa dưới nhiều hình thức khác nhau và khác hẳn người Việt theo nguồn gốc Trung-Hoa như : sáp, tượng Phật, tóc đánh, bùa khắc trên miếng chì cột vào giấy Kàtha, bùa vẽ trên khăn tay, vẽ trên vải, xăm trên thân thể, vô hột xoàn, vô kim trong mình, nước thuốc để uống gọi là lu ện ồng.

Sáp bùa.

Sáp bùa làm bằng sáp ong có mùi thơm đựng trong hộp gỗ tròn như trái quít hai đầu hơi bẹp xuống chia làm hai phần bằng nhau, phía dưới đựng sáp, phía trên làm nắp đây xoay theo tròn ổ. Hộp sáp gọi là ĐĂNG LAP Sáp bùa có bốn thứ dùng trong 4 trường hợp :

— *Sáp rô-biê-n* để trị bệnh thông thường như nhức đầu, mỏi tay chân, trật gân, sưng mình mẩy, tức ngực, đau lưng.

— *Sáp rúp mê một* để trị các chứng bệnh do tà ma, quỷ quái gây nên,

— *Sáp sơ ne* là bùa yêu của phụ nữ, giữ tình thương của chồng, khiến cho chồng yêu mến mình nhiều hơn.

— *Sáp mon akum* thoa vào thi bị đánh không đau, súng bắn không trúng.

Hộp đựng sáp có nhiều cỡ, lớn nhất là đường kính sáu phân, thường thường người ta dùng cỡ đường kính ba phân. Hộp làm bằng loại cây Nhào gọi là NHO rất dễ tiện và không có mùi hôi, sáp đựng vào như đựng trong hũ bằng thủy tinh.

Khi muốn xin sáp bùa, người ta phải mua hộp gỗ này đem đến vị Sư, hoặc ông pháp-sư trình bày ý muốn. Sư hỏi tuổi đương sự, lật sách xem ngày

tốt để làm lễ « tom » bùa và sáp gọi là *bonn prasethi dâng lap*. Đúng ngày đã định, người xin bùa đem lễ vật vào chùa hoặc nhà pháp-sư gồm có 5 xấp vải trắng, một số tiền tùy theo sự thỏa thuận trước với Sư, một cái rỗi đất mới, một bao đèn cầy và một bao nhang. Trong góc phòng, Sư đã dọn một cái bàn thờ gọi là *tóc bầy sây*. Trên một cái bàn bên cạnh, Sư để trái dừa có cắm nhang, hai đoạn thân cây chuối con gọi là *Salatho* và một lư hương. Lễ vật để trên bàn thờ. Sư bắt đầu lấy sáp ong có mùi thơm gọi là *Kramoun Koóp* cho vào đầy hộp gỗ, đoạn để ngửa trên cái đĩa lớn có chân gỗ hay bằng bạc gọi là *chong s'op* hay là *chong piên*, đem lên bàn thờ. Sư ngồi xếp bằng trước bàn thờ bảo người xin bùa đứng sau lưng, rồi đọc kinh. Tĩnh thoảng, Sư cầm hộp sáp thối vào. Sau ba lần thối như thế, Sư lấy nắp hộp đây lại để trên mâm, tiếp tục đọc kinh, rồi cầm hộp bằng tay trái, tay mặt xoa qua, xoa lại vừa đọc không ngừng miệng, chốc chốc lại xoay ra sau thối vào đầu người xin nhiều lần. Mỗi lần Sư thối, người ấy chấp hai tay xá Sư một cách kính cẩn. Sư dở nắp hộp dùng hai ngón tay cái và tay trỏ lấy một ít sáp, vừa đọc kinh vừa thối vào và thoa lên chân mày người xin. Bấy giờ sáp bùa đã linh thiêng. Cuộc lễ chấm dứt. Người xin nhận hộp gỗ để vào túi trên, từ giã Sư Về nhà, y phải để hộp sáp trên bàn thờ, thắp nhang khấn vái mỗi ngày. Công dụng của sáp : loại trị bệnh, đau đầu thoa đó, có người lấy cây tằm vít một tý uống « cho mau hết » nữa, loại trị bệnh tà cũng dùng như trên, loại sáp có bùa yêu thì thoa vào mỗi khi nói chuyện, thoa trên chân mày, hai bàn tay để xoa vuốt, loại đỡ đòn, đỡ đạn thì thoa khắp mình nhất là trên đầu, trước

ngực, sau lưng. Người ta thích dùng nhất là loại sập có bùa làm cho người khác có cảm tình với mình như khi vay tiền, xin việc làm, học sinh thi vấn đáp!

Hình tượng.

Thứ đến là *tượng Phật nhỏ* để trong hộp gỗ đựng sập, hoặc đeo trên cổ gọi là *Preť*. Tượng làm bằng ngà voi, nha voi, ngà voi cụt, răng voi, nanh heo rừng độc chiếc, răng của vị *Sãi Cả* trong chùa còn sống hoặc viên tịch, răng của ông bà, cha mẹ. Làm tượng bằng ngà voi là những miếng ngà làm đồ vật lớn còn dư không có gì đặc sắc, răng voi cũng vậy, nhưng hơi đắt tiền vì cứng chắc khó tiện hơn.

Nha voi là ngà voi mới mọc lần đầu thường làm voi ngứa nứa khó chịu, voi phải thọc vào thân cây cho đỡ. Đôi khi voi thọc quá mạnh, nha bị gãy dính vào thân cây. Người ta bắt gặp đem về chế ra từng miếng nhỏ. Nha voi khác ngà voi vì dày đặc không phải bọng và có tính chất kỵ lửa. Vật gì để gần nha voi thì lửa không xâm phạm đến.

Ngà voi cụt là ngà voi chỉ mọc có hơn hai tấc mà thôi. Giống voi này rất hiếm có. Ngà mọc một thời gian thì voi bị ngứa ngứa khó chịu, phải bẻ gãy để ngà khác mọc ra. Voi hay thọc ngà vào những thân cây to cạnh đầm nước sau khi đã giải khát và tắm rửa. Tượng Phật bằng ngà voi là *PREť PHLUK*.

Nanh heo rừng độc chiếc là nanh của loại heo sống một mình gọi là heo lẩn chai, lớn gần bằng con bò, da dày vô cùng, rất hung dữ, cạp phải sợ. Nanh heo này tròn và đặc khác hẳn nanh loại heo rừng thường có ba góc và bọng. Nanh có tánh kỵ hỏa như nha voi. Heo

có nanh đặc ít khi bị người sát hại, chỉ chết già gọi là "rủ". Vùng nào có heo độc chiếc "rủ" sẽ có có mọc cao và vây kín xác heo. Rủ ro có cháy rừng, cả vùng có ấy không bao giờ bị xém. Nhờ đó người ta mới tìm gặp nanh heo. Tượng làm bằng nanh heo gọi là *PREť KHNAV TAN*.

Người Việt gốc Miên rất quý trọng răng của vị *Sãi Cả* trong chùa và răng của ông bà, cha mẹ mình. Người ta thường xin răng rụng tiện thành tượng Phật, hoặc lúc thiếu xác mà răng không cháy hết. Nếu tiện thành tượng Phật gọi là *PREť THMINH*, thì nhờ Sư "tom" bùa vào sẽ linh thiêng, hoặc chỉ để vào trong hộp sập bùa cũng có linh ứng như chính vị *Sãi Cả* hay ông bà mình theo phò hộ mình.

Người nào không đủ tiền thỉnh tượng Phật bằng ngà, bằng nanh heo hoặc nhờ thợ tiện cái răng thì vẫn có thể dùng một miếng ngà, một cái nanh, một cái răng nhờ Sư "tom" bùa, sự linh nghiệm cũng như tom vào tượng Phật. Quý vị Sư cho rằng uy lực của bùa không tùy nơi hình tượng mà ở tài sức của người cho.

Người nào có nhiều tiền có thể thỉnh tượng Phật bằng bạc, bằng vàng, bằng vàng găm, bằng kim cương.

Tóc đánh.

Tóc đánh là tóc tự nhiên quấn lại dính liền với nhau thành một miếng dày, cứng không thể chải gỡ được. Người có tóc đánh phải mang lấy không thể cắt bỏ vì dùng dao cạo hay kéo mà cắt thì bị đau như cắt vào da thịt mình. Đối với người Việt, người có tóc đánh thường cho là căn tu nên vào ở chùa hoặc sống như một cư-si, còn người Việt gốc Miên

thì dùng miếng tóc ấy luyện bùa gọi là SOK ĐANH. Họ cho rằng rất ít người có tóc đanh, trong vài chục ngàn người chưa chắc có một, nên họ rất quý. Có người có một miếng, hoặc hai, hoặc ba, một miếng gọi là *tôn*, hai miếng thì coi như vợ chồng, miếng lớn là chồng gọi *nhi*, miếng nhỏ là vợ gọi *sơ môn*, nếu có miếng thứ ba nhỏ hơn là đứa con gọi *kôn*. Khi người vợ có tóc đanh muốn cho chồng mình làm bùa phép thì phải nhờ một vị pháp-sư (KROU) cao tay ấn đọc thần chú cầu xin Thần linh rồi mới cắt được. Không bao giờ người ta cắt tóc đanh của người chết làm của riêng mình.

Khi người nào tự nhiên có tóc đanh phải đến 7 ngôi chùa khác nhau trong ngày lễ Phật, đem nhang, đèn cây đốt

trước Phật đài cầu xin tóc mình có uy lực tuyệt đối. Người Việt gốc Miên tin rằng người có tóc đanh không bao giờ bị kẻ nào đánh đập hoặc bắn giết được. Dù có chia súng vào người đi nữa, cò bóp cũng không nổ. Mỗi tháng hai lần nhằm ngày mùng 8 và 15, người có tóc đanh phải làm lễ Phật tại chùa hay tại nhà, dâng lễ cúng là bắp rang nổ, và thoa dầu dừa lên mái tóc. Người nào có miếng tóc đanh ở ngoài như của vợ cắt cho hoặc đầu tóc mượn của mình bị đanh thì để mọc tóc ấy trên bàn thờ. Người nào cũng thuộc bài kinh để đọc trong lúc làm lễ để giữ sự linh ứng luôn luôn.

(còn tiếp 1 kỳ)

LÊ HƯƠNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



THƯ LÂM ẤN THƯ QUAN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây số . 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
 số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUAN

THẮP SÁNG MÙA HÈ

Hai người lính dân vệ bước vào quán. Họ chọn chiếc bàn gần cửa ra vào rồi kéo ghế ngồi. Một người quay vào trong gọi :

— Chị Năm cho hai chai bia uống chơi.

Người này kêu xong cười hề hề lấy chiếc nón rộng vành màu cứt ngựa đang đội trên đầu để lên bàn. Người kia tiếp tục lấy ngón tay trở vẽ ngoằn ngoèo những vạch bụi. Người đàn bà được gọi lúc này đem ra hai chai bia, hai cái ly để trước mặt mỗi người rồi ra ngoài lấy đá trong cái thùng chứa đặt cạnh gốc me tây chặt cạch cạch cạch. Người lính dân vệ đội nón rộng vành nói :

— Chị Năm cho tui nhiều nước đá nghe chị Năm. Uống bia mà ít đá khó uống lắm.

Người kia thôi vẽ ngón tay, anh rót bia ra ly ngồi quay mặt ra đường.

Người đàn bà cầm mấy cục nước đá đi vào bỏ trong hai cái ly. Chị nói :

— Nước đá hiếm lắm, đặc biệt cho chú đó ghen.

— Ờ ra cũng phải vậy chứ, quen quá mà.

Người đàn bà bỏ vô trong ngồi khuất sau những cái kệ để chai. Có tiếng vông đưa kéo kẹt ở phía sau và tiếng ca vọng

cỏ nhỏ nhỏ của một người con gái. Hai người lính dân vệ im lặng uống bia và nhìn ra đường. Mặt họ dần dần đỏ lên nom thật đặc biệt trong cái nắng của buổi trưa như có lửa đốt.

Quán nằm bên này đường, thụt vào hàng me tây cao lớn và những chiếc thùng sắt rỗng đã rỉ sét. Bên kia là ngôi chợ quận, buổi trưa chợ không có người bán, vắng tanh. Lũ trẻ con vào đây nằm ngủ trên những sập hàng hay bày những trò chơi. Chếch về một góc chợ, trên thửa ruộng gần với quốc lộ là đồn dân vệ. Định thấy những dây rào thép gai kéo chằng chịt, những giao thông hào cắm chông nhọn, những ụ đất đắp cao như muốn bao kín phần còn lại phía trong. Cái tháp canh vượt cao lên những thứ ấy, trơ vơ trên nền trời đỏ lửa và cánh đồng xám mùt mắt chạy ngang qua vườn dừa rộng lớn còn nom thấy được. Định nhìn những chiếc lon mắc trên những dây rào thép gai nghĩ chúng như những quả chuông báo động bất thần trong một hành lang yên tĩnh. Ở đây, những chiếc lon được nhặt từ những đồng rác khắp nơi trong quận như một gom góp nhỏ bé về sự an tâm trong cái xao động lớn lao của lòng người. Những chiếc lon đã vứt đi được dùng trong một công dụng thật đặc biệt, có vẻ như trò chơi, nhưng

thật ra quan trọng vô cùng trong đêm tối. Người lính ngồi gác trên tháp canh nhìn xuống phía dưới này không hiểu có nghĩ như Định không, và chẳng hiểu anh có xoắn xang trong lòng khi nhìn thấy những trái me tây khô đen rụng theo cơn gió rạt rào của mùa hạ ?

Hai người lính dân vệ kêu thêm bia và nước đá. Họ nói chuyện thật ồn ào, cả hai điều có vẻ như đã say. Định ngồi im lặng một chỗ nhìn ra khắp nơi. Con đường trước mặt im phẳng, nắng làm bốc hơi cát, bụi bay vờn theo mỗi cơn gió. Định đã uống xong ly nước, chàng định trả tiền đứng lên nhưng nhớ tới cái nắng bên ngoài thấy mồ hôi trong người vã ra, tự nhiên Định lười biếng như một con sâu ăn no lá cây. Chàng ngồi nán lại và muốn ngồi đây cho hết buổi trưa. Hai người lính dân vệ uống thêm một lúc rồi kêu tính tiền. Một người nói với chị đàn bà :

— Con gái của chị đâu không lên bán ?

— Nó kêu nhứt đầu nằm ở nhà sau

— Sao không gã chồng cho nó đi, con gái lớn không nên giữ mãi trong nhà. Thằng Phên nó nói nó thương con Gấm của chị lắm đó.

Người đàn bà cười :

— Mấy chú nói chơi chứ con gái tui còn nhỏ, biết gì ?

— Xời, con Gấm mà còn nhỏ ?

Hai người lính dân vệ cười khà khà đứng lên bước ra đường. Định nghe có tiếng động cơ xe đồ từ xa tới. Một người lính dân vệ giơ tay vẫy vẫy.

Chiếc xe đồ chạy tới và dừng lại trước cửa quán. Hai người lính dân vệ đứng bên gốc cây nhìn băng quơ hành

khách trên xe cười. Người đàn bà chủ quán đi ra cùng đứa con gái khệ nệ khiêng cây nước đá bỏ vô chiếc thùng chứa trước cửa. Xong hai mẹ con đứng nhìn ra. Người tài xế ôm tay lái hỏi lớn :

— Xong chưa chị Năm ?

Chị đàn bà gật đầu cười.

— Tôi sợ hôm nay anh về trề không có nước đá bán.

— Tôi vất vả ghê lắm. Đoạn đường phía trên bắc An Hóa bị phá hoại tưởng đâu xe không qua được.

Người lính dân vệ đội nón rộng vành màu cứt ngựa hỏi lớn bên dưới :

— Có đặt mìn không ?

— Dễ không hôn, nghề của mấy ông mà.

— Chắc có người chết ?

Người tài xế một tay ôm lái một tay choàng qua cửa xe nửa thân nhô hẳn phía ngoài đáp :

— Khi tôi tới thì họ xong đâu đó, người chết thì họ cũng đã khiêng đi mất.

Một vài người xuống xe. Họ vôi vôi đi thẳng vào đứng dưới cái mái che của quán nước. Hai người lính dân vệ leo lên mui ngồi, người thổi ken lá tre nói lớn với tài xế :

— Chúng tôi xuống quán.

Nói xong anh ta thổi kèn "toe" một tiếng. Chiếc xe đồ từ từ chạy qua khỏi quán đến một lúc Định không còn nghe thấy tiếng động cơ nổ ịch nữa. Đám trẻ con đứng tản ngẩn giữa đường, trong một đám bụi do chiếc xe đồ chạy đi để lại. Một đứa bỗng đi tới gốc cây vén quần ra đái, mặt tỉnh bơ hướng vào quán. Đứa khác, tóc hớt cao mặc áo ca rô sọc xanh cúi lượm một viên đá đi

khom khom tới sau lưng đưa đứng đái định ném. Nhưng cả bọn cười phá lên Đứa trẻ con quay lại hùng hổ rượt cả bọn chạy vào nhà lò g chợ. Người đàn bà chủ quán cười rói :

— Đúng là cái lũ quý.

Đứa con gái của chị đi trở vào ngõ chừng về phía Định. Chàng mỉm cười chỉ ly nước đang uống. Cô gái hỏi:

— Một chai nữa hả ?

— Một chai nữa, cho nhiều nhiều nước đá. Trời nóng quá cô thấy không?

Cô gái khui nước mang lại để trước mặt Định. Nàng cười :

— Dạ, trời nóng quá.

Người đàn bà bước vào nói :

— Mày có quen với thằng Phên không Gấm ?

— Dạ biết nhưng không có quen.

— Biết với quen mấy thứ ?

Cô gái đứng sát vào kệ nước mân mê gấu áo :

— Biết là biết còn quen khác chứ má...

Người đàn bà buông thông :

— Thằng Phên nó nói nó thương mày đó.

Cô gái xi một hơi dài bỏ xuống nằm trên chiếc võng đưa kéo kẹt. Một chút cô nói bằng quơ :

— Cái thằng cha Phên ai mà thèm.

Một lát Định không thấy người đàn bà đi đâu nhưng chắc chắn chị không có trong căn nhà. Cô gái tiếp tục ca vọng cổ nhỏ nhỏ phía sau. Mấy người hành khách vừa xuống xe lúc nãy cũng đã lần lượt bỏ đi sau khi có mấy chiếc

xe lô trời tới. Trời lặn về chiều, nắng thêm gắt và gió đổi hướng thổi mạnh ngoài hàng cây, tung lên những đám bụi mịn mù. Định đứng lên nép bên cửa buồng kêu cô ơi cô ơi. Cô gái hình như đang ngủ, ghe kêu chột giựt mình ngồi thẳng dậy ngó lên. Thấy Định cô gái cười :

— Ông kêu ?

— Tính tiền coi bao nhiêu ?

Cô gái vén tóc đi lên :

— Bốn chục

— Định móc tiền ra trả. Chàng vô ý chạm tay mình vào tay cô gái. Bàn tay mướt mồ hôi. Cô gái ngó Định một cách bối rối rồi chột hỏi :

— Hình như ông mới tới quận này ?

— Tôi tới ba tháng rồi nhưng ít khi vào đây chơi. Cô xem tôi có lạ lắm không ?

— Dạ, cũng hơi hơi lạ.

Định cười, nhận lại tiền thối rồi bước ra khỏi quán. Vừa lúc một đám bụi bay tấp vào quán, phủ lấy Định làm chàng muốn ngợp thở.

oOo

Lủy ôm một xấp quần áo từ ngoài vào vút trên giường rồi ngồi xếp chặm rãi từng cái lại để ngay ngắn qua một bên. Sa từ nhà sau bưng lên ly nước đưa thấy vậy xi thành hơi dài quay nói với Định :

— Bà Lủy có anh đến chơi làm ra vẻ siêng năng ghê lắm. Lủy làm tỉnh vén tóc. Mấy giọt mồ hôi ngó thấy trên trán. Sa tiếp tục chọc :

— Anh biết, cái đồng đồ đó ai giặt không. Con Trâm nó giặt đó, bà Lủy nằm ngủ trong phòng suốt cả buổi sáng.

Định bây giờ mới chú ý tới đồng

đồ Toàn là đồ con gái, đủ cỡ, đủ màu. Chắc là đồ của ba chị em. Bà cụ, mẹ của Lủy vẫn thường than với Định nhà có ba đứa con gái lớn xấp xỉ tuổi nhau cứ y như sanh giặc, lúc nào cũng có chuyện đề tranh dành, cãi nhau, la hét đến nhức óc, không ai chịu rớt đi một đứa cho rồi. Định đương nhiên làm người chứng kiến và đương nhiên làm người giải quyết nỗi khổ tâm của bà cụ. Nhưng chàng chỉ có thể nói ba điều bốn chuyện cho bà cụ vui lòng chứ không thể nào dự phần vào cái không khí sục nức chiến tranh con gái ấy.

Định ngán phải nghe các cô kể lẽ công lao hay tố nhau về chuyện ăn uống học hành may sấm. Kể cả tìm cho mỗi cô một người để rớt đi như bà cụ vẫn thường mong. Định quen với gia đình này từ ngày mới về dạy ở quận này. Đầu tiên quen với bà cụ vì chàng ăn cơm thánh do bà cụ nấu cũng như nhờ vả mấy chuyện lật vạt mà ngày mới xuống không biết nhờ ai vì tất cả đều xa lạ mới mẽ, từ con đường, quán nước, dòng sông, cây cầu ngói trường.. Thậm chí đến những đứa học trò ở đây cũng khác lạ. Chàng không thể nhìn thấy được một điểm tương đồng nào của đám học trò ở đây với đám học trò ở tỉnh. Thật là một chuyện ngoài dự tưởng làm Định như tro vơ trên một tỉnh cầu nào mới lạ. Sau đó Định quen với mấy người con của bà cụ vào dịp nghỉ hè tháng trước. Lủy, Sa và Trâm ba chị em đều học trên tỉnh nghỉ hè về chơi nhà và Định đương nhiên được bà cụ giới thiệu cho với tư cách làm anh của ba đứa con gái không có vẻ gì là em của chàng cả. Lủy hiền, ít nói nhưng giận dai. Sa hiền, sắc xảo và Trâm thì

ngịch phá lại thích làm người lớn. Mấy tháng qua sống với bà cụ Định không thấy mệt nhưng mới có một tháng làm quen với không khí của ba chị em Định như muốn ngất ngư. Chàng mong cho mùa hè chóng hết để chấm dứt khoảng thời gian trống không ở quận lỵ này, cũng là để chàng thoát khỏi cái không khí của ba chị em Lủy bao quanh hàng ngày. Định không muốn chàng đóng vai trò phân xử những chuyện lật vạt của con gái. Vai trò chẳng đưa chàng tới đâu cả, còn bạc bẽo như vai trò của ông thầy giáo của cái quận lỵ không lấy gì làm an ninh này.

Sa thấy chộc Lủy không xong nên quay đầy ly nước về phía Định, có vẻ bức tức. Định cười :

— Uống ly nước đưa vào bụng chắc không êm.

Lủy đang xếp áo bông cười khắc một tiếng. Sa nguyệt Định :

— Uống không ừng thì thôi sao làm cho người ta rệu em ?

Lủy quay lườm Sa :

— Người ta nào, làm như là xa lạ nhau không bằng.

Định nói :

— Xin can hai cô, cãi nhau hoài mệt óc lắm.

Sa gầy :

— Người ta cãi nhau cho anh nghe sướng mà còn than mệt óc nổi gì.

Trâm khuấy muống trong ly nước dưa leang keng đứng ở cửa buồng háy mắt ngoắc Định :

— Nếu anh chịu không nổi hai bà thì ra ngoài vườn chơi với em. Ngoài đó mát lắm.

Sa bủ mỗi ,

— Dễ thường anh Định nghe mầy.

Trâm húp một muống nước dứa :

— Đi ông thầy giáo, trong nhà coi bộ hơi găng.

Định nói :

— Đi cả ba mới vui. Ra ngoài đó với một chén muối ớt thì khỏi chê.

Trâm le lưỡi :

— Nghe ra vườn là lần nào anh cũng kêu mang theo muối ớt. Má thường nói ăn chua làm biếng. Trâm không muốn làm biếng.

Sa xỉ một hơi dài :

— Chứ mầy thì siêng hơn ai, chỉ siêng hơn bà Lủy.

Lủy cười khắc một tiếng mang đồng quần áo bỏ vào tủ. Xong trở ra đứng ở cửa nói bâng quơ :

— Giờ này có một ly chè đậu xanh lạnh ngâm trong miệng thì nhất.

Rồi quay lại định :

— Lủy không thích ăn chua. Mùa này ăn đồ sống có hại.

Định uống hết ly nước dứa ngồi quay mặt ra đường. Buổi chiều trái nắng trên những ngọn cây. Cái nóng đã bớt nhưng mặt cát hình như vẫn còn bốc hơi. Từ ngoài đường lộ vào đến thềm nhà cách một khoảng sân trống không. Buổi chiều mát ba chị em Lủy thường ngồi quanh cái ghế xích đu của bà cụ. Nghe kể lại các trận đụng độ trong khu rừng lá bên kia sông hay những trận tấn công vào cái đồn dân vệ trong chợ. Định cũng tới vào lúc ấy, đi loanh quanh sân góp vài câu với bà cụ rồi ra về khi trời sụp tối. Lủy vẫn hay có lối lo âu bằng cách chắt lưỡi mím môi khi

có tiếng súng bắn vu vơ đâu đó ngang qua cánh đồng trước lúc Định ra tới đường. Sa thì thường có một câu duy nhất : nếu không nghe tiếng súng còn đỡ sợ, đêm còn dám ngủ trên giường. Nghe tiếng súng cứ muốn chui xuống hầm mà ngủ cho chắc ăn. Trâm thì luôn luôn nói anh Định là dân thành mà gan ác. Định cũng không hiểu tại sao mùa hè này chàng không muốn về tỉnh trong khi các đồng nghiệp của chàng đều hăm hở về đó. Định đã lang thang suốt tháng nay khắp quận lỵ. Sáng đi thật sớm và chiều về thật tối. Căn nhà trọ chỉ còn lại có một mình chàng. Bữa cơm chỉ còn lại có một mình chàng. Một cái chén và một đôi đũa, có lúc Định tưởng mình như người chết được gia đình cúng cơm hằng bữa trong một cái mâm đề sắn. Có khi Định đi bán chim trong vườn với mấy đứa học trò suốt ngày. Định thấy cái vui của chàng bây giờ là cái vui của người lớn. Nhưng cái buồn thì thật sự như của trẻ con. Trong quận lỵ này, suốt mùa hè này chàng chỉ có một nơi để đi về là căn nhà trọ của bà Viên và một nơi để lui tới là nhà của ba chị em Lủy. Tìm ở đó một chút hương gia đình, hưởng ở đó một dư vị của tình thân. Định không muốn trở lại tỉnh, dù rằng với ba tháng nghỉ hè, ba tháng rảnh rang của đời sống thiếu kém này.

Sa bống kêu nóng quá rồi nói :

— Biết vậy trước khi về cắt tóc ngắn giờ có phải là đỡ khổ cái thân không.

Định nói cho có chuyện.

— Trời nóng là trời nóng chứ mái tóc thì có ăn nhằm gì mà đòi cắt. Con gái để tóc dài đẹp lại không chịu.

Sa chu môi :

— Anh cũng có tóc đỏ sao không để dài đi cho nó đẹp.

Trâm bỗng mang ra chiếc xe đạp, thụi vào lưng Sa :

— Đi chợ.

— Đi chợ làm gì giờ này ?

— Uống nước đá đậu xanh.

— Bờ chớ tui há ?

— Em mà chớ chị tụi con nít nó cười.

— Vậy mệt lắm, không đi.

Trâm thụi Sa :

— Thôi bà, tôi chớ.

Rồi quay nói với Định :

— Anh Định thấy không làm em chỉ bị bắt nạt không thôi. Phải biết vậy hồi đó Trâm dành ra trước.

Định cười.

— Tôi không có ý kiến vấn đề này.

Lủy nói.

— Cho gọi mua hai bịch.

Trâm đã dắt xe ra sân. Sa ngồi trên bọt ba ga chu môi :

— Sướng nhỉ, bộ người ta làm mọi sao chớ. Nhưng tại sao lại hai bịch.

Trâm ngó Định cười :

— Một bịch cho ông thầy giáo, chị quên rồi sao ?

Lủy bối rối dùng chân di mấy hạt cát. Sa xì một tiếng hổi Trâm chạy đi. Trâm vừa đạp vừa nói lớn :

— Anh Định ở chơi một chút có nước đá đậu xanh về tới, đi uống lắm nghe.

Lủy quay vào ngồi ở chiếc ghế của Sa. Định nói :

— Anh mà ở chung trong nhà này chắc chịu không nổi hai con nhỏ đó.

Lủy ngồi nhìn ra đường. Mặt đượm buồn. Mái tóc rủ xuống che gần hết gương mặt. Định ngó thấy mấy giọt mồ hôi trong chân tóc mây trên trán Lủy.

— Anh nghe tụi em Lủy nói gì không ?

— Nghe

— Nghe sao ?

— Nghe vậy thôi. Nhưng tụi nó phá hơi đâu Lủy để ý.

— Không để ý cũng không được.

Định cười.

— Thì bịt tai lại, bỏ đi chỗ khác hay tỉnh bơ ra cho chúng nó tởn.

Lủy cũng cười :

— Nói như anh thì hết chuyện.

Trời bỗng có một cơn gió thật lớn thổi lùa trên mặt đường làm bụi bốc lên mịt mù. Cột bụi bốc lên cao cuốn theo những tờ giấy vụn, những chiếc lá khô, những cành cây nhỏ. Lủy nói thật bàng hoàng :

— Trớt đi đó anh thấy không ?

Định đứng lên khỏi ghế đi ra sân. Buổi chiều có thật nhiều gió. Bụi bốc lên không ngớt phía vườn cây hướng bờ sông. Năng vàng và cát lóng lánh. Những ngọn cây in xao xác trên nền trời. Định ngó thấy mấy cái hoa sao khô rơi quay vút trong gió như chong chóng. Chiếc xe bò từ hướng chợ đi tới, hai con bò da vàng hực dưới nắng chiều bước song song nhau. Chiếc xe gỗ và người đàn ông đội nón lá che khuất mặt. Cây roi thỉnh thoảng được vung lên, quơ quơ trong không khí khô mốc.

Chiếc xe bò đi ngang qua trước cửa nhà, trong một đám bụi. Định nghe thấy tiếng thở của hai con bò, và tiếng khua động của thùng xe. Lủy nói ở phía sau :

— Ra vườn anh Định.

Định mãi nhìn theo chiếc xe bò. Lúc quay vào không thấy Lủy ngồi ở ghế nữa. Chàng đi vòng qua khoảng sân để ra vườn. Không khí trong vườn có vẻ tối hơn bên ngoài. Nắng và nền trời chỉ nom thấy qua kẽ lá và những tàng cây. Lủy ở phía trước, cách một cái mương đầy nước. Định phải đi len dưới một lùm cây để tới chỗ Lủy đứng. Bây giờ Định mới nghe gió mát. Lủy ném một hòn đất xuống nước nói:

— Khu vườn này rộng lắm, ngày trước Lủy và tụi con Sa, Trâm thường đi rất sâu. Cuối vườn là một con rạch lớn ăn ra sông. Ven bờ rạch có thật nhiều bần, mùa bần chín rụng vừa tới đã nghe mùi hương thơm thơm. Mấy năm gần đây Lủy chưa bao giờ dám vào sâu trong vườn được. Mả nói dưới rạch có cắm rất nhiều chông và trên những bờ mương có gài mìn. Hôm trước con chó ở nhà chạy xuống dưới bị mìn nổ chết tươi thấy mà ghê. Bây giờ chỉ có thể đi quanh quần đây thôi.

Định ngồi xuống một chỗ đất bằng phẳng, ngắt mấy cọng cỏ mát. Lủy bỗng hỏi :

— Sao nghĩ hè anh không về tỉnh, ở dưới này làm gì ?

— Anh thích ở lại đây.

— Để ngủ dưới hầm và nghe tiếng súng ?

— Cái gì rồi cũng quen.

Lủy ngồi xuống bên cạnh nói :

— Ba tháng nghĩ hè lâu quá. Lủy mong cho chóng hết hè về tỉnh lại. Sống ở đây có lúc như muốn ngộp thở.

Có một thứ gì buồn buồn trong mùa hạ này.

— Tụi nhỏ nói gì Lủy biết không ?

— Biết.

Lủy bối rối bứt một cọng cỏ. Định nắm lấy bàn tay Lủy giữ lại. Lủy hốt hoảng kêu.

— Đừng... anh Định

Định chồm tới ôm ngang hông Lủy hôn vào môi nàng. Lủy run như chiếc lá trong gió và ngã khụy xuống mặt đất. Định cúi theo với cọng cỏ đứt nắm trong lòng bàn tay.

Lủy ngồi dậy bẽn lẽn vuốt lại tóc nói :

— Mình vào nhà không tụi nó về cười cho.

Trâm dựng xe đạp ngoài sân cầm hai bạch đậu xanh mang vào cười nói với Lủy :

— Đây bà Lủy, đãi ai thì đãi nhưng nhớ là nợ Trâm mười đồng.

Sa nói :

— Con Trâm nó ầu quá, chạy xe như muốn cán người ta lại còn chọc mấy người lính dân vệ nữa chứ.

Trâm chu môi :

— Không chọc thì họ cũng chọc mình. Chọc trước cho nó lòi.

Sa lấy ly trút đậu xanh trong bạch nylon ra mang dúi vào tay Định.

— Của em cho anh Định đó.

Trâm háy mắt.

— Phen này anh Định đến bề bụng mất.

Định cầm ly đậu xanh để xuống bàn.

— Bộ cô định giết tôi sao mà bắt ăn hoài thế này. Lúc này một trái dưa bây giờ một bạch đậu xanh.

— Làm gì thì làm sao cho hết thì

thôi. Anh không ăn của em để thưởng anh ăn của bà Lủy chắc ?

— Của ai cũng vậy, người ta no muốn bề bụng rồi còn ép. Trâm cười khúc khích.

— Không nên ép, không nên ép.

Lủy cầm hai bịch đậu xanh lờm Sa :

— Người ta một bịch để cho má một bịch. Đừng tưởng ?

Định nói :

— Người ta thích ăn chua lại bắt ăn ngọt. Các cô thật là tréo căng ngựa.

Trâm cười sắc súa :

— Ông thầy giáo sai rồi người ta nói tréo căng ngỗng chứ không ai nói tréo căng ngựa.

Định đưa hai tay lên trời.

— Đầu hàng các cô. Tôi chịu thua vô điều kiện.

Định dúm ly đậu xanh vào tay Sa chạy thẳng ra ngoài vườn, trong tiếng cười như nắc nẻ của Trâm. Định bắt gặp Lủy ngay trên lối đi, chàng ôm Lủy nói :

— Lủy đừng buồn tội nó là em.

Và Lủy bỗng òa khóc, mặt úp trong hai bàn tay xanh xao. Định nghe như thể buổi chiều đã mất hút.

oOo

Định nằm yên lặng nhìn lên đỉnh màn. Súng nổ ròn rã ở hướng bờ sông. Chắc gần nhà Lủy. Không biết bà cụ và ba chị em nàng đã kịp thức giấc để xuống hầm chưa. Tiếng móc chẽ từ quận ly bắn đi nghe rất rõ trong trời. Bà Liên chạy qua đập cửa gọi lớn :

— Cậu Định, thức dậy chưa ?

Định nói :

— Rồi.

— Cậu không nghe gì sao ?

— Có nghe.

— Sao không qua mà xuống hầm núp. Nằm trên giường không nên đâu.

— Chắc không sao đâu bà.

Tiếng bà Liên gắt :

— Cậu muốn chết chắc, có qua bên này không ?

Định muốn nằm yên lặng trên giường nhưng bà Liên có vẻ giận dữ. Định không muốn phiền lòng bà nên choàng dậy ra mở cửa. Bà Liên nắm tay chàng kéo đi, băng qua một khoảng sân. Định bị cành cây quẹt vào mặt rất rọt. Bà Liên vừa chạy vừa hồn hển nói :

— Chắc đụng trận lở.

Chạy hết khoảng sân tới nhà bà Liên. Bà đẩy Định vào khóa trái cửa lại mang ngọn đèn dầu đi trước Định ngồi nghỉ ngơi trên miệng hầm. Bà Liên gắt :

— Cái cậu này. Bộ điên chắc.

Định mỉm cười chui xuống hầm. Bà Liên thổi tắt ngọn đèn. Bóng tối chợt chụp lấy căn nhà và không khí trong hầm ngọt ngào khó thở. Định ngồi tựa lưng vào vách hầm. Chàng nghe rõ hơi thở mệt mỏi lẫn lo sợ của bà Liên. Định nói :

— Chắc không sao đâu bà, đừng sợ.

Bà Liên ho một tiếng trong miệng :

— Tôi đâu có sợ cho tôi, sợ cho cậu đấy chứ.

Một lúc tiếng súng thưa dần rồi ngưng hẳn. Định hỏi bà Liên thấp đèn. Cả hai lên khỏi hầm. Bà Liên nói :

— Vái trời không sao cả, không có ai chết.

Định cười thầm. Chiến tranh theo

kiểu của bà Liên chắc không cần súng. Bắn nhau như thế mà bà vái không có ai chết. Định mở cửa ra đứng ngoài thêm. Đêm bây giờ chỉ còn trông thấy lờ mờ qua những ngọn cây. Định nghe có cơn gió mát thổi tới. Bà Liên ra nói có hỏa châu. Một thứ ánh sáng bùng lên, vàng rực, tỏa rộng một vùng. Định nhìn thấy rất rõ những ngọn cây ở xa và phỏng đoán trận đùng độ sát nhà Lủy. Ánh sáng của trái hỏa châu chao qua chao lại một lúc trên nền trời và vườn cây phía dưới rồi tắt ngúm. Đêm lại trở về hoàn toàn. Bà Liên thở dài nói thôi về ngủ đi cậu Định bây giờ khoảng hai ba giờ sáng gì đó. Định xuống thêm bước ra sân bà Liên tiếp :

— Nhớ khi có súng nổ thì chạy gấp qua đây.

Định băng qua khoảng sân trở về nhà. Khi lên giường dỗ lại giấc ngủ chàng bỗng lo sợ vu vơ cho Lủy.

Định thức dậy thật sớm cùng với tiếng chim chia vôi sau vườn nhà bà Liên. Chàng đánh răng súc miệng xong thay quần áo định ra chợ uống một ly cà phê, luôn tiện hỏi thăm về trận đùng độ hồi hôm. Lúc đi ngang qua khoảng sân chàng gặp bà Liên ở thêm nhà. Bà nói :

— Đánh lớn lắm, nghe nói có nhiều người chết.

Định gật đầu đi thật nhanh ra đường. Tới một khúc quanh chàng gặp Trâm đạp xe hối hả chạy tới. Định thấy lạnh ở gáy. Trâm thảng xe lại khóc :

— Anh, chị Lủy chết rồi !

Định la lớn :

— Sao? em nói cái gì ?

Trâm tức tức :

— Chị Lủy chết rồi.

Định đứng lặng giữa đường. Trí óc như đang trôi bồng bềnh trong sương. Sao lại chết. Sao Lủy lại chết. Trâm nói :

— Anh đi lên nhà không ? Cả nhà đang mong. Định uể oải lên xe đạp đi. Trâm ngồi phía sau nói :

— Hồi khuya khi súng nổ cả nhà đều hay. Nhưng chỉ có mình chị Lủy không chịu xuống hầm. Em năn nỉ mãi không được. Chị nói không sao. Ngờ đâu...

Định đạp xe qua những căn nhà còn đóng cửa để ra còn đường chính. Trâm vẫn khóc tức tức ở phía sau. Lúc qua cây cầu ván Định thấy khoảng đường trước mặt như mờ đi với gương mặt Lủy, mái tóc, nụ cười nàng đang vỡ ra muôn ngàn mảnh thấp thoáng như tự buổi chiều trong khu vườn xào xác gió và những lá cây khô.

Định giao xe đạp cho Trâm bước vào nhà giữa tiếng khóc của bà cụ và Sa. Chàng ngồi xuống mép giường. Trong nhà có thêm mấy người hàng xóm tới chia buồn và mấy người lính dân vệ. Định nhận ra người lính đội nón rộng vành màu cứt ngựa và người thổi kèn lá tre trong quán nước trước cửa đồn trưa hôm qua. Trâm đi vào và ngồi khóc bên cạnh bà cụ. Định im lặng hoàn toàn. Chàng không biết nói gì vào giờ phút này. Tất cả đều như vỡ ra cùng với tiếng khóc. Bà cụ nói với Định :

— Không hiểu sao con nhỏ nó không chịu xuống hầm. Cậu nghĩ coi súng bắn như thế đó...

Bà cụ khóc nức lên khi chưa nói hết câu. Một lúc vắng người Sa dẫn Định vào buồng vạch tấm vải che mặt Lủy nói :

— Viên đạn trúng sau lưng. Chị Lủy chết mà mặt tươi như lúc còn sống.

Bà cụ và Trâm khóc lớn ngoài cửa buồng. Định dậy tắm vải che mặt lại cho Lủy rồi bước ra. Sa kéo chàng ra sau nhà hỏi trong tiếng khóc :

— Bây giờ mình làm sao đây ?

Định nhìn ra vườn. Trên lối đi chiều hôm qua Lủy còn đứng đó. Sa tức tử.

— Sao anh và chị Lủy yêu nhau mà không chịu nói. Má mới được con Trâm cho biết lúc sáng. Em cũng mới biết.

Định nói :

— Anh đã biết vì sao Lủy không chịu xuống hầm.

Lúc trở vào nhà thì chiếc quan tài của Lủy được mang về trên một chiếc xe bò. Chiếc quan tài sơn màu đỏ chói. Mấy người hàng xóm và ba anh dân vệ chuẩn bị việc tẩm liệm Lủy. Bà cụ khóc rống lên khi tẩm vải che mặt Lủy được gỡ ra lần cuối cùng. Định nói với Sa :

— Anh về nhà trọ thu xếp công việc rồi trở lại đây ngay. Anh sẽ ở đây luôn cả buổi tối.

oOo

Định bước vào quán. Chiếc va ly đặt phía dưới chân. Chàng ngồi quay mặt ra đường. Cô gái đi lên thấy Định cười.

— Ông mà tôi tưởng đâu người nào. Ông uống gì ?

— Cho chai bia.

Cô gái khui bia, đi chặt nước đá bỏ vào ly. Định nói :

— Chuyển xe hai giờ lên chưa cô ?

— Hình như chưa. Ông đi về tỉnh ?

Định gật đầu. Chàng bưng ly bia lên uống một hơi. Cô gái đi ra đường đứng ngó gì đó một chốc trở vào nói :

— Ông đợi chắc không lâu đâu, chiếc xe sẽ tới bây giờ. Mặt trời xế qua vườn cây rồi.

Cô gái bỏ vào nằm trên võng ca vọng cổ " Anh ôi kiếp này không nên duyên nợ thì nguyện kiếp sau mình nên nghĩa vợ chồng .." Định ngó ra đường. Gió lùa cát bay dạt về một góc chợ. Trên hàng me tây có tiếng chim và tiếng ve đều một giọng như ru hồn người. Mùa hạ thật mênh mong với nền trời xao xác mây và lá cây bay. Còn hai tháng nữa Định mới phải dạy trở lại. Vậy là Định có hai tháng để rời xa cái quận lỵ này. Chàng thật không ngờ.

Định uống hết ly bia và nghe tiếng động cơ xe chạy tới. Chàng trả tiền đứng lên khỏi ghế. Lúc cúi xách cái va ly cô gái hỏi :

— Bao giờ ông trở lại ?

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

KH. 785/BTTV/OCDP/16.4.45

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Hai tháng nữa. Khi tiếng ve không còn kêu ngoài hàng me tây.

Định bước ra đứng bên đường. Chiếc xe đồ sơn hai màu trời tới và dừng lại theo cái vẫy tay của Định. Chàng xách va ly bước lên. Lúc xe rồ máy để chạy Định thấy cô gái ra đứng trước cửa quán ngó theo. Qua khỏi đồn dân vệ Định nhìn ra hai bên đường. Những thửa ruộng nối tiếp nhau chạy mút mắt trong một màu đất xám. Năng chói

chàng trên những hàng cây xa. Vậy là mùa hạ đó sao? Định nhớ tới câu nói của Lủy: «Ba tháng nghỉ hè lâu quá, Lủy mong cho nó chóng hết để về tỉnh lại. Sống ở đây có lúc như muốn ngộp thở. Có một thứ gì buồn buồn trong mùa hạ này». Định nghĩ thầm: Anh đang là người chạy trốn nỗi buồn đó. Chắc Lủy không bao giờ được biết. Phải không em?

TỪ-KẾ-TƯỜNG

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

TÌM TÀI LIỆU

1.

— Hôm nay tôi mời các bạn họp ở đây không ngoài mục đích là để thảo luận về mấy vấn đề then chốt trong việc soạn thảo cuốn chiến sử nói về cuộc chiến tranh đang xảy ra trên đất nước ta. Ghi lại tất cả những biến cố trầm trọng ảnh hưởng đến dân tộc và quê hương ta.

Nói đến đây, vị chủ tọa chống cùi tay lên bàn, đan các ngón tay vào nhau, rồi tựa cằm lên đấy.

— Vâng, vị chủ tọa nói tiếp, công việc lớn lao. Riêng chúng ta tại đây chỉ phụ trách viết về khu vực địa dư giới hạn của chúng ta trong thời gian Sư-Đoàn ta di chuyển về vùng này. Xin mời các bạn ngồi tự nhiên thoải mái. Hút thuốc. Và thảo luận cặn kẽ.

Một người nào đó xé lấy tờ giấy ra khỏi sò nghe soạt.

Gió mát từ ngoài sân rộng thoảng nhẹ vào phòng. Buổi sáng nắng tươi vờn trên lá xanh hàng cây dương ngoài cổng. Một con ruồi bay đến đậu ở mép bàn tay trái viên chủ tọa. Nó đậu tình cờ, hay tay ông ta còn dính mùi sữa từ sáng sớm ?

2.

Chiến trận hồi ba năm trước ở đây rất khốc liệt, đã gần như đầy dân chúng tất cả ra khỏi các làng mạc chạy về thành phố. Đường sá tắt nghẽn. Từng có một trận đánh kéo dài 6 ngày, một ngày nắng năm ngày mưa. Thây chết ngày nắng, gập mưa phình lên và rã ra. Những người còn sống có kẻ chân tê buốt tộp lại vì ngâm nước mưa ở hố cá nhân luôn mấy ngày. Nhà cửa một vùng rộng quanh nơi trận địa được coi như đã san bằng. Sau trận đánh, một số sĩ quan được thăng cấp nhảy vọt. Một số rất đông hạ sĩ quan và binh sĩ được huy chương đủ hạng. Khi dân được gọi về định cư, thay vì dựng nhà ở, họ lo xây miếu và am cúng khắp...

Cũng từng có một cuộc hành quân với sáu nghìn quân tham dự, từ biển di chuyển lẫn lên sát chân núi, càn quét địch ra khỏi một quận rộng. Khi căn cứ địa lập xong, thì dân chúng trở về định cư. Lại cũng am miếu được dựng trước khi dựng nhà cửa !

3.

Một người phát biểu ý kiến :

— Tôi thấy bây giờ chúng ta nên để một thời gian thu thập tài liệu, tất cả tài liệu khởi từ những ngày bắt đầu ta đến đây, cho đến nay, rồi lọc lấy những tài liệu thích hợp.

— Vâng, vị chủ tọa nói, ý kiến anh Nam như vậy, bạn nào thấy có điểm gì khác hơn ? Ý anh Nam là ta phải có tất cả tài liệu rồi mới chọn lọc. Có bạn nào thấy rằng công việc đó nặng lắm chăng ?

Một người đeo kính cận, đưa tay sửa kính trên mũi, mắt nhấp nháy nhiều lần. đoạn nói :

— Theo ý kiến anh Nam thì tôi tưởng phải có một thời gian khá lâu và công việc tìm kiếm khó khăn, là vì rằng những tài liệu sẽ rất mới.

Mà tài liệu lịch sử rất mới tôi nghĩ rằng không xác đáng. Một sự kiện có khi vài mươi năm mới hiện hiện cái nguyên thực của nó.

— Tôi xin lỗi, vị chủ tọa nói, có lẽ thiếu úy Phần đặt vấn đề quá nặng cho chúng ta, ý anh muốn nói ta phê phán trong khi chọn lọc nên thấy khó chứ gì ? Tôi nghĩ ta nên làm việc như những kẻ chép sử chứ không phải viết sử kiểu như Tư Mã Thiên hay La-Quán-Trung. Tôi xin nhắc lại các bạn : ta chỉ chọn ghi nguyên một số sự kiện lịch sử liên hệ đủ tạo thành một tập chiến sử khu chiến thuật.

Một vị đứng tuổi mỉm cười :

— Chọn ghi là cả một thái độ rồi ! Cái khó là ở thái độ. Thành thật không ?

— Thưa anh, vị chủ tọa nói có vẻ nề vì người đứng tuổi, vâng dù gì ta phải chọn ghi cách có lợi cho ta. Tôi lấy thí dụ trận núi Cấm, ta ghi sự kiên dân chúng vui mừng về định cư quanh khu đồn trú của ta. Vả lại, rồi phần soạn thảo của ta kết hợp với phần soạn thảo của các ủy ban tại những vùng khác, thành một cuốn chiến sử quốc gia. Có lẽ trách nhiệm trung ương khi kết hợp mới cần thái độ và đường hướng. Hay nói cho đúng hơn việc đó dành cho các nhà bình luận lịch sử,

Thiếu úy Phần, bộ mặt nghiêm trang, như có một chút hậm hực, nói :

— Vậy phải nói rõ thế này : ở đây chỉ chép tài liệu, còn kẻ viết sử là những kẻ đã suýt chết trên chiến trường, chứ không phải là những người ở Trung Ương bày tỏ thái độ này nọ.

Vị chủ tọa mỉm cười :

— Vâng, thiếu úy Phần nhận xét rất trẻ trung.

4.

Lại ngồi nhìn ra cửa sổ. Nắng trên đồi vàng xanh, long lanh hơi gió. Hình

như có dáng Hà vừa đi ngang sân. Người nữ quân nhân dịu dàng nhất Sư Đoàn. Lại nghiêng qua nhìn với theo. Nhưng Hà đã đi khuất. Lại thúc cùi tay hỏi Thái : Lãnh lương chưa ? Tao rồi. Chiều nay đi nhậu với tao nghe mày. Chờ em theo. Hà í !

Thái yên lặng, nheo mắt cười khe khẽ sượng, bảo : Nghèo mà ham, nghe ông Nam nói kia !

Lại nhìn qua thấy ông tên Nam đang nói gì với vị chủ tọa, có vẻ nhấn mạnh. Chàng mỉm cười thân nhiên. Hà mặc áo nhà binh trông gọn và cân đối dễ thương.. Nhưng.. Lại chợt buồn. Chàng thở dài. Hà đâu đẹp bằng Ni xưa. Không hiểu Ni đang ở đâu. Là sao không thư từ liên lạc chi được cả ! Những liên lạc như đứt rời khỏi đoạn đời chàng đi chiến đấu. Hơn mấy năm liền Lại đi gần như khắp nước. Giờ về đây nghỉ. Những hằng say lắng dịu. Chỉ thoáng nhớ lại những ngày hung băng vùng vẫy kia thôi Lại cũng thấy mệt. Mệt. Ưng quên. Bởi thực tình Lại thấy cuối cùng không tới đâu cả. Người ta ngồi lại đây ghi sử trong khung cảnh êm đềm thoải mái này ? Lưu lại gì cho mai sau ? Vạch lại một đường vào một cõi tù nào đó ? Tạo lịch sử trước hết là con người tạo cho mình một cõi tù. Ghi hay viết thành lịch sử là vạch cho mai sau những con đường vào những cõi tù đầy kinh nghiệm. Lại lơ đãng nhìn ra xa Năng lên cao như nắng vàng ngày cũ. Ni, bây giờ, tình, tuổi hẳn đã đầy ưu tư ! Gió lang thang nẻo trời, ghé khua động lao xao hàng dương xanh ven đường xuống chân đồi. Thời gian cũng lang bang vào vô định ghé đó đây khua động giòng lịch sử buồn từng dân tộc.

5.

Vị chủ tọa quay qua nói với một vị đại úy tên Toán, người to con vạm vỡ, mặt mụn, tóc ngắn cũn, mắt hí, có chiếc răng vàng ở hàm răng trên, áo quần hết sức gọn sạch :

— Đại úy Toán có ý kiến rất hay. Vâng thừa anh, trong loạt bài ghi các trận đánh lớn, thỉnh thoảng ta chen vài chi tiết có tính cách tượng trưng. Vâng, thí dụ khi kể lại trận núi Cấm. Có một bữa tôi đứng trên đồi nhìn qua ống nhòm thấy, sao lạ, một binh sĩ của ta lại ngồi cạnh một xác địch, khóc thảm thiết, tay cầm cây súng dựng đứng, tay kia lật qua lật lại đầu xác địch. Tôi cho gọi đến hỏi. Vâng, nó nhận ra anh nó.

Hình như vị chủ tọa cắn chặt hai hàm răng lại nhau. Hai lần xương nổi lên hai bên má ông phía gần mang tai.

Một lát, ông tiếp :

— Tôi kể như vậy. Song ta chọn ghi những mẩu chuyện ít bi đát hơn.

Một người từ cuối phòng, mập mập, tóc hoa râm, vừa hít một hơi thuốc, đập nhẹ ngón tay trỏ lên điều thuốc, gảy tàn, thở khói qua hàm răng cắn chặt, chậm rãi nói :

— Hồi trận mình tiếp viện cho Trung Tá Kịch, bắt được một tên địch còn trẻ, ôi hỏi: Mày biết ăn cà rem không? Nó nhìn tôi, không hiểu. Khi về hậu trạm, đưa cho nó cục nước đá, bảo nó cầm, nó cầm run bắn người lên.

Kề đoạn, ông ta lại hít hơi thuốc. Nói trong hơi khói: Nó là dân miệt thương du Bắc Việt, mới mười sáu tuổi.

Một người nào đó nói lớn.

— Ngu vậy, sao nó biết xử dụng súng và lựu đạn nhỉ!

6.

Lai nhìn chừng ra phía cửa sổ, đợi dáng Hà khi trở về ngang qua. Phòng Hà làm việc về phía trái phòng Lai đang ngồi. Lúc này thoáng bóng Hà đi về phía phải. Ngóng nhìn để làm gì? Lai biết mình vu vơ, nhưng tự nhiên vẫn ưa ngắm đợi. Trong Lai luôn bao giờ cũng như có một tâm trạng đợi mong.

Người con gái cũng tựa như một lời phủ dụ. Dạo xưa khi nghe tin nước Lào đang trong một cuộc chiến thảm nã, Lai đã từng tần mẩn nghĩ ngợi: tội thật, rồi làm sao trai gái Lào có khung cảnh yêu đương? Giờ thì Lai biết, càng trong thảm cảnh, càng sống bừa sống vội, càng yêu đương cháy bỏng, và nhất là càng tha thiết đợi mong vu vơ... Sống, là thực hiện đồng thời nhiều nghịch lý.

Lai hưng hăng khi chiến đấu, giờ về nghỉ ngơi, ưa mơ mộng, yêu đương.. Và mơ hồ Lai vẫn ưa nâng niu hình ảnh cũ. Vẫn đợi thương Ni. Mà vẫn muốn sống nồng nàn với Hà. Người con gái nào cũng như một lời phủ dụ.

Một chiếc trực thăng bay thấp ngang phòng họp. Vị chủ tọa mỉm môi nhìn ra cửa lớn. Nhiều người chăm thuốc hút.

Nước trà đá chanh đường được bưng vào đặt trước mỗi người một ly. Lai nhìn màu nước vàng nhạt trong vắt, chàng hít một hơi thuốc đoan, bưng ly ực một ngụm. Lạnh chạy khoan khoái vào người. Lai quay qua gắt Thái:

— Uống mày, làm cái gì mà ghi với chép chăm chỉ quá mạng vậy!

Thái cười:- Ừa, uống nước trà đá chanh đường hả; ghi cho nó xong đã chứ, tìm về những cuộc chiến sôi động mà. Mày uống đi. Uống trước đi. Ly tao đâu?

Vị chủ tọa lật lật mấy trang sổ trên bàn ông, Chặn cây bút lên một trang. Đoạn nâng ly nước lên nhấp một ngụm. Đặt ly rất nhẹ xuống đĩa, ông chống cùi tay lên bàn, xoa nhẹ hai tay nhau, và nói.

— Vâng, bây giờ xin phân công cho xong, và định hạn kỳ hoàn tất việc biên soạn. Tôi đã xin mạn phép chia từng tiểu ban. Lát nữa đây các tiểu ban thảo luận cạn kẽ. Rồi thì tôi sẽ xin tùy quý vị, chúng ta định một hạn kỳ hoàn tất công việc, Cũng xin báo cùng quý vị rõ là không thể xong sau 30 tháng. Nghĩa là công việc của chúng ta không thể kéo dài quá ba tháng.

Vị mập mập tóc hoa râm ở cuối phòng cười nói.

Ô là là, ba tháng thì dư quá rồi. Ba tháng để ghi lại chuyện 6 năm không có gì là khó cả. Kề nhau nghe một giờ hết chuyện sáu năm như chơi.

— Vâng. Vị chủ tọa mỉm cười gật đầu.

7.

Lai nhìn cơ hội các tiểu ban bắt đầu thảo luận, vị chủ tọa chăm chú riêng vào quyển sổ của ông ta, chẳng vọt ra ngoài.

Gặp Hà ở phòng bên cạnh. Lai mời : Hà, chiều nay anh Thái mời tôi mình ăn hàng đấy. Hà đi nghe. Năm giờ rưỡi xe anh Thái đến đón Hà về phố nghe.

— Dạ. Đang họp gì đấy anh ?

— Họp ban quân sự. Hà lên đây lấy bản tin phải không ?

— Dạ. Anh à, nhưng chiều nay, xong anh phải đưa Hà về sớm chứ.

— Hà có việc gì bận sao ?

— Dạ không, nhưng em phải về sớm.

— Được rồi tôi sẽ đưa Hà về sớm. Hà... Sáng nay Hà đẹp lắm.

— Ông chủ tọa gọi anh kia! Nhớ chị Ni rồi nói lâu tả ghê.

— Sao Hà biết Ni ?

— Em đâu biết chị Ni ! Chỉ biết là anh có chị Ni nào đó thôi ? Phục em chưa ?

Lai nhìn Hà. Lòng chàng xao động, thoáng như uống ly rượu thỏ, biết sẽ rất say.

8

Biết sẽ rất say nhưng cứ uống. Như một cần thiết vô ích- Đời sống không cần phải say rượu. Nhưng Lai phải say trong lúc này. Chiến tranh đâu có cần cho một dân tộc. Vậy mà lịch sử các dân tộc là lịch sử những cuộc chiến tranh. Có thể bảo một dân tộc không cần có lịch sử chăng ? Quả có những cần thiết vô ích.

Lai ghé sát vào tai Thái, hỏi :

— Họp chừng nào xong mày? Chuồn quách mày. Tao vừa gặp Hà. Nhớ chiều nay tao đãi tụi bây nghe!

— O.K, mày chuồn đi, chớ tao phải ngồi với ông Hoạ. Chán thấy mẹ mà phải ngồi, mày !

Lai tách nhẹ ra khỏi phòng. Nắng vàng cao xuống với gió thênh thang vào hồn chàng Lai đi về phía phòng Hà, Lầm bầm.

— Mẹ, ông chủ tọa có hỏi mình nói đi tìm tài liệu.

NGUYỄN KIM PHƯƠNG
(6-69)

Bích muốn viện lẽ để an ủi Bình. Nhưng qua giọng điệu, lý luận của Bích, hình như Bích cũng còn an ủi chính mình nữa. Thành thử Bình cứ cảm thấy trái lại, Bích định cứu đời anh, nhưng đã đẩy anh dạt lùi trở vào

NGỤC TỐI CỦA LÒNG MÌNH rõ sâu ...

Truyện dài - LAN ĐÌNH, ĐỜI - MỜI xuất - bản. đã phát hành khắp nơi.

Nói chuyện với Võ-Phiến

L.T.S. Năm 1965, trong loạt bài «Sống và Viết» do bạn Nguyễn Ngũ Í phụ trách, Bách-Khoa dự định phỏng vấn thêm một số nhà văn mà chưa kịp thực hiện, trong số đó có nhà văn Võ Phiến.

Võ Phiến là một cây bút rất quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa từ trên 10 năm nay, với bút hiệu Võ Phiến và Tràng Thiên. Dưới hai bút hiệu trên, ông đã xuất bản được 21 tác phẩm, vừa truyện ngắn, truyện dài, truyện dịch và tạp bút. Từ «Người tù» là truyện ngắn đầu tiên của ông trên BK số 8 (1-8-1957) cách đây đúng 12 năm đến Một chỗ thật tịch mịch trên BK số 290-91 (1-2-69), đầu năm nay, nhà văn Võ Phiến đã đem lại cho người đọc nhiều thích thú mà cũng không ít thắc mắc, tò mò. Những sáng tác của ông khi thì phơi bày thực tình tế chế độ Cộng sản mà ông đã từng sống và từng bị giam cầm, khi thì làm người đọc bàng hoàng vì cái không khí ma quái, kinh dị, hư hư thực thực chen lẫn với cuộc sống thật bình thường; Đọc Chim và rầu (1968) người ta thấy một Võ Phiến, về kỹ thuật và bút pháp, khác hẳn với tác giả Đêm xuân trăng sáng (1958), Thác đổ sau nhà (1959), mà tới Một chỗ thật tịch mịch người ta như lại gặp một Võ Phiến càng lạ mặt nữa. Hy vọng rằng cuộc đàm thoại sau đây sẽ làm thỏa mãn được nhiều phần những đòi hỏi tìm hiểu một nhà văn mà bạn đọc hằng ưa thích.

Chúng tôi đi ngược chiều với nhau

Bách khoa — Nghe nói anh sắp cho ra một tác phẩm?

Võ Phiến.— Sách đang in. Một tập gồm những bài đã đăng ở các báo Văn, Văn-học, và cố nhiên cũng đã đăng ở Bách Khoa nữa. Cuốn Phù-thế.

B. K.— Phù-thế? Bài ấy không có trên Bách Khoa. Nhan đề ấy anh lấy ở bài nào, đăng ở báo nào nhỉ?

V. P.— Ở Cung oán ngâm khúc của Nguyễn-Gia-Thiều:

« Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê ».

Chắc anh có nhớ...

B. K.— Vâng, nhớ. Như vậy tác phẩm sẽ tập trung những bài giống nhau ở một cái nhìn về kiếp người, một cái nhìn...không có chút gì lạc quan cả.

V. P.— Chắc anh còn nhớ nhan-đề cuốn Áo ảnh của tôi..

B. K.— Cuốn Áo ảnh? À phải, tôi nhớ ra rồi. Cùng một không khí «cung oán», cùng một nhận định về cuộc đời. Gần đây anh rời xa những đề tài chính trị, sở trường của anh trong những năm đầu tiên.

V. P.— Tôi có dịp nói chuyện với anh Nguyễn xuân Hoàng (1) về sự thay đổi ấy. Kề ra, sự thay đổi đã không còn gần nữa. Cuốn *Một mình* đã tách khỏi những vấn đề chính trị, cuốn đó viết trước đây bảy năm: quá nửa đời viết lách của tôi rồi.

B. K.— Theo anh, sự thay đổi ấy có ý nghĩa tốt hay xấu, lợi hay hại về mặt nghệ thuật?

V. P.— Tôi không thạo chuyện phê bình. Ít ra, đối với chính tôi. Có một số bạn bè trách tôi không tiếp tục con đường của mình. Tại sao con đường mấy năm trước là của mình, còn con đường mấy năm sau lại không là của mình? Có lẽ phải đi đến cuối đời mới biết được con đường của mình. Con đường ấy sẽ gồm tất cả trước và sau, tất cả những ngòang ngoèo, chuyễn hướng. Lại cũng có thể có một số độc giả trước kia đọc tôi vì gặp nhau ở một quan-điểm chính trị, sau này không còn tìm lại được chỗ gần gũi ấy, họ bỏ tôi. Và cũng có thể tôi có một số độc giả khác, mới v.v...

Như thế là những cái lợi cái hại về mặt... nghệ thuật chẳng?

Nhưng sự thay đổi có thể xét về một phương diện khác.

B. K.— Phương diện nào?

V. P.— Sự chuyễn hướng đề tài trong văn phẩm chẳng qua phản ảnh sự chuyễn hướng trong tâm tư của người viết văn. Vậy có thể xét như một thái độ sống, hơn là một thái độ viết.

Trong đời sống, tôi nghĩ sự thay đổi thái độ ấy hợp lý. Một tác giả đã nói về chuyện con chó bị xích, bứt đứt xích, nó không chạy đi ngay mà quay lại hít sợi xích mấy cái. Quay lại sợi xích đã trói buộc mình là phản-ứng tự nhiên. Nhưng cũng là chỉ để hít mấy cái thôi. Xong, nó phải đi nơi khác chứ.

Từ trong chế-độ Cộng sản thoát ra, tôi đã có những năm suy nghĩ về cuộc sống dưới chế độ ấy. Nhưng nếu suốt đời, tôi cứ quanh quẩn mãi đó...

B. K.— Sự ví von của anh làm tôi nhớ tới bài thơ gửi Trương-Tửu ngày xưa. Cũng ví von với văn sĩ!

V. P.— Vì sự so sánh thiếu tao nhã, cho nên tôi chỉ dùng vào trường hợp của riêng mình. Mặc dù...

B. K.— Mặc dù?

V. P.— . . . có thể đúng cho nhiều trường hợp khác. Nhưng trước khi nói tiếp, tôi nghĩ nên minh xác là câu chuyện ví von đã chấm dứt. Anh quên nó đi.

B. K.— Vâng. Xin quên.

V. P.— Hay quá. Thế thì chúng ta tiếp tục. Mai Thảo hồi mới di cư vào Nam đã viết *Đêm già từ Hà-nội*, nhưng sau đó dần dà anh đi tới *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*. Nguyễn Mạnh Côn bắt đầu *Đem tâm tình viết lịch sử*, nhưng sau đó đã dần dà đi tới *Mối tình màu hoa đào*, *Tình cao thượng* v.v...

Phần lớn lớp người ấy bắt đầu từ vấn đề chính trị trọng đại của giai đoạn,

đề rồi đi xa dần ; có kẻ đến những đề tài triết lý rộng lớn, có người đến những đề tài xã hội, tâm lý v.v...

Ngay cả ở các nhà thơ cũng vậy. Vũ Hoàng Chương chẳng hạn. Trong *Hoa dăng*, chúng ta gặp những câu như :

*« Gió nổi vẩn mây giục đấu tranh
Tâm tư lỏng lẻo kết nên thành
Thành ngăn sóng Đỏ, mây sừng sừng
Nước Tò về ngôi đẹp sử xanh ».*

Những năm gần đây. Vũ Hoàng Chương đã rời bức « thành ngăn sóng Đỏ », mà trở về với những chuyện vũ trụ, càn khôn, nhật nguyệt, với những huyền nhiệm cao siêu của tôn giáo v.v...

B. K.— Người ta có cảm tưởng là thêm một lớp người bị thời cuộc bỏ rơi. Thời cuộc ở Việt Nam biến chuyển nhanh chóng quá.

V. P.— Chỉ có cảm tưởng như vậy thôi, thực ra cái chủ yếu của thời cuộc vẫn là chuyện « sóng Đỏ » và « thành ngăn sóng Đỏ ». Cái chủ yếu chưa biến chuyển mấy. Cho nên thực ra là người bỏ thời cuộc, không phải là thời cuộc bỏ người.

Vả lại, không chỉ riêng ở Việt Nam. Hồi Arthur Koestler mới rời bỏ chế độ Cộng sản, ông ta nổi tiếng nhờ cuốn tiểu thuyết về vụ án một đảng viên cao cấp. Gần đây, chúng ta thấy ông đã đi khá sâu vào nhân-chủng-học, đã nổi tiếng về chuyện bản tính con người, tận nguồn gốc, và dĩ nhiên chưa hề có đảng tịch.

B. K.— Vậy, đó là con đường chung. Đó mới là « con đường ». Nếu tiếp tục đứng lại ở chủ đề sáng tác ban đầu, lại không phải là theo một con đường.

Nhưng nếu quả thực ai nấy đều đi con đường ấy thì văn-nghệ Việt nam đang xa dần thực tại chính trị.

V. P.— Có những kẻ từ những đề tài chính trị tiến ra, thì lại có những kẻ từ xa tiến về những đề tài chính trị, bám lấy thời cuộc. Chúng tôi đi ngược chiều nhau.

B. K.— Chúng tôi ? là lớp người của Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Côn, anh..., và những ai khác ?

V. P.— Và lớp người nhỏ hơn độ mười tuổi : Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Thế Uyên v.v...

Trong khi Mai Thảo đi từ .. Hà nội... đến Ngọn đỉnh trời..., thì Dương Nghiễm Mậu lại từ Cũn dành đến Địa ngục có thật, Nhã Ca từ Bóng tối thời con gái đến Một mai khi hòa bình đến, Giải khăn sô cho Huế, Thế Uyên đi từ Những hạt cát đến Tiền đồn v.v... Có những tác giả trẻ trước đây vẫn làm thơ, nói về cái rong rêu, nỗi buồn hoang sơ, những chuyện xa xôi tí mù, bây giờ họ viết về những đêm phục kích, những ngày hành quân, về thân phận của người dân

vùng xôi đậu v.v.. Những tác giả lớp ấy, họ từ bốn phương — từ những vấn đề xã hội, triết lý, tâm lý, từ những đề tài ái tình, những khao khát bản khoán siêu hình v.v... — đi về câu chuyện chủ yếu của thời cuộc.

Lớp trước lớp sau, chúng tôi đi ngược chiều nhau, đề luận phiên thay đổi nhau.

B. K. — Anh nghĩ thế nào về hiện-tượng ấy ?

V. P. — Chúng ta có làm quá nhiều việc chẳng ? Vừa nêu ra một hiện tượng — chưa hẳn được xác nhận — lại vừa muốn giải thích hiện-tượng ấy.

B. K. — Tôi nhận thấy trong nhiều bài tiểu-luận của anh, của Nguyễn Mạnh Côn, trong sáng tác của Doãn Quốc Sỹ gần đây v.v.. vẫn có thời cuộc ?

V. P. — (Phác một cử chỉ mơ hồ). Chúng ta nói những điều tương đối ..

Cuộc sống tiềm thức đầy mộng mị

B. K. — Và ngay ở giai đoạn sáng tác đầu tiên của anh, cũng không phải chỉ có những bản khoán về một chế độ chính trị. Tôi đề ý nhất là những truyện kỳ quái, như *Đêm xuân trăng sáng*, *Tuổi thơ đã mất* v.v.. Từ đó về sau, hơn mười năm, thỉnh thoảng những truyện như thế vẫn xuất hiện giữa các sáng tác của anh: giấc mơ trong *Một mình*, những chữ in cười cợt múa may trong *Áo ảnh* v.v... Hình như bên cạnh giọng căm xúc sáng sủa minh bạch, anh vẫn duy trì liên li một giọng sáng tác chắt chứa những chiêm bao, huyền hoặc, ma quái...

V. P. — Cũng như bên dưới cuộc sống ý-thức của mỗi người vẫn duy trì liên li cuộc sống tiềm thức đầy mộng mị.

Hồi mười lăm, mười bảy tuổi, tôi thích thứ thơ và truyện quái đản của Edgar Poe. Cho đến bây giờ tôi vẫn thích những hình ảnh dị thường, phi lý của Dino Buzzati. Tôi tò mò, bị thu hút về những hoạt động của tiềm thức, và về cái thi vị, cái bí ẩn bao trùm xung quanh cuộc sống con người, cuộc đời mỗi người...

B. K. — ..Cuộc đời không biết đi « về đâu » ? với những « đàn ông » đàn bà trong một tương quan khắc khoải, lửng lơ, không đi tới đâu ? với cảm tưởng lo hãi trước tuổi già, « một mình », bơ vơ ?

V. P. — Phải. Tôi nghĩ đó mới là những ám ảnh tự thù chí chung trong tâm hồn mình. Thắc mắc chính trị chỉ là cái bất thường do một biến cố đưa đến. Có lẽ nếu đời tôi không bất thần trải qua biến cố nọ, và nếu tôi vẫn chọn con đường viết lách, thì trước sau tôi chỉ viết về những ám ảnh kia.

Hiều như thế, từ *Người tù* đến *Áo ảnh* tôi không đi đâu xa, mà trái lại, chỉ tiến về với đề tài chủ yếu của đời mình.

B. K. — Anh có thể cho biết rõ ràng ý nghĩa của một đôi câu chuyện kỳ quặc đã viết ?

V. P. — Tôi không có dụng ý kể một câu chuyện ly kỳ với một lời giải đáp cất giấu đâu đó, để chờ độc giả khám phá ra, xem như một thú vị dành làm phần thưởng. Như thế không phải là nghệ thuật.

B. K. — Anh không có ý muốn bảo rằng truyện của anh hoàn toàn không ngụ một ý nghĩa nào chứ ?

V. P. — Tôi xin được viện dẫn các tác giả đã thành công để trình bày quan niệm của mình.

Con quỷ truyền kiếp của C. Kerruish, *Trại Bồ Tùng Linh* của Thế Lữ v.v., được xây dựng để đưa tới một giải đáp minh bạch, còn phần nhiều các truyện dị thường của Edgar Poe thì không: khi truyện đã được đưa ra như một câu đố thì cái khoái thích sẽ gặp ở chỗ tìm thấy câu đáp. Tôi mong làm cho độc giả thích thú vì câu chuyện chứ không phải vì câu đáp. Tôi mong muốn một rung động có tính cách mỹ cảm, chứ không phải một trò vui lý trí. Tôi khoái Edgar Poe hơn C. Kerruish.

Mặt khác, *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh nhiều ma quái, nhưng ma quái ở *Liêu trai* là hiện tượng không quan hệ đến tâm hồn con người; còn con quỷ truyền kiếp của C. Kerruish lại chính là một khía cạnh của tâm hồn người. Một đảng chỉ để cho vui, đôi khi để « răn đời ». Một đảng tiết lộ sự thực về chỗ sâu xa nhất của con người, khơi động đến đời sống tiềm thức, bản năng... Tôi khoái C. Kerruish hơn Bồ Tùng Linh.

Di nhiên từ những thành công đã viện dẫn đến những chuyện do tôi viết, sự cách biệt rất xa. Tuy vậy, tôi hy vọng khi nói về quan điểm thưởng thức của mình, tôi đã khiến anh thấy rõ dụng ý sáng tác của tôi.

B. K. — Thực tình, vẫn chưa được rõ ràng.

V. P. — (Một cử chỉ bất lực) Chắc ta đang nói về những điều huyền hoặc quái đản mà anh.

Hướng đến một kỹ-thuật hồn nhiên

B. K. — Thế thì hãy đề cập đến một truyện gần gũi hơn: chuyện kỹ thuật, văn thề. Trong những năm 1958-1959, anh gửi đến *Bách-Khoa* những thiên truyện khác hẳn với thứ sáng tác của anh hồi gần đây. Anh có thể nói về lý do của sự thay đổi ấy ?

V. P. — « Hồi gần đây », theo anh là từ bao giờ ?

B. K. — Từ *Giọt cà-phê* chẳng hạn.

V. P. — Về phương-diện ấy, những dấu hiệu thay đổi có thể tìm

thấy ở xa hơn. Xa lắm. Ở *Ngày xuân êm đêm, Thư nhà v.v...* Khi xuất bản tập *Thư nhà* tôi đã ngần ngại, ngoài bla sách không đề là truyện, mà là tùy bút. Một bạn phê bình có quan niệm rộng rãi đã cho rằng giá gọi là truyện cũng cứ được, chẳng qua là vì ranh giới của thể truyện ngày nay đã mở rộng rất nhiều.

Thế rồi đến lượt tập *Áo ảnh*, tôi thấy khó lòng còn gọi là truyện được, nên đã ghi ngoài bla là đoản văn. Nhưng đọc xong, anh Nguyễn-Hiến-Lê lại bảo tôi vẫn cứ có thể cho là truyện.

Vì vậy, lần này in *Phù thế* tôi gọi nó là tập truyện, mặc dù trong ấy có nhiều bài thực xa hình thức của loại truyện chính thống.

B. K. — Cái gì làm cho anh cứ nhất định xa truyện chính thống? Theo tôi, thứ truyện ấy không phải không thích hợp với anh, anh đã gặp thành công nhờ viết truyện chính thống trong buổi đầu.

V. P. — Nếu thế tôi đã có một hành vi phản bội. Và phải thanh minh để được thông cảm.

Thể thơ thất ngôn bát cú đã đưa vô số thi sĩ ở ta và ở Tàu tới thành công trong nhiều thế kỷ. Thế nhưng đến một lúc nào đó, khoảng 1938-1945 ở ta chẳng hạn, cầm bút ngồi sửa đi chữa lại vài câu đối để hoàn tất một bài bát cú vịch phong cảnh, tự dưng thấy bẽ bàng, khó chịu. Sự khủng hoảng của bộ môn truyện ở Âu Tây và phong trào tìm tòi về truyện mới bên ấy mười năm trước tự nhiên gieo vào đầu óc chúng ta một vài ngờ vực. Nhìn lại loại truyện chính thống, với cách kết cấu tròn trịa chặt chẽ của nó, với những phép tắc đã quen mòn của nó... bỗng dưng thấy có cái gì giả tạo. Tôi không còn « bụng dạ » nào tiếp tục xây dựng truyện theo khuôn rập trước được.

Những điều mình cảm xúc, đem nó ra « xây dựng » cho thành một truyện, theo một số qui tắc nào đó!.. Sự « xây dựng » ấy, tôi bỗng cảm thấy chán nản, không kham nổi. Nó nặng nề. Vì nhảm.

B. K. — Đề thay thế cho một khuôn rập, một nề nếp cũ, anh đã tìm ra cái kỹ thuật vừa ý chưa? Đó là kỹ thuật nào? một thể truyện như thế nào? Tôi thấy từ sáng tác này đến sáng tác nọ, anh đưa ra những thể khác hẳn nhau. *Một ngày đề tùy nghi* là một lối riêng. *Chim và rắn* lại một lối riêng, *Giọt cà phê* cũng lại một lối khác nữa... Người đọc chưa thấy anh nhằm cái gì, định ngừng lại ở chỗ nào.

V. P. — Tôi nhằm một lối diễn đạt tự do, hồn nhiên. Nhằm trình bày cảm nghĩ như nó đã xuất hiện, mà không phải « xây dựng », làm một công trình giả tạo. Mỗi một đề tài đến với ta dưới một hình thức khác nhau, ta quan niệm nó khác nhau... Nó đến thế nào, ta quan niệm nó thế nào: cứ đưa ra nguyên như thế. Đừng bắt nó khuôn theo những qui tắc: kết cấu cho được tròn trịa.

Hãy tạm gác công việc của tôi, chúng ta nói một chút nữa về các bậc thầy. Tôi thích tập *Thiên đường đã mất* của Hemingway. Anh còn nhớ truyện *Một chỗ sạch sẽ và thật sáng sủa* chứ? Đọc khoái không chịu được. Không phải vì tìm ra

một thể truyện mới, hoàn mỹ. Mà là vì cái vung tay phóng khoáng, bất chấp luật lệ. Trong tập, có nhiều truyện như thế.

Tôi nhằm... có thể nói tôi không nhằm một kỹ thuật, mà nhằm giải thoát truyện khỏi một số qui tắc kỹ thuật.

B K.— Anh cho rằng nghệ thuật có thể phát triển ngoài vòng ràng buộc, ngoài mọi kỹ luật ?

V P.— Không, anh. Tôi vừa nói cái « nhằm », mà chưa kịp nói tới chỗ « định ngừng lại ».

Không thể ngừng lại ở sự hỗn nhiên. Thơ phá thể không phải là một thể thơ. Truyện phá thể không phải là một thể truyện. Đó chỉ là một giai đoạn quá độ, sẽ bị vượt qua. Vượt qua để đi tới đâu ? Về phần tôi, tôi chưa qua khỏi giai đoạn này, nên chưa biết đến chỗ ngừng.

Truyện đăng nhật trình ? Nó có vai trò quan trọng

B. K.— Trường hợp anh như thế, anh có thể cho biết ý kiến về trường hợp các anh em khác ? về tình hình kỹ thuật tiểu thuyết Việt nam hiện nay ? Bởi vì cuộc khủng hoảng của tiểu thuyết và quan niệm mới về tiểu thuyết ở Âu Tây trong những năm qua hình như đã được giới văn-nghệ ở ta chú ý và không khỏi chịu ảnh hưởng.

V. P.— Phải. Có một hồi chúng ta đua nhau viết những truyện cho thật quái lạ, thật kỳ cục. Chữ dùng, hành văn, kết cấu..., cho đến cái nhan đề, đều cố gắng cho kỳ cục. Một thời kỳ nhảm nhí « suy tư ».

Thời đó có vẻ đã qua. Bây giờ, người ta đi nhanh tới chỗ giản dị. Nhờ sự phát triển đột ngột của báo chí và ngành xuất bản nước ta.

B. K.— Anh bảo...

V. P.— Chính vậy. Cuộc khủng hoảng về đường lối sáng tác trong bộ môn tiểu thuyết ở ta không phải được giải quyết nhờ một lý thuyết nào. Nó tự giải quyết êm ru, trong thực tế.

Ai nấy đang băn khoăn, suy tư, thắc mắc : viết thế nào ? viết cho ai ? viết cái gì ? độc thoại nội tâm chẳng ? vắng bóng con người chẳng ? v.v... Bỗng nhiên Sài gòn ủa nhau ra nhật báo tầm lum, đòi hỏi truyện đăng báo : thế là gác các suy tư ra một bên, kể trước người sau lần lượt viết truyện đăng báo.

Hiện tượng nhật báo ở Sài gòn sau 1963 có chỗ đặc điểm của nó : báo ra đời nhiều hơn ở các thủ đô lớn trên thế giới, và tờ báo nào cũng cần nhiều tiêu

thuyết hơn báo chí các nơi. Anh tính coi : có lúc 40 tờ nhật báo Việt ngữ, rồi tuần san, bán nguyệt san nữa. Mỗi tờ nhật báo tiêu thụ mỗi ngày năm cái truyện dài. Lấy đâu ra tiểu thuyết gia chuyên nghiệp để thỏa mãn nhu cầu ấy. Toàn thể giới tiểu thuyết bị động viên. Không những giới tiểu thuyết ; có những nhà thơ rất cuộc cũng xông ra viết truyện phôi-dơ-tông.

Có người nói đó là mass-media, viết cho thiên hạ tiêu khiển, qua loa rồi bỏ. Veltchaninov cũng tiêu khiển qua loa... rồi đâu có bỏ được : con bé Lisa ra đời ; ngót mười năm sau nó lại xuất hiện, làm bận rộn cuộc đời chàng.

B. K. — Anh nói về những nhân vật *Anh chồng muôn thuở* của Dostoievski mà anh đang dịch đăng trên *Tiền Tuyến* ?

V. P. — Nhân lời đến báo *Tiền Tuyến*, tôi nhớ một câu của ký giả Lô-Răng trong số kỷ niệm đệ-tứ chu-niên. Nhắc tới các truyện phôi-dơ-tông của Mai Thảo, Nhã Ca, Sơn Nam, Thanh Tâm Tuyền v.v... anh ấy đại khái cho rằng những chuyện dài này rồi « chắc chắn là những đứa con tinh thần được công nhận của những nhà sáng tác kể trên ». Chắc chắn chứ. Những truyện ấy đã lần lượt được in thành sách dưới bút hiệu chính thức của « những nhà sáng tác kể trên ». Tất cả đều được công nhận. Mà dù công nhận dù không, các tác phẩm ấy vẫn thuộc về các tác giả ấy.

Nhưng đó là chuyện nhỏ. Điều quan trọng hơn là ở chỗ công việc viết truyện nhật báo dần dà sẽ ảnh hưởng đến kỹ thuật, đến đường lối, đến quan niệm văn nghệ, và có thể đến cả quan niệm nhân sinh của người viết. Không sao ? Hãy tưởng tượng Valéry, Mallarmé v.v... ở trong tình thế phải viết truyện đăng báo *Sài gòn-mới*. Ít lâu thơ Valéry phải khác đi chứ. Chúng ta không nói nó sẽ kém hay, nhưng nó sẽ hay cách khác.

Người nghệ sĩ không phải như người thợ, nay làm loại dao cán dài, mai làm loại dao cán ngắn theo nhu cầu khách hàng, mà tâm trí mình hoàn toàn đứng vững với sản phẩm, với công việc sản xuất. Nghệ sĩ không thể gián chỉ mối liên hệ thiết tha giữa tâm hồn mình và công trình mình làm ra

Nếu một nhà thơ bỗng dưng phải tạm rời bỏ những câu thơ cô đọng bí hiểm, rời bỏ cái thế giới nhỏ hẹp của một số rất ít bạn bè và độc giả sành sỏi, để gia nhập vào đại chúng, mượn lấy cái ngôn ngữ họ, sống cái tâm lý của họ, làm vui cho họ, làm cho họ thỏn thức, cùng họ khóc cười trong ít lâu... ai dám bảo rốt cuộc nhà thơ nọ vẫn tro tro như trước được, trong quan niệm về nghệ thuật cũng như về nhân sinh.

B. K. — Thành thử phong trào xét lại về tiểu thuyết, ở Âu Tây nó khởi lên là một phong trào trí thức, ở ta nó kết thúc trong đám đông, đại chúng. Kết quả...

V. P. — Kết quả không phải là mấy cuốn truyện đã đăng nhật báo rồi đem in lại như vừa nói đến. Kết quả có lẽ sẽ đến sau một thời gian tiếp xúc giữa nhu cầu thuần túy nghệ thuật và nhu cầu tiêu khiển của quần chúng... Ở đây, cũng chưa thể coi là đã trông thấy kết quả, cũng chưa đến chỗ ngừng. Một nền văn nghệ không thể ngừng lại ở thế truyện nhật trình.

B. K.— Vừa rồi anh có đề cập tới ảnh hưởng của ngành xuất bản.

V. P.— Xuất bản gần đây cũng có tác dụng như báo chí. Nhà xuất bản mọc ra vô số kể. Đòi hỏi thật nhiều tác phẩm, thật nhiều truyện để in. Truyện phải thật ăn khách. Tức là cũng có những tính cách đại khái như truyện nhật trình.

Đặt tên cho nhân-vật là công việc thật nghèo nàn ý nghĩa

B. K.— Chúng ta mãi nói về tình hình chung, suýt nữa quên đối tượng chính là anh. Tôi có cái tò mò về một chuyện nhỏ nhặt. Trong các tác phẩm của anh, cách nhau nhiều năm, người đọc thỉnh thoảng gặp lại những nhân vật mang tên giống nhau : người nhạc sĩ tên Lạc Hà, ông tú Từ lâm, ông cụ Hoa Lan, Triêm, Lê v.v... Đó là trùng tên hay trùng người ? Có khi những nhân vật ấy ở trong những truyện ngắn, dĩ nhiên không tiếp nối nhau,..

V. P.— Mỗi khi có một nhân vật phải đặt ra một cái tên ! Tục lệ đã có từ xưa nay, không thể bỏ qua. Nhưng càng ngày tôi càng cảm thấy là một việc... nặng nhọc, khó khăn. Thú thực, tôi không có chút hứng thú. Mỗi lần phải đặt tên cho nhân vật tôi có một cảm tưởng gần như là ngượng. Bởi vì đó là một sự giả tạo không mục đích, hoàn toàn vô bổ.

Tiểu thuyết là công trình giả tưởng. Màu trời, sắc nắng, cây, lá, gió, trăng, mọi hoạt động trong đó đều bịa đặt, nhưng có những điều, những chi tiết bịa đặt có lý do, có dụng ý. Còn những tên nhân vật . nó có "nói lên" cái gì đâu ? Đặt tên nhân vật thật là công việc nghèo nàn về ý nghĩa. Vì vậy bất cứ lúc nào dùng được một tên cũ, tránh bớt được sự bịa đặt giả tạo, là tôi dùng ngay.

Hình như Alphonse Daudet có viết đâu đó rằng ông ta quan sát người này người kia ngoài đời, ghi vào sổ tay, lúc đem tài liệu ghi chú dựng thành truyện thỉnh thoảng ông nhận thấy giữa một tên người trong thực tại với tánh tình và hành động của họ tưởng như có sự liên hệ nào đó, ông ta muốn đưa nguyên tên người thực vào tác phẩm, không sửa đổi. Đôi khi, tôi cũng gặp trường hợp ấy. Chẳng hạn, tên Xuyến, về phía đàn bà, gọi cho tôi một hình dáng quá gầy yếu, tôi không đặt được tên ấy cho những nhân vật phốp pháp. Dù sao, cũng là những cảm tưởng chủ quan. Ý nghĩa rất nghèo nàn.

Trước khi viết ra, truyện nó ở đâu ?

B. K.— Câu chuyện đã khá dài. Trước khi dừng tôi muốn được biết về các dự định của anh, sau *Phù thế*. Có những người đề ý rằng từ một năm nay anh ít viết truyện. Đó có phải là một dấu hiệu anh đã hết cái đề viết ?

V. P. — Sau *Phù thế* tôi còn ba bản thảo chờ in : một truyện dài trong bộ *Về đâu*, một tập tiểu luận, một cuốn truyện dịch ; và một bản thảo dở dang đang tiếp tục viết, một tập tiểu luận về văn học. Rồi sau đó có thể là sự bế tắc. Có thể lắm Tôi chờ coi.

B. K. — Sao lại « có thể » ? Anh đang nói về chính anh mà. Không thể nói cái gì rõ ràng hơn sao ?

V. P. — Không. Trước khi viết *Giã từ* một tháng, một tuần, tôi không có truyện ấy trong đầu. Anh thử nhớ lại nội dung truyện đó rồi đối chiếu với đời sống của tôi trong khoảng thời gian viết ra nó thì thấy ngay; tôi không thể quan niệm ra nó trước khi rời Qui Nhơn

Những truyện khác cũng vậy. Một tuần, một ngày trước khi viết cái truyện ngắn nào đó, tôi không có nó trong đầu. Tôi không có nó ở đâu cả.

Truyện nó không nằm sẵn trong ta, như nước nằm trong chum ; lúc có ai hỏi đến, nhìn vào thấy còn thì bảo là còn, thấy hết trả lời dứt khoát là hết. Tác phẩm nó không có đấy, chờ sẵn. Chỉ sau khi quyết định viết, tự nhiên nghĩ ra cái đề viết. Đề tài, nó xuất hiện sau khi quyết định viết. Chắc chắn nếu trước đây tôi không quyết định viết văn thì mười mấy năm qua tôi không hề có đề tài nào cả.

B. K. — Đề tài đến do quyết định, còn quyết định ? do đâu nó đến ?

V. P. — Do nhà báo chẳng hạn. Thật đấy mà. Có khi vì chủ báo yêu cầu, cần có truyện cho báo xuân nên có quyết định viết truyện. Có khi vì một biến cố, nên có quyết định viết bài tiểu luận. Có khi nhân đọc mấy trang sách hay, tự nhiên muốn viết. Có khi vì bị xúc động do một chuyện tình cờ, tai nghe mắt thấy v.v...

Định viết, nghĩ loanh quanh, liền có cái đề viết : như vậy biết nó còn nơi mình. Lúc nào định viết, nghĩ mãi vẫn không có cái gì : lúc đó mới biết là nó hết. Thế thôi. Tác giả đâu có biết gì về mình hơn độc giả, về chuyện giá trị, khả năng, tương lai nghề nghiệp v.v...

Phần tôi, nhờ trời, đến nay vẫn có việc làm luôn tay.

B. K. — Thực tình, tôi vẫn lấy làm thắc mắc. Lê nào trước khi quyết định viết, lại không có gì cả nơi tác giả ?

V. P. — Tôi bảo không có « nó », chứ không phải không có gì cả. Có chứ. Có những kỷ niệm, cảm xúc, có những ấn ức, mơ ước, có những kinh nghiệm sống, những thèm khát v.v... Nghĩa là có những nguyên liệu, có thể huy động để làm ra nghệ phẩm. Những cái ấy, chúng có đó, nhưng không có dưới hình thức nghệ phẩm, đề tài nghệ phẩm v.v...

B. K. — Đáng lẽ định dừng lại ở đây nhưng tôi sợ nhớ lại vẫn chưa biết gì mấy về các dự định của anh, ngoài mấy bản thảo đã viết xong và sắp xong, tức không còn là dự định nữa.

V. P.— Tôi không có dự định gì xa xôi. Tôi tiếp tục viết vì có những cơ hội bắt phải viết. Lúc nào không có gì bắt buộc nữa, tôi thôi.

B. K.— Anh không có vẻ lấy chuyện sáng tác làm quan trọng ?

V. P.— Quan trọng? Tôi mong tìm ra lý do để thấy việc mình làm là quan trọng. Nhưng không dễ đâu nhé.

Đối với xã hội, trong lúc cả nước lo giặc, dân tộc đứng trước sự mất còn, trong lúc ấy mà viết truyện lại quan trọng ?

Thậm chí đối với cuộc sống của riêng mình, viết truyện cũng không thành chuyện quan trọng được. Một kiếp người là một cái gì lớn lao hơn việc viết truyện. Mỗi người đều có một cuộc đời để sống, để giải quyết nó, tìm ý nghĩa cho nó.v.v. trong đó, chuyện viết lách, trời ơi, vô nghĩa quá. Cũng có những người tìm trong cái viết một say mê, để khuây khỏa lấp đầy cái vô nghĩa của cuộc sống...

Nhưng thôi ! Anh đã kêu dài, mà chúng ta lại vừa đi tới, đụng đầu với cỏi Mênh mông Vô cùng rồi !

Viết và Sống

B. K.— Thế thì chúng ta hãy chấm dứt câu chuyện văn chương ngay tại đây. Đề.. bắt đầu đi vào đời sống riêng của anh...

V. P.— Chết! Lại còn cái ấy nữa ? Sao lại bắt đầu về « lý lịch » của tôi vào lúc này: lúc câu chuyện đã dài, đã khiến người ta đâm chán ?

B. K. - Nguyên trước đây trong loạt bài phỏng vấn về *Sống và Viết* của các tác giả do anh Nguyễn Ngu « Í » thực hiện cho tạp chí Bách Khoa, chúng tôi đã có dự định đến hỏi anh. Sau đó vì một trở ngại ngoài ý muốn, anh Ngu Í đã không thi hành được ý định. Chúng tôi vẫn lấy làm ân hận về việc ấy. Vì vậy lần này tôi không muốn bỏ lỡ một cơ hội nữa và sẽ cố gắng để không thiếu sót so với các cuộc phỏng vấn trước đây. Trước có *Sống và Viết*; bây giờ đã có phần *Viết* phải có cả phần *Sống* chứ. Nhưng anh đừng lo : dăm ba điều tâm sự thôi. Chẳng hạn anh đã lớn lên trong khung cảnh như thế nào ? Miền quê hay đô thị ?

V. P.— Ở một làng quê, cách Qui Nhơn năm mươi cây số về phía Bắc. Lên Trung học tôi mới về Qui Nhơn. Từ Qui Nhơn, ra Huế, Hà Nội, tôi theo học ở các đô thị trong vòng sáu bảy năm. Rồi gặp kháng chiến, bỏ học tôi lại trở về thôn suốt mười năm.

Tuổi thơ và tuổi đôi mươi của tôi đã trải qua ở thôn quê. Vì vậy thôn quê ghi nơi tôi một ấn tượng sâu xa. Cho đến bây giờ, sau mười năm sinh sống ở Saigon, tôi vẫn chưa thích ứng được với cuộc sống đô thị. Lúc nào tôi cũng nhớ đến bóng cây, ao ước trên đầu một khoảng trời xanh...

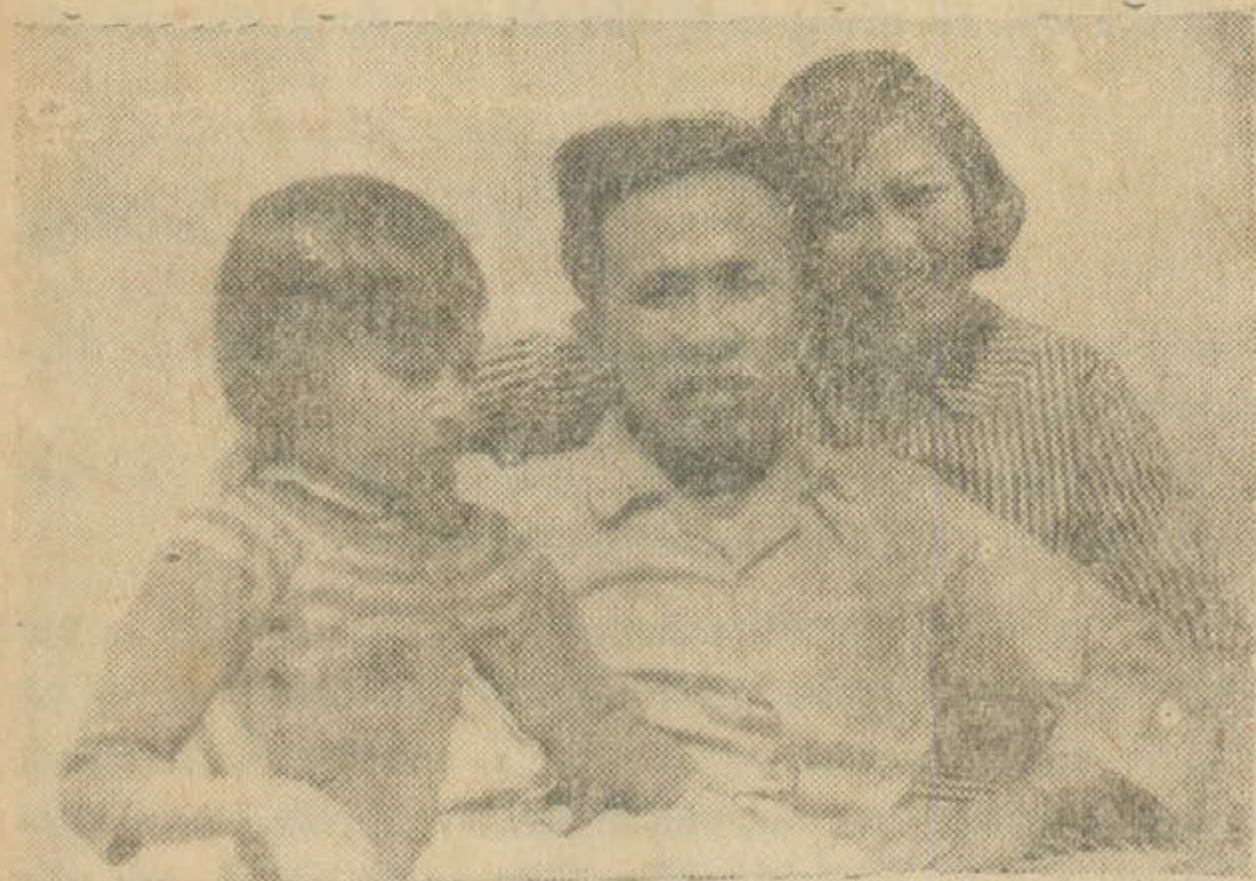
B. K.— Tại sao anh đang học ở Huế lại bỏ ra Hà Nội ?

V. P.— Hồi học ở Huế tôi ở với ông Đào duy Anh. Sau khi V.M. nắm chính

quyền, ông Đào duy Anh bị mời về Hà Nội nên tôi cũng theo ra Hà Nội học. Tới cuối năm 1946, xảy ra toàn quốc kháng chiến tôi mới lại về Bình định. Còn nhớ hồi đó ở Hải phòng đã đánh nhau, tại Hà nội có đêm chúng tôi phải tản cư ra ngoại thành mà ông Đào duy Anh vẫn bảo tôi không chắc có đánh nhau tới Hà Nội đâu, có lẽ không đến nỗi phải bỏ học về Trung. Sau, tình hình mỗi lúc mỗi quyết liệt tôi mới vội vã ra về. Có những ban, tôi chậm chân bị kẹt, phải ở lại ngoài Bắc và đã có vợ con ngoài đó. Nếu tôi cũng bị kẹt chắc hoàn cảnh sẽ đổi khác rồi

B. K.— Thì anh cũng sẽ có vợ con ở đó chứ sao. Anh lập gia đình năm nào nhỉ ? và hai cháu lớn hiện học ở Y khoa sinh ở đâu ?

V. P.— Tôi lấy vợ năm 1948. Tôi được 4 cháu thì hai cháu sinh ở vùng kháng chiến và hai cháu ở vùng quốc gia. Chúng ra đời dưới hai chế độ.



Ông Bã Võ-Phiến và
con gái nhỏ : Mir h-Đức

B. K.— Vậy khi anh bị bắt ở ngoài kháng chiến thì anh đã có hai cháu rồi ? Anh bị bắt năm nào nhỉ và bị buộc vào tội gì rồi bị xử ra sao ?

V. P.— Tôi bị bắt khoảng tháng 10 năm 1952, vì gia nhập tổ chức chống cộng Bị kêu án 5 năm. Trong vụ này có 2 án tử hình.

B. K.— Rồi anh được tha trong trường hợp nào ?

V. P.— Được phóng thích sau hiệp định Genève. Được thả như thế chưa phải là thoát. Tôi đi buôn gà, gồng gánh đến các chợ xa, nên thừa dịp trốn thoát ra Huế. Có những anh em, như Lương minh Đức, đến ở Qui Nhơn, tưởng là có Ủy hội quốc tế, có thể yên lòng mà hưởng các điều khoản của hiệp định Genève. Bất ngờ cán bộ đến bắt đi luôn. Anh ấy đã phải ra tận ngoài Bắc rồi mới lại trốn trở về.

B. K.— Ở ngoài kháng chiến trước khi bị bắt anh có hoạt động văn nghệ gì không ? và anh viết văn từ hồi nào vậy ?

V. P.— Tôi viết bậy bạ từ hồi năm còn học ở Trung học Hình như hồi năm 1943, tùy bút của tôi có bài được đăng ở *Trung Bắc chủ nhật*. Hồi kháng chiến thì tôi làm nhiều nghề : làm quan thuế, đi dạy học, buôn gà ! Duy có văn nghệ thì không làm được.

B. K.— Vậy bút hiệu Võ Phiến có từ bao giờ ?

V. P.— Có từ khi về Huế, năm 1954 - 55, với truyện ngắn đầu tiên *Chữ Tình* đăng trên tạp san "Mùa lúa mới".

B. K.— Tôi thấy anh có một số bài thơ trên *Tạp bút* của anh và trên cả một tuyển tập thơ khác nữa. Vậy anh làm thơ từ hồi nào, và nay sao không thấy anh đăng thơ trên báo ?

V. P.— Làm thơ từ nhỏ cho đến năm 1954. Khi về Huế, viết truyện được đăng báo nên mãi viết truyện quên thơ. Và cũng bỏ luôn.

B. K.— Anh có thói quen gì trong cuộc sống không ? chẳng hạn anh có thích hút thuốc lá, nghiện cà phê, uống ỉa ve. v.v.

V. P.— Tôi không nghiện thứ gì. Đại khái thế nào cũng ầu được, thế nào cũng ngủ được.

B. K.— Còn thú tiêu khiển ?

V. P.— Nghèo nàn hết sức. Không có xi-nê, đánh bài, bơi lội, cải lương vv... gì hết. Quanh năm, tôi ít khi trông thấy Sài Gòn ban đêm. Chỉ có đọc. Và thỉnh thoảng thấy cần len lỏi, vu vơ, trong các ngõ hẻm. Để tránh cái quang cả h tằm tấp của đường sá đô thành. Cuộc sống trong hẻm thường lộn xộn, mà phong phú, bất ngờ, thân mật.

B. K.— Len lỏi trong các ngõ ngách đô thành là một cuộc tiêu khiển gia đình ?

V. P.— Có thể nói tiêu khiển gia đình. Vì những dịp ấy tôi không đi một mình. Nhà tôi cũng chia xẻ cái sở thích... thám hiểm ấy.

B. K.— Thế còn các thói quen của anh trong khi viết ? Có kể viết đứng, cố người viết ngồi v.v..

V. P.— Tôi có thói quen viết chạv. Nghĩa là ở chỗ này một trang, ở chỗ kia một đoạn. Lúc nào trong cặp của tôi cũng có bản thảo viết dở : bất kỳ ở đâu, gặp lúc rảnh tôi mở ra, tiếp tục. Trong hoàn cảnh phải ngồi trước bàn thì ngồi mà viết. Nhưng ở nhà, tôi thích vừa nằm vừa viết. Nằm mà viết đã thích ; dĩ nhiên nằm mà khỏi viết càng thích hơn !

B. K.— Tôi thấy anh còn có thói quen ghi chép. Anh thường ghi chép vào các cuốn Agenda : cuốn này của anh trông thật kỳ quái, anh viết chi chít ở giữa trang, góc trang, lúc thì hàng thẳng, lúc hàng chéo. Anh ghi những gì vậy ?

V. P.— Tôi ghi những cảm nghĩ chợt hiện ra, những nhận xét chợt có. Có khi ghi cả những đoạn tài liệu cần thiết. Tôi có thói quen ghi từ hồi ở kháng chiến, hồi đó ghi vào các cuốn sổ tay bằng ba ngón tay. Hiện nay không dùng Agenda nữa, tôi ghi vào các tờ rời và kẹp lại.

B. K.— Tất cả những cuốn Agenda và tờ rời đó anh còn giữ lại không, và nay thì dày độ chừng bao nhiêu gang tay ?

V. P.— Tôi ghi chép đề đấ, nhưng lúc viết có khi cần, có khi cũng chẳng dùng đến ; nay giữ lại cũng dày độ hơn gang tay, độ 30 phân. Nhưng anh hỏi gì mà tỉ mỉ vậy ?

B. K.— Một câu hỏi chót nữa : Bản thảo tập truyện *Phù thế* của anh, sau khi sờ kiểm duyệt giao hoàn, để ở toà soạn đợi đưa sắp chữ, chúng tôi thấy truyện *Chim và rắn* trang nào cũng có gạch chéo suốt trang, rồi có nhiều câu, nhiều đoạn còn bỏ gạch đi, gạch lại nữa, và ở đầu truyện thấy phê một chữ " Gác " to tướng. Buồn cười ! Những chuyện thừa, trình bảm, báo giữa cấp dưới cấp trên trong nội bộ, sao lại be bét cả trên bản thảo người ta thế nhỉ ? Nhưng rốt cuộc anh vẫn được in chứ ?

V. P.— Được, anh. À này ! chúng ta bắt đầu bằng truyện *Phù Thế*, đi loanh quanh lại trở về gặp truyện ấy. Đủ một vòng rồi. Vậy có thể chấm dứt ở đây được, phải không anh ?

BÁCH KHOA

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH :

ỨC VIÊN THI THOẠI

của ĐÔNG-HỒ

ỨC VIÊN THI THOẠI

Những chuyên thơ kỳ thú, một bút tích một di ảnh và tiểu sử của cố thi sĩ ĐÔNG HỒ.

Xưa kia người ta đọc CHƯƠNG DÂN THI THOẠI để thấy cái di dỏm của PHAN KHÔI.

Bây giờ người ta đọc ÚC VIÊN THI THOẠI để biết cái duyên dáng của ĐÔNG HỒ.

MẶC-LÂM xuất bản YIẾM YIẾM phát hành

72 D, đường Trần-văn-Thạch (Tân-Định) SAIGON

Sương và ốc biển

Thơ TUỜNG-LINH

Cho Mai

Anh bị trời ngược đãi,
Anh bị đời lãng quên,
Anh bị người phản bội
Chỉ còn một mình em

Mùa trùng dương dậy sóng
Con ốc biển thu mình
Nấp trong làn vỏ mỏng
Chìm đáy nước lặng thinh

Nhưng sóng găm sóng thét
Tung ốc biển lên bờ
Nằm phơi mình dưới nắng
Bao ngày dài bơ vơ

Em là giọt sương khuya
Nhờ sương, con ốc sông
Tin tưởng một ngày kia
Rời xa vùng bãi nóng

Mấy lần anh sắp ngã
Giao định mệnh an bài
Vi tâm thần mệt lả
Nhưng văng vẳng bên tai...

Mơ hồ lời em gọi
Ôi tiếng của ân tình !
Những tế bào mòn mỏi
Thoáng chốc được hồi sinh.

oOo

Mặc cho trời ngược đãi,
Mặc cho đời lãng quên,
Mặc cho người phản bội
Khi anh vẫn còn em.

Thơ Nhị-thập-bát-tứ

V Û - H O À N G - C H Ư Ơ N G

SỰ THẬT PHŨ PHÀNG

*Thuyền bay từ Đất tới buông neo
Trăng đón Người... toan ngả bóng theo
Chỉ thấy bàn tay ai lượm đá
Thôi rồi đã uổng ngấn vàng gieo*

DI CHÚC NGUYỆT CẦU

*Biển Lặng nằm nghe mỗi vết chân
Nồng hơi da thịt lữ hành nhân
Hỡi bao thiên thể còn vô nhiệm
Lệ rỏ vì Trăng hãy một lần*

SAO CHO TRÒN ƯỚC

*Người đã lên Trăng đã trở về
Nàng Thơ sớm đã bỏ Trăng đi
Mộng hồn ta vượt không gian gấp
Nhận dấu may còn sợi vũ y*

Apollo II : một vài ảnh-hưởng đặc biệt

Cuộc đổ bộ xuống mặt trăng đã được gần khắp thế giới theo dõi, ca ngợi, hoặc bàn tán suốt mấy tuần nay. Nếu thu thập các bài báo viết quanh đề tài này, có thể in sách dày mấy trăm trang. Và chắc chắn sẽ thấy xuất bản nhiều cuốn nói về kỳ công của Von Braun, Neil Armstrong, Edwin Aldrin, và cả người thiết-thời nhất vì phải ở lại phi-thuyền mẹ: Michael Collins.

Đề tóm tắt gọi là, có thể nhận ra ba luồng dư-luận chính.

Các giới khoa-học và chính-khách chủ-trương chinh-phục không-gian, dĩ-nhiên hân hoan và phấn khởi vô-cùng. Họ thi nhau đo lường kết-quả gần xa đối với sự hiểu biết của loài người hoặc các công-dụng về mặt quốc-phòng. Họ chuẩn bị tiếp tục hay đón chờ những cuộc thám-hiểm táo bạo hơn nữa. Người ta đã kể tới những chuyến Apollo khác, cùng những hành-tinh khác làm mục-tiêu thăm viếng trong những tháng và năm sắp đến.

Song cũng có nhiều nhóm không đồng tình đồng ý. Đa-số các lãnh-đạo quốc-gia hoan nghênh thật lòng, hoặc ít ra cũng chào mừng vì lịch-sự ngoại-giao, và trường-hợp sau có lẽ là của những người cầm đầu trong khối Cộng-sản phương Tây. Ngay ở Hoa-Kỳ, có người tỏ ra dè dặt và lên tiếng khuyên rằng giới hữu-trách là nên dành tiền vào việc thiết-thực hơn, cấp-bách hay hữu-ích hơn, nhất là cho những tầng lớp cùng khổ trên mặt đất này : ý-kiến của Thượng-nghị-sĩ Edward Kennedy, của mục-sư da đen Abernathy, v.v.. Ở xứ khác, lại có vị nhạo rằng : có ích gì, nếu lên trăng để rồi gieo rắc cảm hờn, thói quen gây hấn, kỳ-thị chủng-tộc...? Lời này của một tù-trưởng Hồi-giáo Ai-Cập, ông Cheik Mohammed El Ghazali.

Nhưng đại đa-số quần-chúng trên hoàn-cầu, ngay ở Nga-sô, xem chừng đều thấy hào hứng, vừa kinh ngạc vừa thán phục, dù sao cũng thích thú nếu được nhìn trên khung máy truyền-hình những bước chập-chững đầu tiên của những con người thấp thoáng như bóng ma, trên một vùng mà trước đây không mấy ai tin là có thể đặt chân tới được. Trong số người quen biết của tôi, già trẻ đều chịu là : phép tiên chắc cũng không hơn.

Trót quen ghi nhận từng ngày mọi việc cần nhớ, tôi tránh sao khỏi bận tay và bận lòng về chuyện lớn-lao này của lịch-sử nhân-loại ? nên thấy cần viết ra để sắp đặt lại những cảm-tưởng mông lung làm cho khó ngủ.

Cũng như mọi bà con, tôi rất vui, quên bớt cả thời cuộc quanh mình. Tôi đã đọc đi đọc lại những bài báo chí từ khi có tin Apollo-II sắp được phóng đi, và

nhất là từ hôm 16-7. Tôi đã chống lại mỗi-một đề thức khuya đón coi truyền-hình. Tối thứ hai 21-7 từ 9 giờ, tôi đã được nhìn tận mắt một sự mới xảy ra từ mấy vạn năm nay, từ khi có loài người trên trái đất. Đáng lẽ câu này phải được nói lên ngay khi nhận được tin đồn về vệ-tinh Spoutnik; song tôi đã không trông thấy. Không trông thấy và trông thấy, thật khác nhau xa, bằng từ đây lên mặt trăng? Nhìn ngọn lửa dâng cao Saturne V và Apollo 11, nhìn bóng trắng của Armstrong và Aldrin trên sỏi đá nguyệt-cầu, tôi chợt nhớ, và lúc đó mới cảm thông thấm thía cùng thi-sĩ Saint John Perse, lời của ông mà tôi đã thuộc khá lâu : Chúng ta nhường cho ai sống cuộc sống đại-hùng của thời đại chúng ta ? (Mais à qui laisserions-nous vivre la grandeur de notre temps ?)

Phải rồi, ngày thường, tôi phải bơi lội giữa những tầm-thường, thiếu đẹp, thiếu giỏi, thiếu cả sạch sẽ, của người khác và chính của tôi : Bởi thế, tôi cũng bị bụi đời che khuất những gì vượt quá một nơi sống chật hẹp, một nếp sống khó khăn, trước những ngày mai không rạng tỏ. Làm sao tôi nhớ nổi chiều cao mà con người có thể vươn lên ? Nhưng đây, Apollo 11 lại khiến tôi nhận-thức nhu-cầu hướng thượng, đồng thời cụ-thể hóa cho tôi nghe rõ với âm hưởng thâm-trầm, lời và giọng vang lừng của tác-giả Vents và Amers...

Tôi cũng chia xẻ một phần thắc-mắc của những ai viện lý-do theo chính-sách thiết-thực, đề hoài nghi công-dụng của những cuộc thám-hiểm không gian. Trái đất này còn đầy đau khổ, thì vội chi hao công tốn của về việc cung trăng ? 24 tỷ Mỹ-kim, trời đất ơi, có thể cứu giúp bao nhiêu trăm triệu con người khổn khổ, bao nhiêu xứ sở chưa kịp mở mang, và ngay những tầng lớp thiếu thốn ở Hoa-kỳ. Viện trợ kinh-tế Mỹ cho VN, 408 triệu Mỹ-kim trong năm 1968, đã được coi là nhiều. Cựu Tổng-thống Johnson ca ngợi sự thành-công mới đạt, nhưng ngỏ ý khéo rằng : chúng ta làm nổi việc này thì lo gì không giải quyết nổi những vấn đề khác trên trái đất ? Như thế nghĩa là những vấn-đề này vẫn phải đợi chờ giải-pháp, tỉ như vấn đề hòa-bình. Tôi liên tưởng đến thời cuộc VN, mà lối thoát vẫn chưa được tìm ra một cách tài-tình như khi tìm lối cho Apollo 11.

Lối đi vẫn khó hơn đường lên trăng

(B. K số Tết Kỷ-Dậu)

Là vì máy-móc tuy rắc-rối, lại không ngoan-cổ, không trí-trá, không thâm-hiểm, nên các nhà bác-học, dù tính tình ngay thật, vẫn tùy ý sai khiến được : nó chịu chạy và chỉ chạy theo những đường, những nhịp hợp lý, hợp với vật-lý muôn đời.

Nhưng cũng chính vì thế, mà chưa chắc gì sự tập trung những tài-trí tài-nguyên đã đưa người lên mặt trăng, sẽ giúp nổi chúng ta ra khỏi nhiều sự nan-giải trên lãnh-vực sinh-hoạt ở trái đất này.

Vậy không thể viện lý-do dành phương-tiện cho sự cải-tiến xã-hội, mà buộc khoa-học dừng bước. Khoa-học phải phát triển không ngừng, mọi sự trì-hoãn sẽ có hại lớn. Phải có những hạng người như Von Braun mới làm nổi việc không-gian, nếu đợi 10 hay 20 năm nữa họ qua đời, sự tìm tòi sẽ gặp khó-khăn ; hoặc nếu chẳng thiếu nhân-tài, thì trong khi chờ đợi, các nhân-tài đó đều lo việc khác : đến

khi muốn trở lại chương-trình Apollo, thì chắc đâu vẫn sẽ đủ các điều-kiện kỹ-tuật, kỹ nghệ, và nhân-sự cần-thiết? Và lại, nếu Mỹ chờ, liệu Nga-sô hay Trung-Cộng có chờ không, và ngược lại? Mỹ chỉ ngừng hay giảm hoạt-động nghiên cứu và thí-nghiệm một vài năm, là sẽ bị vượt quá xa. Sau nữa, nếu phải nhằm tình-cách thiết-thực, thì chưa ai có thể quả quyết rằng sự thám-hiểm các hành-tinh không có công-dụng đối với nhân-loại. Các khám-phá của khoa-học thường đưa tới sự phát-minh sáng-chế có hiệu-năng cải-tiến cuộc sống. Công việc tìm ra nguyên-tử, rồi có tàu nguyên-tử. Biết đâu trong 35 kí sỏi đá nguyệt-cầu lại không có chất gì mới lạ để bón cây, chế máy, trị bệnh hay làm thuốc trường-sinh bất lão? Hiện các nhà bác-học đang tìm.

oOo

Ngay bây giờ, riêng tôi muốn kiểm kê những ảnh-hưởng đã thấy, ở một địa hạt mà Amstrong hay Aldrin chưa từng nghĩ tới: ngôn-ngữ, phong-tục và thi-ca.

Từ điển sẽ phải thay đổi, về chữ Trăng, la lune, the moon v.v...

Trước ngày 21-7-69, « tomber de la lune », rớt từ mặt trăng xuống, có nghĩa bóng là ngớ ngẩn, không hiểu mô tê: từ nay, « tomber de la lune » thì phải được hoan hô. « Lunatique » là đầu óc trên mây, trên trăng, không thiết thực; và « Lunatic » của tiếng Anh, còn nặng hơn: gần như điên. Von Braun phải là kẻ lunatic hay lunatique nhất! Đòi cho được mặt trăng, trước đây là sự viễn-vông: nay thì có thể « demander la lune » hay « to ask for the moon and stars »... Các cụ Hàn-lâm nghĩ sao?

Những sự-tích về mặt trăng có bị ảnh-hưởng gì không? Hẳn là không, vì chẳng phải từ khi xem truyền-hình cuộc đổ bộ, mới biết là chẳng có chị Hằng, thằng Cuội, v.v. Hoặc ai tin vẫn có thể nói: chưa thấy mà thôi, cũng như ở trái đất, vẫn có ma quỷ tuy chưa ai mục kích. Khoa-học không giết huyền-thoại, không xóa bỏ nổi những ảnh hình tưởng tượng nhưng phù hợp với một vài mơ ước của con người.

Cho nên, đến tháng 8 này, vẫn sẽ còn Tết Trung Thu, đèn xếp, bánh nướng, và đầu lân đề múa mừng trăng. Và lại, ngày rằm tháng Tám đã thành ngày hội của nhi-đồng, chứ không phải là một dịp kỷ niệm đêm Đường Minh-Hoàng thăm nguyệt-điện; cũng như đêm Giáng-sinh không còn là lễ riêng của tín-đồ Thiên-Chúa giáo, mà đã thành dịp hân-hoan tung-bưng chung cho cả những lớp người ngoại-đạo. Ông nghề tháng tám đã nhường chỗ cho đồ chơi nhập-cảng, thì bên cạnh những đầu sư tử, hẳn sẽ thấy những hỏa tiễn Saturne cùng những phi-thuyền Apollo. Một tập-tục lâu đời, nếu thay đổi mục-đích phạm-vi hay ý-nghĩa cho hợp thời hơn, vẫn có thể sống mạnh hơn.

Nếu các nhà buôn không ngại mất lời về Tết Trung-Thu, thì các nhà thơ có nên buồn phiền hay không vì sự thật mới thấy?

Trái mấy ngàn năm, trăng với thơ đi liền với nhau; thi-sĩ Đông hay Tây đều đã yêu trăng, mơ trăng, và tả trăng. Không thể nào đếm hết những bài

thơ vịnh nguyệt, những câu thơ có chữ Trăng hay Lune, Hằng Nga hay Hoàng-hậu của canh thâu, Reine des nuits..

Nay chỉ thấy hàng ngàn miệng lỗ núi lửa đã tắt, những vùng miền mông sỏi đá thay vì cung Quảng cung Thiểm, thì chẳng đáng ngàn hay sao cho một nguồn thơ bị cạn ?

Tôi nghĩ nỗi thắc-mắc đó chỉ là của một số người có ý-niệm quá quen thuộc về thơ, hoặc ưa làm thơ trữ-tình lãng-mạn như ở thế-kỷ trước.

Đã mấy chục năm nay, thi-nhân Đông Tây hướng tâm hồn vào nhiều phía khác, hoặc vớ bất cứ đề-tài nào gây hứng, chớ không còn ngâm vịnh phong hoa tuyết nguyệt.

Và ngay đối với người ưa mượn cảnh để tình, có cần chi phải mắc vướng mãi vào điển-cổ ngàn xưa, nên dẫu Armstrong và Aldrin có nối gót Đường-Minh Hoàng, thì cũng chẳng hại gì đến những vẻ đẹp nên thơ.

Vì thực ra, nhà thơ nào lại ngây thơ đến nỗi tin rằng vũ-y vẫn hấp-phối với nghệ-thường trên hành-tinh vừa được viếng ? Yêu trăng, là yêu cảnh gọi mơ mà trăng cho thấy, bằng ánh sáng êm dịu mà trăng đem nhuộm vật cùng người.

Non nước, cỏ cây, hay khoé mắt của mỹ-nhân dưới ánh trăng, khả-ái hơn dưới ánh mặt trời. Apollo-11 không làm tiêu tan sức huyền-diệu của trăng là gọi về cho ta gió mát cùng hứng-thú, hứng nhạc, hứng rượu và hứng thơ.

Đó là cảm tưởng của tôi, khi nhìn trăng mờ tỏ mấy đêm nay, trong những giờ mưa tạnh. Hạt nước gieo từ bóng lá vẫn trong như giọt lệ, giọt lệ mùa Ngâu.

Ngâu vẫn còn hay phải còn, cũng như người bến sông Ngân, để nói lên hộ chúng ta nhu-cầu thương tiếc của một loài người khao khát yêu đương.

Trở lại thơ, tôi nhớ rằng đã khá lâu, nhiều thi sĩ phương Tây và một số ở phương Đông, vọng về huyền-vũ bao la, hoặc dùng ngôn-ngữ khác thường để diễn tả những thắc-mắc cùng những tượng-hình viễn ảo của những thế-giới xa vời : người ta xếp họ vào thi-phái Vũ-trụ, và nhóm Cosmique; ngay ở VN, đã có Vũ Hoàng Chương... Họ đã đi trước nhà thám hiểm không-gian, để đưa tâm hồn vào những địa-hạt mệnh mông chưa ai từng thấy. Từ 1917, Apollinaire đã hứa dẫn chúng ta đến

*« những miền rộng lớn và lạ lùng
ở đó sự huyền-bí nở hoa dâng cho
kẻ nào muốn hái
ở đó có những ngọn lửa mới, những
màu sắc chưa thấy bao giờ
ngàn ảo-ảnh huyền-hoặc khôn lường
mà ta phải biến ra cảnh thực. »*

de vastes et d'étranges domaines
 où le mystère en fleurs s'offre à qui veut cueillir
 Il y a là des feux nouveaux, des couleurs jamais vues
 Mille phantasmes impondérables
 auxquels il faut donner de la réalité...

Như vậy, nhóm Armstrong, Aldrin và Collins, thay vì đem sự thật phá thơ, đã đáp ứng viễn vọng của thi-nhân hiện-đại, và càng mở lối rộng hơn cho thơ cất cánh về vô-tận vô-biên.

« Và cùng một vòng tay ôm ấp, như cùng trong một hòa-khúc tung bay, thơ bao gồm vào hiện-tại cả quá-khứ lẫn tương-lai, nhân-loại-tính và siêu-nhân-cách, tất cả không-gian của vạn-vật và không-gian của các hành-tinh. »

(Et c'est d'une même étreinte, comme d'une seule strophe vivante, qu'elle embrasse au présent tout le passé et l'avenir, l'humain avec le surhumain, et tout l'espace planétaire avec l'espace universel — *Saint John Perse* (1))

Đ.T.

(1) Xin coi: Quan-niệm và sáng-tác Thơ, của Đ.T. (B.K.)

TRẦN - LƯƠNG - NGỌC

Apollo 11 : chuyến bay lịch sử

Đó là một phim khoa học ảo tưởng hết sức tồi. Phong cảnh không có gì khác ngoài một khoảng trơ trọi, nửa trên đen kịt, nửa dưới trông tựa như một bãi sa mạc. Một vật cồng kềnh trông tựa như một bộ phận giả tạo của một phi thuyền chiếm gần hết màn ảnh, bên cạnh có cắm một lá cờ bất động như làm bằng bìa cứng. Hai diễn viên chạy đi chạy lại lằng xằng như hai con mối làm tổ. Hình ảnh đã không rõ ràng, ánh sáng chỗ thì trắng bệch, chỗ thì đen sậm. Âm thanh lại càng tồi hơn nữa, không có nhạc đệm, chỉ có những tiếng ồn ào nghe chói tai

nhức óc, thỉnh thoảng lại xen vào những câu đối thoại cộc lốc, nghe không hiểu gì cả. Vậy mà tất cả thế-giới từ Nữ-Ước tới Vũng-Tàu, từ Anh cho tới Congo đều dán mắt vào cái màn ảnh truyền hình đặt tại khắp hang cùng ngõ hẻm mà coi hết giờ này sang giờ khác. Bởi vì họ cảm thấy rằng họ đang được chứng kiến những giờ phút quan trọng nhất trong lịch sử tiến hóa của nhân loại. Trong suốt hơn bốn ngàn triệu năm lịch sử của trái đất, trước đây mới chỉ có một giờ phút quan trọng như vậy đó là tổ tiên của loài người đã thoát thân từ

loài cá, bỏ môi trường nước để lên sống trên cạn. Lần này loài người lại tiến thêm một bước nữa bỏ vòng kiểm tỏa của khí quyển trái đất để đặt chân lên một thiên-thể khác trong khoảng không gian vô tận. Giờ phút lịch sử đó đã diễn ra vào lúc 11 giờ 56 phút (giờ Saigon) ngày thứ hai 21 tháng 7 năm 1969. Trước đó bốn ngày ba phi hành gia Mỹ Neil Armstrong, Michael Collins và Edwin Aldrin đã chui vào phi thuyền Apollo 11 nằm trên đỉnh hỏa-tiến Saturn V để đi nốt chặng cuối cùng của con đường lên mặt trăng. Cuộc hành trình đã diễn ra tốt đẹp ngoài sự mong đợi của mọi người. Sau khi lên quỹ đạo vòng quanh trái đất, phi thuyền đã khai hỏa, vượt khỏi vòng kiểm tỏa của trọng lực trái đất để tiến về mặt trăng. Hướng bay của phi thuyền đã chính xác đến nỗi suốt trong đoạn đường dài gần 400.000 cây số, phi thuyền không cần phải điều chỉnh gì cả. Các phi hành gia đã dùng tất cả thì giờ để chuẩn bị cho cuộc đáp xuống mặt trăng. Giữa đường, họ đã quay mũi phi thuyền trở lại, móc bộ phận dùng để đáp xuống mặt trăng ra khỏi tầng thứ ba của hỏa tiễn Saturn, lúc đó vẫn còn lẻo đẻo theo sau. Sau đó tầng thứ ba của hỏa tiễn được tự động khai hỏa cho tới khi cháy hết nhiên liệu, và hỏa tiễn quay về một hướng khác, vĩnh viễn trở nên một hành tinh vô-tri vô giác trong Thái-dương-hệ. Gần đến mặt trăng, hai phi-hành-gia Neil Armstrong và Edwin Aldrin theo một ống liên lạc chui từ phi thuyền Apollo 11 sang phi-thuyền đồ bộ để kiểm soát một lần cuối các máy móc trong bộ phận đồ bộ. Trong khi đó toàn bộ phi-

thuyền gồm phòng điều - khiển, phòng máy và phi - thuyền đồ bộ đi vào quỹ đạo vòng quanh mặt trăng. Sau ba lần điều chỉnh, phi - hành - đoàn đặt phi - thuyền vào quỹ - đạo tròn cách mặt trăng 100 cây số. Sau đó Neil Armstrong và Edwin Aldrin đã tách rời phi - thuyền đồ bộ ra khỏi phi - thuyền chính, giảm tốc - độ của phi - thuyền đồ bộ để đưa phi - thuyền xuống mặt trăng. Một mình Michael Collins ở lại phi - thuyền chính bay vòng quanh quỹ - đạo, giữ vai tài-xế đưa con các ông chủ đi coi viện bảo - tàng, nhưng cứ phải lái xe vòng quanh viện vì không kiếm được chỗ đậu. Khi còn cách địa - điểm đáp xuống khoảng 500 cây số và ở cao độ 20 cây số, phi - thuyền đồ bộ khai - hỏa hỏa - tiễn phản chiều để giảm tốc - độ. Chỉ trong vòng 12 phút, tốc - độ phi - thuyền đã giảm từ 2000 thước/giây xuống còn có 1 thước/giây. Và phi - thuyền hạ xuống mặt trăng nhẹ nhàng chẳng khác gì một phi - cơ đáp xuống phi - đạo.

Vào cung Quảng

Nhìn qua cửa sổ hình tam giác của phi-thuyền, phi - hành đoàn đã nhìn thấy một cảnh hoang vu, buồn rẻ của một sa-mạc gồm toàn đá và cát xám. Nhưng họ không có quyền ngắm lâu. Vì biện - pháp an toàn, công việc đầu tiên của họ là phải tỉ-mỉ xem xét lại toàn bộ máy móc của phi - thuyền để xem có bộ phận nào đã bị hư hại khi phi - thuyền đáp xuống. Nếu có, họ sẽ phải bỏ chương - trình bước xuống mặt trăng, và khai hỏa phi - thuyền trở lại phi - thuyền mẹ ngay lập tức. Nhưng không có sự gì bất thường cả và theo

đúng chương-trình, Armstrong và Aldrin đã dùng bữa ăn và ngủ 4 tiếng đồng hồ để lấy sức. Sau đó, hai người đã đề ra hơn một tiếng đồng hồ để trang bị. Họ phải khoác lên người bộ áo giáp dày 28 lớp để che chở họ khỏi những phóng xạ của mặt trời, làm cho họ cảm thấy dễ chịu trong cái nhiệt độ lên tới 120 ° C của bề mặt mặt trăng và cung cấp dưỡng khí cho họ thở. Thêm vào đó là một bộ máy trợ sinh đeo vai (nặng 90 cân ở dưới đất nhưng chỉ còn nặng có 15 cân trên mặt trăng) để vừa làm máy điều hòa không khí, vừa làm bình trữ dưỡng-khí đủ dùng trong 4 tiếng đồng hồ, và vừa chứa bình điện để liên-lạc vô-tuyến với căn-cứ ở trái đất và phi-thuyền mẹ đang bay trên quỹ đạo.

Trang bị xong xuôi, hai phi-hành-gia từ từ giảm áp-lực trong phi-thuyền rồi mở cửa phi-thuyền ra. Armstrong bước ra trước đồng thời kéo một cái móc mở một ngăn ở bên cạnh phi-thuyền, trong ngăn có một máy thu hình để gửi về trái đất từng hành động, cử-chỉ của các phi-hành-gia. Armstrong bắt đầu đi giạt lui từng bậc thang xuống trong khi đó Aldrin ở trên phi-thuyền chụp-hình. Cầu thang chỉ cao khoảng 2 thước mà Armstrong phải đi lâu tới 5 phút vừa đi vừa dò dẫm như một đứa trẻ mới tập xuống thang lần đầu. Xuống đến chân thang, anh ta cũng chưa dám bước xuống ngay, chân phải tựa vào một bàn chân của phi-thuyền còn chân trái đặt xuống mặt trăng. Bước chân đầu tiên đó sẽ còn lưu lại hàng triệu năm nữa trên mặt trăng không bị soi mòn bởi thời tiết. Không thấy gì anh ta yên trí làm vài cử động, giơ cao tay lên xem cử động con người ra sao trong

môi trường trọng lực yếu của mặt trăng. Sau khi đã vững dạ một chút, anh ta liền xúc một ít đất đá trên mặt trăng cho vào cái túi dán lại thật kín và bỏ luôn vào túi quần ở đầu gối. Hành động hấp tấp và gần như trẻ con này là để đề-phòng khi bất ngờ phải rời mặt trăng đột ngột thì các phi-hành-gia cũng đã có được một nắm đất trăng để đem về làm quà cho thế-giới loài người. Lúc đó Armstrong mới có thời giờ nói chuyện. Vốn là một người trầm lặng nhất trong số các phi-hành-gia (vợ Armstrong nói là ở nhà khi hai vợ chồng bàn luận công chuyện với nhau, nếu Armstrong im lặng tức là anh ta bằng lòng và khi nào bất đồng ý anh ta mới nói có một tiếng «No!» độc nhất) mà Armstrong cũng đã phải reo lên: «Đẹp quá! Đẹp quá!» Một vẻ đẹp hoang-vu khó khan như một vùng Cao-nguyên sa mạc tại Mỹ». Sau đó đến lượt Aldrin bước xuống khỏi phi-thuyền và câu nói đầu tiên của anh là: «Thật là một cảnh hoang sơ tuyệt đẹp». Sau đó hai người bắt tay vào việc. Tất cả những động tác và thời gian đều đã được trù liệu từng giây từng phút. Ngay cả những câu trầm trồ khen ngợi tự nhiên như ta vừa thấy cũng đã được dành cho một thời gian tối thiểu. Armstrong mang máy hình đặt trên một cái giá cách xa phi-thuyền 10 thước để thấu và truyền hình quang cảnh hoạt động quanh phi-thuyền. Sau đó hai người cắm lá cờ Hoa-kỳ lên mặt trăng. Lá cờ đã được giương lên bằng những sợi giây cứng để cho có vẻ như đang bay, nếu không, trong môi trường không có khí quyển của mặt trăng, lá cờ thẳng lợi sẽ rũ xuống một cách phản mỹ-thuật.

Suốt trong hai tiếng đồng hồ còn lại hai người bận rộn thi hành những thí

nghiệm đã được trù liệu. Họ căng một tấm kim loại mỏng như giấy bạc để đón lấy những tia phóng-xạ luôn luôn xuất phát từ mặt trời ra khắp. Thái-dương-hệ Cuốn giấy bạc này được cuộn lại, mang về để nghiên cứu về tính chất và cường độ của một hiện-tượng gọi là thái-dương. Họ cũng đặt một máy địa-chấn-ký có thể truyền về trái đất những địa chấn ở vùng lân cận. Những địa-chấn này có thể giúp các nhà khoa học tìm hiểu được bên trong mặt trăng đặc hay lỏng, và do đó có thể suy ra về nguồn gốc và cách cấu tạo của mặt trăng. Và họ cũng nhặt những mẫu đất trăng cho vào bọc, niêm phong hai ba lần, rồi lại bỏ vào hộp thiếc, niêm phong hai ba lần nữa để khỏi bị nhiễm các chất lạ trong phi-thuyền và cũng đã để phòng những chất độc hoặc những vi khuẩn có thể gây bệnh hoạn cho trái đất. Những mẫu đất và đá này sẽ giúp tìm hiểu về nguồn gốc của mặt trăng và của trái đất và những diễn tiến của lịch sử thái-dương-hệ. Các phi-hành-gia cũng để lại trên mặt trăng một bộ gương thạch-anh để phản chiếu những tia laser (một loại ánh sáng cực mạnh và có độ qui-tụ thực lớn có thể truyền đi rất xa) sẽ được phóng từ các địa điểm khác nhau từ trái đất lên mặt trăng. Thí nghiệm này có thể giúp đo khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng chỉ sai lệch nhiều nhất là 30 phần.

Đường về

Sau ngót hai tiếng đồng hồ bận rộn các phi-hành-gia đã thắm mệt (nhịp tim của Armstrong lên tới 160 nhịp một phút so với lúc bình thường là 88 nhịp, hai phi-hành-gia chuyển các đất đá lên phi thuyền. Họ vào phi thuyền, đóng kín

cửa lại, lột bỏ tất cả dụng cụ và đôi ủng đã dùng đi trên mặt trăng. Sau đó lại mở cửa phi thuyền ra, ném tất cả những vật đó lại trên mặt trăng. Hành động nhiều khi phiền phức đó có mục đích giảm tới mức tối thiểu sự nhiễm độc có thể có được do sự tiếp xúc với mặt trăng. Sau đó họ lại nghỉ 4 tiếng đồng hồ trước khi rời khỏi mặt trăng.

Theo đúng chương-trình đã dự định, vào 1 giờ 55 sáng thứ ba 22 tháng 7 năm 1969 (giờ Saigon) phi thuyền thoát khỏi mặt trăng. Phần đáy xuống của phi thuyền đã biến thành dàn phóng và nĩa trên của phi thuyền bay lên đón lấy phi thuyền mẹ. Bốn giờ sau, Neil Armstrong và Edwin Aldrin đã đoàn tụ với Michael Collins. Phần đồ bộ xuống mặt trăng được bỏ lại trên quỹ đạo và Apollo 11 khai hỏa trở về trái đất. Sau những giờ phút lịch sử gây căng, phi-hành-đoàn được nghỉ ngơi thoải mái, ăn ngủ và nói chuyện với các khán-giả truyền hình. Aldrin còn có thì giờ nhàn dỗi để cho các em nhỏ coi một vài thí nghiệm về tình trạng vô trọng-lực trên phi thuyền. Anh ta múc nước vào một cái muỗng rồi úp muỗng xuống, nước vẫn không đổ ra. Phải đưa tận gần miệng, hút một cái, nước mới từ từ bay vào miệng. Trông ánh nước lấp lánh, ta có cảm tưởng như đang nhìn một nhà ảo thuật biểu diễn trò nuốt lửa.

Đúng 0 giờ 49 phút, phi thuyền Apollo đã hạ xuống Thái-bình-dương ở gần đảo Hạ-uy-di. Tổng-thống Nixon đã đến tận mẫu hạm USS Hornet để đón các phi-hành-gia, Tuy nhiên ông chỉ được nhìn họ qua cửa kính và nói chuyện qua máy giao-liên với họ. Cuộc khám nghiệm sơ khởi đầu tiên cho biết tình trạng sức khỏe của các phi-hành-

gia rất tốt đẹp. Tuy nhiên để được an toàn hơn các phi-hành-gia sẽ sống biệt lập trong ba tuần nữa mới được thực sự trở về với nhân-loại.

Biện-pháp đề-phòng

Để tránh những hậu quả tai hại nhất do sự nhiễm độc, sau khi tiếp xúc với mặt trăng những biện-pháp ngặt nghèo nhất đã được áp dụng cho cuộc tiếp đón ba vị anh hùng của nhân loại. Ngay khi phi-thuyền vừa đáp xuống mặt biển, một toán người nhái đã xịt bên ngoài một phi-thuyền lớp thuốc khử trùng cực mạnh. Sau đó, cửa phi-thuyền mở ra, người nhái ném vào ba bộ quần áo khử trùng để các phi-hành-gia che kín thân thể từ đầu đến chân. Ngay cả khi thở cũng phải thở qua một bộ máy lọc có khử trùng nữa. Sau đó cửa phi-thuyền lại mở ra, và phía bên trong phi-thuyền lại được phun thuốc khử trùng một lần nữa trước khi được bọc lại bằng một lớp nhựa kín và cất vào một khu biệt-lập. Các phi-hành-gia cũng bị nhốt kín vào một căn nhà lưu động. Cả căn nhà sẽ được chở bằng máy bay tới một cơ sở hoàn-toàn biệt-lập tại căn cứ Houston. Tại đây các phi-hành-gia được luôn luôn theo dõi và khám nghiệm. Muốn nói chuyện với vợ con phải ngồi trong phòng kính kín mít. Muốn viết thư thì thư phải khử trùng trước khi gửi đi. Tất cả những biện pháp đó nhằm ngăn cản sự gieo rắc những vi khuẩn có thể gieo bệnh truyền nhiễm nguy hại cho nhân loại. Người ta liên tưởng đến người Tây-phương khi tiếp xúc với dân da đỏ ở châu Mỹ cũng đã đem làm quạ một vài bệnh phong-tinh và bệnh đậu mùa khiến cho một số khá đông dân bản xứ chết vì mắc các chứng bệnh đó.

Ngay cả những đất đá lấy từ mặt trăng cũng bị kiểm dịch từ 40 đến 50 ngày. Trong khi đó 200 nhà khoa học và chuyên môn sẽ chụp ảnh, cân, phân loại nghiền, đốt những mảnh đất đá. Các bụi đá và đất sẽ được cấy vào các tế-bào sống, được dùng để trồng rong, trồng hoa và lại được trộn vào đồ ăn cho các vật thí-nghiệm như chim, chuột và dán. Tất cả những sinh vật này đã được chuẩn bị từ mấy năm nay cho cuộc thí-nghiệm. Loài dán được chọn vì là loại sinh vật chịu đựng nhiều nhất, đã giữ được nguyên giống qua hàng triệu năm tiến triển. Chuột để thí nghiệm đều được mổ lấy ra từ trong bụng chuột mẹ và nuôi trong những môi trường không có vi trùng qua mấy thế-hệ. Khi biết chắc chắn là đất trăng và đá trăng hoàn toàn vô hại, những mẫu đất và đá được gửi đi khắp các Viện khoa-học và kỹ-thuật thế giới để các nhà bác học «hơi khâu cung». Có nhiều nhà khoa-học đã đợi nhân chứng này từ 40 năm nay, bởi vì mặt trăng là nhân chứng gần trái đất nhất, và cũng là nhân-chứng trung thành nhất vì bề mặt mặt trăng không bị gió và nước làm cho thay đổi hao mòn như bề mặt trái đất. Sau cuộc «tra vấn» người ta mong sẽ tìm ra những giải đáp mới cho những câu hỏi đã quá xưa về nguồn gốc trái đất, nguồn gốc mặt trăng, nguồn gốc sự sống. Những sự dò hỏi đó cần một thời gian khá lâu. Đối với các nhà khoa-học, cuộc đổ bộ lên mặt trăng mới chỉ là bước đầu hé mở một chân trời mới nhưng đối với đa số quần chúng thì những ngày vừa qua đã là những giây phút xúc động hân hoan nhất, ngay cả đối với những người ít quan tâm tới khoa-học

Những giờ căng thẳng

Chưa có một biến cố nào lại được

toàn thể thế giới chăm chú theo dõi như vậy. Người ta ước lượng 2/3 nhân-loại đã theo dõi chuyến bay qua máy truyền hình và truyền thanh. Gặp nhau câu đầu tiên hỏi là : « Xuống chưa ? » hay « Lên chưa ? » hoặc « Đang làm gì ? ». Tại Beirut, một bà sinh được đưa con vào ngày phi-thuyền được phóng lên, liền đặt tên con là Apollo Eleven Salim. Tại Phi-luật-tân, những trẻ sinh vào giờ phi-thuyền đều bộ xuống mặt trăng được một tòa báo thưởng cho mỗi đứa mười ngàn đồng. Tại Việt-nam, các phòng chiếu phim của Sở thông-tin Hoa-kỳ đông nghẹt như cá hộp. Một ông tài-xế xe vận-tải mình còn dính đầy dầu mỡ, chầu chực xin gặp cho được ông Giám-đốc Juspao để xin một cái hình Apollo 11 mà đài phát-thanh loan báo lúc 1 giờ đêm là sẽ phát. Thơ văn về Apollo 11 xuất hiện nhan nhản trên báo chí Saigon. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, nhà thơ nổi danh của thế hệ lãng mạn 1930, trong ngày hai kẻ phàm-tục đặt chân vào cung Quảng, đã làm luôn ba bài thơ « nhị thập bát tú », sách động các thiên-thê còn vô nhiệm hã một lần vì Trăng mà nhỏ lệ! (1)

Tất cả mọi người đều sống những giây phút hồi hộp như trong phim của Hitchcock. Hai phi-thuyền không người của Nga Luna 15 và Luna 16 được phóng lên quanh mặt trăng lại càng làm tăng thêm phần hào hứng. Liệu Nga có đáp xuống trước Mỹ, đào lấy một tảng đất rồi ôm về trước không ? Hai phi-thuyền đó định làm gì ? Quan sát, xem trộm ? Hay sẽ nhào xuống cứu hai phi-hành gia Mỹ nếu hai ông này bị kẹt ? Chuyến bay Apollo 11 quả là một thành công tuyệt diệu về kỹ-thuật. Nhưng nó

cũng chứng tỏ một thành công tuyệt diệu hơn nữa về kỹ thuật thông tin và tuyên truyền, nhất là về kỹ thuật tuyên truyền. Khi Christophe Colomb tới đất Mỹ, chỉ có một nhóm dân da đỏ ngỡ ngác chứng kiến và mãi 6 tháng sau hoàng hậu Isabelle mới được biết tin. Gần đây hơn, năm 1909, khi Peary tới Bắc-cực chẳng có ai chứng kiến và 5 tháng sau thế giới mới biết tin. Vậy mà trong chuyến bay này, một tỷ hai trăm triệu người (tức 1/3 nhân loại) đã được chứng kiến lúc Armstrong đặt chân lên mặt trăng và chỉ chậm có 1,3 giây là thời gian đèn sóng vô tuyến đi từ mặt trăng tới trái đất. Tín hiệu vô tuyến được truyền từ mặt trăng xuống mũi Kennedy, từ mũi Kennedy truyền sang Houston. Rồi từ Houston được phóng lên vệ tinh viễn thông Intelstat 3F3 ở trên Thái-bình-dương. Nhật-bản lại tiếp-vận và phóng lên vệ-tinh Intelstat ở Ấn-độ-dương. Đài tiếp vận Goonhilly (ở Anh) đón lấy và truyền sang Âu-châu. Ngay cả tại nước Việt Nam máu lửa này người ta cũng được hưởng những giờ phút gây căng nhờ sự yểm trợ của các phương tiện chiến tranh. Hình ảnh vô-tuyến nhận được từ Phi-luật-Tân hồi 12 giờ trưa ngày thứ hai 21-7-1969, liền được thu vào băng nhựa. Một máy bay phản lực trực sẵn chờ sang Saigon. Nhưng đến Saigon lại không xuống được phi trường Tân-sơn-nhứt vì trời có nhiều sương mù, máy bay lại phải quay ra Cam-ranh. Từ Cam-ranh một phản-lực chiến-đấu-cơ đủ mọi thời-tiết lại cấp tốc mang trở lại Saigon. Va ở Tân-sơn-nhứt đoàn hộ tống quân cảnh Mỹ chực sẵn, kéo còi, chớp đèn đưa thẳng tới đài truyền hình quân đội Mỹ để chiếu vào đúng 8 giờ tối (sau giờ loan báo một tiếng đồng hồ) 10 giờ 30 đêm

(1) BK số này trang 74.

vô tuyến truyền hình Việt-Nam lại chiếu lại với lời dẫn giải bằng tiếng Việt rất rõ ràng.

Con Vện và con Phượng hoàng

Sự thật, về phương-diện kỹ-thuật chuyển bay Apollo 11 không có nhiều rủi ro, bất trắc như dư-luận tưởng. Sau 5 năm chuẩn bị với 10 chuyến bay có người của chương-trình Gemini, 4 chuyến bay có người của Apollo và hàng ngàn giờ tập luyện, chuyến bay Apollo 11 là một kết quả tất hữu của một diễn-tiến kỹ-thuật hết sức thận trọng và chu đáo. Sự rủi ro, nếu có, chỉ là yếu tố nhỏ mà các phi-công trắc-nghiệm, hay bất cứ một nhà thám hiểm nào đều sẵn sàng chấp nhận. Nhưng tất cả nghệ-thuật, quảng bá của nền văn-minh Tây-phương đã được đưa ra để yểm trợ cho chuyến bay. Ngay cả những chi tiết nhỏ cũng được đề ý đến. Như thường lệ, truyền-thống thám - hiểm không-gian của Hoa-kỳ là rất bình dị gần như là đùa rỡn.

Nhưng lần này chuyến bay có vẻ trịnh trọng hơn. Đại-sứ của 69 quốc gia, 6000 thượng - khách 1792 nhà báo được mời đến chứng kiến cuộc phóng tại mũi Kennedy. Điệp văn của các nguyên-thủ quốc-gia được in vào vi-ảnh đem lên mặt trăng. Một tấm bảng có ghi những dòng chữ: « Nơi đây con người đầu tiên từ trái đất đặt chân tới mặt trăng Tháng 7 năm 1969, sau Tây-lịch kỷ-nguyên. Chúng tôi đến với thiện-chí hòa-bình của cả nhân loại. Dưới có chữ ký của ba phi-hành-gia và cả của Tổng thống Nixon. Chữ ký sau cùng đã gây thêm một luồng dư-

luận bàn tán về vấn đề chính danh và hợp tình, hợp lý trong giới quan sát. Những cầu vai, huy hiệu và huy chương của các phi hành gia tử nạn Yuri Gagarin, Vladimir Komarov, Virgilri, Grissom, Roger Chaffee và Michael Collins cũng được đem theo để tưởng niệm không phân biệt quốc - tịch. Như vậy là cả người đương thời lẫn người quá cố đã được lưu tâm tới. Thế-hệ tương lai cũng không bị bỏ sót. Tên của phi thuyền cũng được đổi để khi đi vào lịch sử nghe cho đẹp. Trong các chuyến bay trước các phi-hành-gia thường đặt tên phi thuyền một cách đùa rỡn như con cá xấu, con rệp, con nhện. Trong chuyến Apollo 10, hai nhân vật trong truyện dài bằng tranh hí họa đã được dùng: Charlie Brown (tên một thằng bé lấu lỉnh nghịch ngợm) để chỉ phi thuyền mẹ và Snoopy (tên một con chó của Charlie Brown cũng lấu lỉnh không kém) để chỉ phi thuyền đồ bộ.

Đề những tên như cu Tèo, cu Tý và con Vện, con Nhặng đi với những tên đẹp của lịch-sử tàu *Santa Maria* của Christophe Colomb, *Spirit of St. Louis* của Lindberg (người đầu tiên vượt qua Đại - tây - dương bằng máy bay) hay *Sputnik* (Lữ khách) của Nga và *Vostok* (phương Đông) của Yuri Gagarin thì nghe cũng kỳ. Nên lần này phần đồ bộ được đổi là *Eagle* (Phượng hoàng) quốc-hiệu của Mỹ và phi thuyền chính được gọi là *Columbia*, vừa nhắc nhở tới Christophe Colomb mà lại vừa là tên phi thuyền trong chuyện khoa-học giả-tưởng mà Jules Verne đã viết cách đây 100 năm. Khi đáp xuống mặt trăng nếu các phi

hành gia có nói: «Phượng hoàng đã hạ cánh» nghe cũng kêu hơn là «Con Nhện (hay con Vện) đã đặt chân xuống». Duy có một điều khó hiểu là trong khi Mỹ và cả thế-giới ca ngợi rằng Apollo 11 là một sự thành công rực rỡ của nhân loại, trong khi Thượng viện Mỹ thỏa thuận cho để lại trên mặt trăng chữ ký của Nixon, thông-diệp của các vị nguyên-thủ quốc gia, và cờ Mỹ thì chính Thượng viện Mỹ lại không chấp thuận cho mang

theo cờ Liên-Hiệp-Quốc. Quyết-định chính trị này vô tình đã quên hẳn công của những người trong đại gia-đình nhân loại từ các nhà bác học như Newton-Képler và Einstein đến các nhà phát minh ra hỏa tiễn như Tsiolkowsky, Robert Goddard và Wernher Von Braun đã trực tiếp hay gián tiếp góp phần vào công cuộc đưa nhân loại ra ngoài vòng cương-tỏa của trái đất.

TRẦN - LƯƠNG - NGỌC

CHIẾN - TRANH và HÒA - BÌNH

cuốn III và IV

của LÉON TOLSTOI

NGUYỄN - HIÊN - LÊ *giới thiệu, dịch và chú thích*

Giá mỗi cuốn

LÁ BÔI *xuất bản và phát hành*

tại Saigon : 300 đ.

Cuốn sách sẽ bán hết trước khi quảng cáo.

BIẾN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?

của TRẦN THÁI ĐÌNH

do Hướng Mới xuất bản

Đã phát hành :

KRISHNAMURTI và con người toàn diện

của CARLO SUARES

Vũ đình Lưu *dịch* Cadao *xuất bản*